

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Cửu thập tam niên)
Tòa Thánh Tây Ninh



- 1*- “Tiểu sử Tổng Giám Lê Văn Bàng”
(HT Huỳnh Tâm)
- 2*- “Bạch Ngọc Kinh nơi Đức Chí Tôn ngự”
(QS Tiến sĩ Nguyễn Thanh Bình)”
- 3*- “Nét độc đáo của Giáo Lý Cao Đài”
(TS Nguyễn Hữu Nghiệp và TS Mai Thanh Truyết)
- 4*- “Tu Tại Thế” (QS Lê Văn Thêm)
- 5*- “Chữ Tâm trong truyện Kiều hiểu theo tinh thần
Tam Giáo Đạo Cao Đài” (Tiến sĩ Lê Tấn Tài)

Tuyển Tập

Số 1

10-2018

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

Tòa Thánh Tây Ninh

MỤC LỤC

TUYỂN TẬP SỐ 1

CÁC BÀI VIẾT VỀ ĐẠO

- 1- “Tiểu sử Tổng Giám Lê Văn Bàng”
(HT Huỳnh Tâm) 3
- 2- “Bạch Ngọc Kinh nơi Đức Chí Tôn ngự”
(QS Tiến sĩ Nguyễn Thanh Bình) 71
- 3- “Nét độc đáo của giáo lý Cao Đài”
(Tiến sĩ Nguyễn Hữu Nghiệp & Tiến sĩ
Mai Thanh Truyết) 105
- 4- “Tu tại Thế” (QS Lê Văn Thâm) 123
- 5- “Chữ Tâm trong truyện Kiều hiểu
theo tinh thần Tam Giáo Đạo Cao Đài” 163



Tổng Giám Lê Văn Bàng

Mục Lục.

“Tiểu sử Tổng Giám Lê Văn Bàng”

- Lời Trình Dâng Trang 05
- Cội nguồn phát tích Trang 10
- Kể chuyện khởi nguyên hành Đạo Trang 12
- Tiến trình hành Đạo Trang 14
- Lịch sử xây dựng Đền Thánh Trang 15
- Xuyên qua thời cuộc khảo đảo Trang 36
- Lễ Bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh. Trang 38
- Mô hình kiến trúc và công trình xây dựng
Tòa Thánh Trang 58
- Những công trình kiến trúc và xây dựng
Nội Ô Tòa Thánh. Trang 61
- Thỉnh Nguyên gửi Hội Thánh. Trang 64
- Hành trình yên tĩnh của một tín đồ Cao Đài . . Trang 68

Tiểu Sử Tổng Giám Lê Văn Bàng (1902-1987)

(Biên khảo Hiền Tài Huỳnh Tâm)



Tòa Thánh Tây Ninh ¹

Lời Trình Dâng.

19/02/1975.:Mùa Xuân vinh danh Chí Tôn, Toàn Đạo khắp nơi về Tòa Thánh chúc mừng lễ dâng hiến công nghiệp hằng năm và tham dự Đại Hội Nhơn Sanh. Mùa vinh danh Chí Tôn năm ấy cũng nhân dịp dòng chảy giao lưu hướng về đại lộ yêu thương và lập công bồi đức nền Đạo.

Những hội viên Đại Đạo Thanh Niên Hội cũng từ khởi động

1- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

nhịp tim ấy để lên chương trình, đề án thực hiện Công Nghiệp Đạo cho ngày tương lai, rồi dòng lịch sử đến «30/04/1975» chương trình Đạo sự chưa thực hiện phải cuộn theo vận nước Việt Nam thăng trầm.

Mốc lịch sử 30/04/1975 đưa Đức tin Cao Đài vào những hệ lụy đóng tảng dòng Nghiệp Đạo hun hút, không lời ước mơ và dư âm giục giã, bởi hoàn cảnh xã hội nối tiếp nghiệt ngã và dồn dập thử thách Đức tin Cao Đài. Toàn Đạo phải nhận khổ cùng kiệt sự sống, không còn lời ước nguyện cho đời mình dâng cao và tự tin vào lẽ sống, Đạo đời đã trôi qua hai thập niên im lìm và nay vẫn còn tiếp tục trên dòng thác bi đát cuộc đời .

Nhưng dưới ánh sáng mặt Trời lúc nào cũng rực rỡ và báo hiệu niềm tin mới, cho phép những cơn mang mở ra cánh cửa cũ nhằm thực hiện những ước vọng mới, để cho Đức tin vươn ngời vào mọi tinh thể và soi rọi tận chân trời Nhân bản hoàn người .

Nay chúng tôi viết Tiểu Sử Tổng Giám Lê Văn Bàng lại nhớ nơi chôn nhau cắt rốn, tất cả những gì trên quê hương cũng nhớ, nhớ Đền Thánh một Đức tin Dân tộc Việt Nam yêu dấu và ngôi nhà Đại Đạo Thanh Niên Hội, đã cùng chúng tôi năm xưa dâng ý nguyện, người Anh Chị Em ấy vẫn còn đó những cơn mang phụng sự Đạo như Huỳnh Trưởng Khiêm, Phước, Độ, Côn, Cải, Tài, Tổng và đôi hiền nhân biên biệt xa trần thế như Huỳnh Trưởng Bạch và Kíp.

Từ những thương nhớ ấy cho phép chúng tôi hy vọng tiếp nhận thể cách và linh đan của Đạo, qua sự mặc khải của Đức

Hộ Pháp Phạm Công Tắc đêm 15/7/1994 Paris, đã soi sáng và dạy bảo những gì trong tầm tay nắm được hiện hữu.

Ngày này, 19 tháng 5 năm 2018, chúng tôi cập nhật hóa lần cuối với những dữ liệu phong phú vào cuốn sách Tiểu Sử Tổng Giám Lê Văn Bàng cho hoàn chỉnh tương ứng văn hóa, lịch sử Đạo Cao Đài, trên mọi thực hiện biên khảo Tiểu Sử Tổng Giám Lê Văn Bàng qua những cấu trúc chân dung tiêu biểu vì Đạo để vinh danh một đức hạnh phi thường và chúng tôi đặt Khoa học Xã hội Nhân Văn trong cuốn sách nhỏ này bởi những trung thực nào cũng được trong sáng.

Chúng tôi biết ơn quý sở Đạo, và quý vị: Cao Đài Hải Ngoại, Ban Thế Đạo, Quốc Sĩ Nguyễn Ngọc Dũ, Đại Huynh Hồ Văn Quới Ban Kiến Trúc Tòa Thánh Tây Ninh, Hội Thánh Ngoại Giáo Cao Đài Âu Châu, Thư Viện Cao Đài Pháp, Ban Đạo Sử Cao Đài Âu Châu, Nhị vị HH HTỷ Hiền tài Võ Hà Quyển. Anh Chị Em Đại Đạo Thanh Niên Hội Trung Ương Tòa Thánh Tây Ninh, Quý Hiền Huynh Giáo sư Thần học Cao Đài, Viện Khoa học Xã hội Nhân văn Paris, Giáo sư Xuân Vũ, Đại huynh Nguyễn Thái Sương, HT Nguyễn Thị Xuân Mai, gia đình Ngài Tổng Giám Lê Văn Bàng (HT Lê Thị Huệ Hường đại diện), cung cấp, và tiếp cận nguồn dữ liệu tạo điều kiện để hoàn tất biên khảo này.

Mặc Khải: Ngoài ra có những mặc khải của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chỉ dạy và thôi thúc chúng tôi: « - Các con nên đi tìm gia phả của Tổng Giám Lê Văn Bàng mà viết tiểu sử, bởi công nghiệp Đạo của Tổng Giám xứng đáng lưu truyền. Thầy nhắc nhở các con nơi lưu trữ tài liệu của

Tổng Giám là Bạch Vân Động, trong thư phòng của Giáo sư Gustave Meillon, riêng phần bổ túc tiểu sử Thầy sẽ tạo điều kiện sau. Các con không nên để mất cơ hội này vì mỗi công nghiệp Đạo đều có giá trị thăng hoa và truyền giáo.

Các con phải hiểu Đức Chí Tôn đã hạ mình nuôi dưỡng nhơn sanh, để rồi NGƯỜI nhận chịu trước các con khi bị căng da thử thách, NGƯỜI là hiện thân của yêu thương và bao dung, NGƯỜI sẽ ban phép lạ nuôi các con trên ngôi ánh sáng kỳ diệu. Các con sẽ nhận gương ấy để soi chung, lấy tinh thần ấy mà học và giữ biên Đạo được lưu truyền mãi mãi.

Thầy vì thương Nhơn sanh mà để mất lo Đạo từng ấy việc.
«Nhơn sanh cùng biết thương nhau là thương Đức Chí Tôn, thương Đức Từ Mẫu, thương Đạo như thương Thầy và cả các Đấng Thiêng Liêng».

Chúng tôi nhận được thị hiện của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc dạy bảo, từ cơ duyên ấy không bao lâu có đủ tài liệu của Tổng Giám Lê Văn Bàng như một nhân duyên chặt bó công quả, được tiếp xúc Đại Huynh Nguyễn Thái Sương, Chủ Trưởng Phước Thiện Sài Gòn qua các cuộc phỏng vấn tại Pháp quốc nguyên là gia quyến Ngài Tổng Giám Lê Văn Bàng.

Thi sĩ Hà Châu Lý, «Hiền Huynh, Hiền Tỷ Hiền Tài Võ Hà Quyến» từ Canada đến Pháp Quốc thăm viếng chúng tôi và tặng tài liệu Bàn Giao Đền Thánh.

Đại Huynh Hồ Văn Quới thay mặt Ban Kiến Trúc Tòa Thánh gửi tài liệu bổ túc đến Ban Đạo Sử Cao Đài Âu Châu và Thư Viện Cao Đài tại Pháp.

Nhờ vậy chúng tôi vui mừng và đối chiếu những tài liệu trung thực nhất, nhận rằng những gì Đức Hộ Pháp thị hiện dạy bảo, cho đến nay cuốn sách Tiểu Sử Tổng Giám Lê Văn Bàng được thành hình đều do sự mặc khải kỳ diệu của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Chúng con kính ngưỡng mộ NGƯỜI, và cầu nguyện mọi hiện hữu đời đời bình an.

Paris ngày 06/12/1995

Hiệu đính ngày 19-5-2018

Biên Khảo Hiền Tài Huỳnh Tâm

Tiểu sử Tổng Giám Lê Văn Bàng (1902-1987)



Tổng Giám Lê Văn Bàng ²

Cội nguồn phát tích.

Ngày thứ Ba 12/01/1902 : Tại Tổng Hòa Hiệp, quận Cái Bè, tỉnh Mỹ Tho (Tiền Giang) miền Nam Việt Nam, vào tuần thứ hai đầu mùa Xuân, gia đình ông bà Lê Văn Luận và Nguyễn Thị Diệu, sinh hạ được một hài nhi đặt tên Lê Văn Bàng. Sự tăng trưởng của Lê Văn Bàng cũng ở độ bình thường như mọi đồng sinh khác, thời thơ ấu sống trong gia đình bình lặng và trôi theo văn hoá sông nước lưu vực lục tỉnh Miền Tây.

Năm 1920: Ngài Lê Văn Bàng vươn vai vào đời và đặt mình

2- Nguồn: Gia tộc Tổng Giám Lê văn Bàng.

trên mọi tự tin ở tương lai, với tất cả mỹ thuật trong ký ức ấu thơ mang nặng khối tình quê hương thiên phú, đã cho phép tuổi thơ của Người đầy ắp nguồn sáng tạo nhận từ miền phì nhiêu sông rạch hiền hòa bằng kinh nghiệm sống vì tha nhân, qua sự ẩn hiện kiến trúc và xây dựng thiên nhiên theo năm tháng trở thành văn hóa xã hội mang dấu ấn đặc thù đồng nội lực tinh của Người từ ấy. Cảnh thanh bình lục tỉnh đã quyện ở thân Người và tạo thành một kiến thức căn nguyên đạo đức kỳ diệu.

Năm 1921: Ngài Lê Văn Bàng vào tuổi thanh niên đã phải dừng chân bồng bệnh để lập gia thất với Bà Nguyễn Thị Chũ, gia đạo hạnh phúc không được bao lâu mắc phải hoàn cảnh ly hôn, đã sinh hạ được một (1) trai, ba (3) gái. Ngày sau ba người con gái của Ngài Lê Văn Bàng tiếp nối hành trình cha ông tạo lập Đạo nghiệp tại Tòa Thánh Tây Ninh.

- Lê Văn Sĩ, chỉ được hưởng dương dưới «đáo tuế».
- Lê Thị Ba, lập công bồi đức tại Tòa Thánh Tây Ninh.
- Lê Hồng Nga, Giáo Nhi được Đức Hộ Pháp chọn ngôi «Cộ Tiên».
- Lê Thị Ngọc, chức sắc Phó Tổng Giám Ban Kiến Trúc Tòa Thánh Tây Ninh.

Vào năm 1941. Ngài kết hôn lần thứ nhì với Bà Nguyễn Thị Nỉ, thân phụ là Nguyễn Văn Lạc và thân mẫu là Nguyễn Thị Mùi quê ở Quận Cao Lãnh, tỉnh Sa Đéc, miền Nam Việt Nam. Gia đình Người hạnh phúc dù lam lũ, cực nhọc và đặt trọn niềm tin vào cuộc sống đầy sinh lực mới, từ ấy gia đình được khởi sắc và đồng sinh hạ được hai (2) trai, ba (3) gái. Điều kiện sống phong phú, và khởi sắc trên hai mặt Đạo và Đời.

Những người con của Ngài cùng đồng hành tiếp nối sự nghiệp cha ông hướng về Tòa Thánh tạo lập Đạo nghiệp bởi Đức.

- Lê Thu Hà, Luật Sư tại Bộ Pháp Chánh, Hiệp Thiên Đài.
- Lê Văn Sua, chỉ được hưởng dương dưới «đáo tuế».
- Lê Thị Huệ Hương, Hiền Tài Ban Thế Đạo.
- Lê Thị Huệ Dung, lập công bồi đức tại Bá Huê Viên Tòa Thánh Tây Ninh.
- Lê Thành Tân, thừa tự họ Lê, và lập công bồi đức tại địa phương Tây Ninh.

Ngài Lê Văn Bàng vào tuổi thượng thọ, thỉnh thoảng khơi dậy ký ức kể chuyện cũ cho con cháu cùng nghe, quan trọng nhất những sự kiện trong đời người không ngờ có thể thực hiện được qua khoảnh khắc kỳ diệu, thấy một cách phảng phất trong giấc ngủ.

Kể chuyện khởi nguyên hành Đạo.

« - Ngày xưa năm ấy (20-10-1935). Trong cơn bạo bệnh, nằm thêm thiếp có thể là nửa thực, nửa mơ thấy một ông già đức độ, đầu tóc bạc phơ. Ngài đến bên giường nói:

« - Con không thể nào ở đây để sống một cuộc sống bình thường. Trách nhiệm của con là phải xây cất Tòa Thánh ở Tây Ninh.»

Cha (Lê Văn Bàng), kính cẩn thưa với Ngài rằng: « - Bạch Ông, con không biết Tây Ninh là ở đâu, xây cất Tòa Thánh ra làm sao ? Gia đình con thì nghèo, các cháu còn non dại. Ông nói thì con vâng lời nhưng con chưa biết phải làm sao ?»

Đấng Bạch Ông nói: « - Chuyện đó để ta lo, ba (3) hôm sau con hãy ở nhà sẽ có người đem đến trao cho con một trăm (100) đồng bạc hình Bộ lư. Con để lại một ít cho vợ con, rồi con lập tức tìm đường về Tây Ninh.»

Cha, kính cẩn thưa với Đấng rằng: « - Thưa Bạch Ông, tiền của ai đưa cho con xin Ngài cho biết danh tính đặng ngày sau con hoàn trả lại.»

Đấng ấy đáp: « - Tiền của Ông Cả trong làng giúp con làm lộ phí. Con không cần phải trả lại.»

Cha, thành thật nói lên nỗi lòng âu lo của mình: « - Bạch Ông, con xin nghe theo lời Ông nhưng khi về Tây Ninh con không biết ai, và ai cũng không biết con.»

Đấng ấy ung dung đáp: « - Con về Tây Ninh, tìm đến nơi đang xây cất Tòa Thánh, nói với Bảo Thể là con muốn xin diện kiến Đức Ông, lúc đó con sẽ biết con gặp ai ? «

Quả nhiên sáng hôm sau có người nhà của Ông Cả đem đến một trăm (100) đồng bạc hình Bộ lư, chuyện trong đêm lại hiện thực giữa ban ngày.

Tôi, liền hỏi: « - Sao Ông biết nhà tôi mà đến đưa tiền và của ai ?»

Ông Cả từ tốn một cách tự nhiên đáp: « - Tôi nằm chiêm bao thấy Ông đầu tóc bạc phơ, bảo đem số tiền này đến trao cho Ngài, và Ngài lo thu dọn đồ đạc muốn ghe chở gia đình về Tây Ninh.»

Lúc ấy, Cha tôi thấy sức mạnh của sự kỳ diệu mở rộng những hiện thực mà Cha là người đang tiến hành. Từ ngày nhập

môn cầu Đạo cho đến nay, cũng vừa lúc 5 năm thừa theo chu kỳ thăng hoa của một tín đồ Cao Đài thuần khiết, tuy Cha (Lê Văn Bàng) đau ốm nhưng vẫn vì tiếng gọi Thiêng Liêng mà tạm từ giã gia đình cũng như quê hương, tiến bước lên đường đến Tây Ninh.

Vào Tòa Thánh Cha (Lê Văn Bàng) hướng thấy trên cao tinh khiết có chân dung của Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung) chính là Ông già đức độ tóc bạc phơ của đêm chiêm bao 20/10/1935, và 100 đồng bạc Bộ lư cũng trong chiêm bao ấy, mở ra một lộ trình mới cho Cha tôi về Tòa Thánh Tây Ninh hành đạo.

Tiến trình hành Đạo.

Ngày 20/12/1935. Ngài Lê Văn Bàng về đến Thánh Địa, mọi tiến trình diễn biến như in lời Đấng Bạch Ông căn dặn. Ngài Lê Văn Bàng gặp Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, đàm đạo trao đổi một lúc. Đức Hộ Pháp cho biết: « - Thầy đang chuẩn bị chọn ngày giờ vào tháng sau tổ chức Đại hội Nhơn sanh tham khảo mọi ý kiến thành lập kế hoạch tạo tác Đền Thánh, khi ấy Thầy đề cử con làm Tổng Giám tạo tác Đền thờ Chí Tôn.»

Dạ con tuân lệnh Thầy.

Ngày 10/01/1936. Sau Đại hội Nhơn sanh, Văn Phòng Công Viện Phước Thiện, chính thức lập Tờ Bỏ Dụng số 01 cho Tổng Giám Lê Văn Bàng, Hội Thánh Phước Thiện mời cựu Đốc công Cương người phụ trách xây dựng Đền Thánh của những lần trước để tham khảo, và giới thiệu Ông Lê Văn Bàng chính thức được Hội Thánh ủy nhiệm. Văn Phòng Công Viện Phước Thiện, cựu Đốc công Cương với tân Đốc

công Lê Văn Bàng cùng nhau tham khảo những công trình xây dựng lúc trước, rồi mới lấy quyết định tạo tác Đền Thánh theo thời gian ấn định hoàn thành trong 6 năm.

Tổng Giám Lê Văn Bàng muốn tìm hiểu những trải nghiệm của quý đấng đã thực hiện nhưng chưa hoàn thành như ý của Đức Chí Tôn, do đó có những điều biết đâu mà nói trước về xây dựng lần này, cho nên Văn phòng Công Viện Phước Thiện, và cựu Đốc công Cương trình bày tiến trình kiến thiết Tòa Thánh như sau:

- Trong tuần thời điểm thứ Năm, ngày 17 tháng 2 năm 1927, (Ngày 16 tháng Giêng Đinh Mão). Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông dạy mọi chi tiết, xây dựng Tòa Thánh, nhưng lúc bấy giờ Đạo còn nghèo, số tín đồ chưa đông, nên việc xây dựng Tòa Thánh bằng vật liệu nặng, bê tông cốt sắt chưa thực hiện được ở lúc này, và còn tùy thuộc vào thời gian, tài chánh, nhân lực v.v...

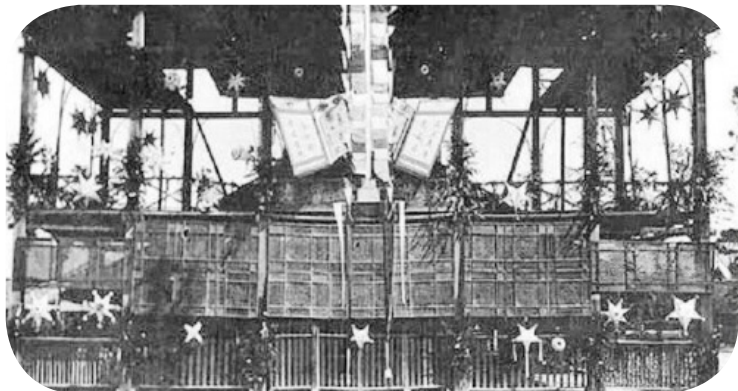
Chùa Gò Kén là nơi Khai Đại Đạo nhưng không đủ vững chắc cho sự ổn định truyền giáo và mở rộng Đạo. Đức Chí Tôn truyền dạy tìm miền đất mới lập Thánh địa trả chùa lại cho Hòa Thượng Như Nhãn. Từ đó Đạo Cao Đài thành hình Thánh Địa tại làng Long Thành, quận Thái Bình, tổng Hàm Ninh. Sau đổi thành địa danh mới quận Phú Khương, huyện Hòa Thành, thị trấn Hòa Thành, cách tỉnh lỵ Tây Ninh khoảng 5 cây số về hướng Đông Nam.

Lịch sử xây dựng Đền Thánh.

I - Xây dựng lần thứ nhất, khởi công vào ngày 25-12-1927 (Đinh Mão).

Tạo tác gấp rút Tòa Thánh tạm bằng vật liệu thô sơ, mái

tranh, tre và vách ván, cùng lúc xây dựng tạm những cơ quan hành chánh đạo bằng mái tranh, vách đất có nơi cho chức sắc làm việc. Hy vọng sau khi công việc xây dựng tạm được ổn định, sẽ bắt đầu khởi công xây dựng Tòa Thánh bằng vật liệu nặng với quy mô lớn theo mô hình của Đức Lý Giáo Tông và Đức Chí Tôn đã dạy.

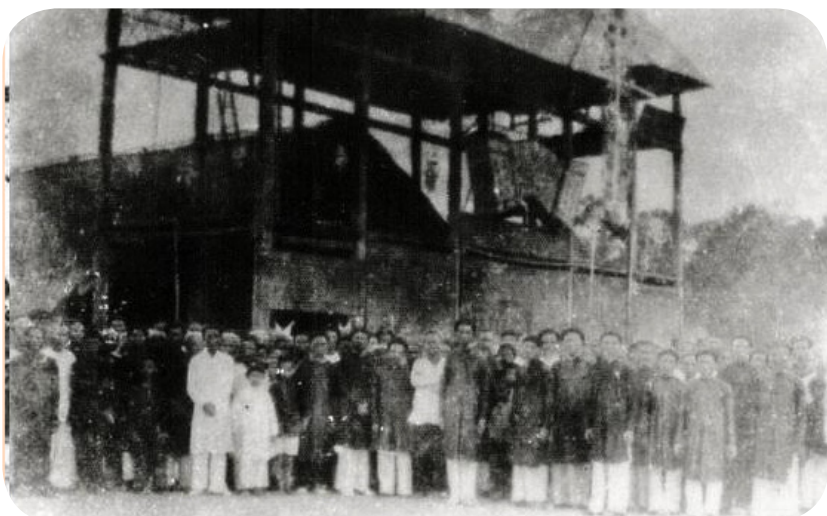


Tòa Thánh tạm lúc mới xây ³

II - Xây dựng lần thứ hai, khởi công vào năm 1931 (tháng 10 năm Tân Mùi).

Toàn lực Nhơn sanh tiến hành thực hiện kiến thiết và tiếp tục xây dựng Tòa Thánh. Ngài Chánh Phối Sư Thái Thờ Thanh (ngày sau Đầu Sư) vận động toàn đạo và chăm sóc xây dựng, tạo tác Đền thờ Chí Tôn với ý nguyện mở rộng Đạo vào Đời. Khởi động đào móng làm nền, đào hầm Bát Quái. Công việc tiến hành tạo tác Đền Thánh không được tiến triển như ý, do thiếu chuẩn bị vật chất và phương tiện, đành phải tạm ngưng kiến thiết Tòa Thánh.

3- Vào ngày 25-12-1927, quý đấng tiền khai lấy quyết định tạo tác Tòa Thánh tạm, do Đức Cao Thượng Phẩm (Cao Quỳnh Cư) đứng ra tạo lập.



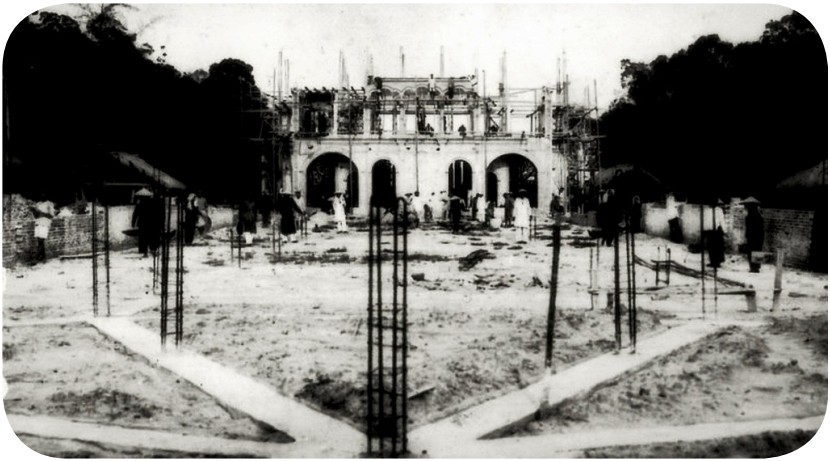
Chư chức sắc Thiên phong Hiệp Thiên Đài và Cử Trung Đài chụp hình lưu niệm, sau khi hoàn thành điện thờ Đức Chí Tôn. ⁴



Hầm Bát Quái Đài. ⁵

4- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

5- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).



Nền Bát Quái Đài và Phần Hiệp Thiên Đài năm 1931 ⁶

III - Xây dựng lần thứ ba, khởi công vào năm 1933 (Quý Dậu).



(Trước Bửu Tháp của Đức Cao Quỳnh Cư, đang đồ đạc xây nền móng, phần hẻm của Đền Thánh được xây dựng sát với

6- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

cổng chánh môn ngày nay, tức là từ ba Bửu Tháp trở vô sân Đại đồng xã, Cột Phướng và trước mặt Hiệp Thiên Đài của Tòa Thánh ngày nay) ⁷.

Toàn Đạo khởi động công nghiệp, tạo tác Đền thờ Chí Tôn, do Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt (Lê Văn Trung), cùng Nữ Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh, và ba (3) vị Chánh Phối Sư Cửu Trùng Đài, tiếp nối công trình xây dựng, rồi cũng chỉ đào được hầm tảng Bửu Khánh và đổ bê tông. Công việc chưa thành thì Đức Quyền Giáo Tông lâm bệnh và đăng Tiên ngày 13-10 Giáp Tuất (1934).

IV. Xây dựng lần thứ tư, khởi công vào năm 1935 (Ất Hợi).

Thành lập Hội đồng tạo tác Đền thờ Chí Tôn, Chức sắc Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài cùng hiệp thành đại nguyên, do Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh chấp chương vận động công nghiệp Đạo; bước công quả này xây dựng được lầu Hiệp Thiên Đài, đúc 4 trụ cột, đổ plafond một khoản nhỏ từ vị trí của Hiệp Thiên Đài. Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh dốc hết tâm lực vận động tài chánh, và nhờ Bác Vật Phan Hiếu Kinh từ Sài Gòn lên làm cố vấn, rồi cũng phải ngưng lại, mọi xây dựng dở dang.

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt quy Tiên, Đại Hội Nhơn Sanh yêu cầu và ủy nhiệm Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc thống nhứt Nhị Hữu Hình Đài cầm giềng mỗi Đạo, tiếp tục khởi công tạo tác Đền thờ Chí Tôn lần thứ

7- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

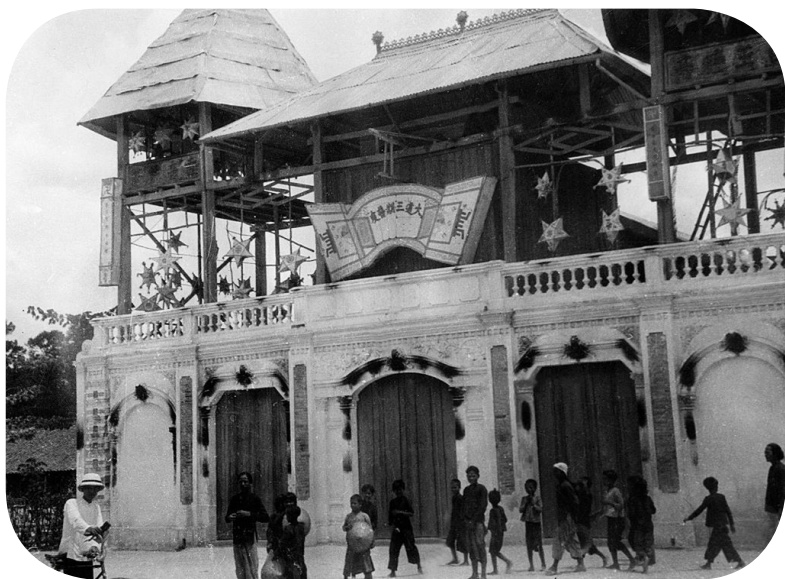
*tư. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc ban truyền tái tạo tác Đền thờ Chí Tôn trên nền tảng một khối đức tin mãnh liệt, Nhơn sanh và toàn đạo đồng nhứt khẩn nguyện Thiêng liêng trợ lực.*⁸



Những năm tháng đã qua, tuy quá trình xây dựng Đền Thánh chưa thành tựu, nhưng Đại Đạo vẫn khai mở rộng, mỗi ngày Nhơn sanh nhập môn cầu Đạo càng đông, đến với đức tin ai cũng bắt tay vào sự nghiệp Đạo, tạo thành sức mạnh như Thiêng liêng tại thế, toàn đạo lạc quan công quả, hy vọng sẽ thắng mọi trở ngại khó khăn dù ngày đêm khắc khoải, ăn uống không đủ chỉ khoai củ là chính, đôi bữa cháo trắng thay cơm, tương chao thay bằng nước muối pha mặn, áo rách tả toí khâu vá trăm mảnh, chân trần đạp đất pha sương giá, đổi thụ hưởng trần đời thay vào ngôi cao đức tin làm hạnh phúc

8-Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

cho kiếp sinh, lấy Bạch thủy, Rượu, Hoa, Trà, Quả dâng lên Đức Chí Tôn và kinh nhật tụng kinh tứ thời, biến thành «Tinh, Khí, Thần» thay cho liều thuốc Tiên trị liệu bá bệnh, từ những tự tin ấy phép lạ ban ra khắp cùng toàn đạo, bởi phù trì tuyệt đối của Đức Chí Tôn, Phật Mẫu và các Đấng Thiêng liêng. Nhờ vậy sức mạnh Đức tin vượt trội của con người không còn trọng lượng nào khác làm đổi thay, chất Đạo và tình người của mỗi tín đồ có thừa mới gánh vác trách nhiệm với Thiêng Liêng. Sức mạnh của Nhơn sanh như đôi bàn tay nguồn lực vạn năng, một trữ lượng toàn khối đồng thuận quy nhứt lý Cao Đài, và thương yêu từ đây cho đến 700.000 năm sau.



Tòa Thánh Tây Ninh năm 1930

Tòa Thánh Tây Ninh năm 1930, 4 năm sau khi khai Đạo Cao Đài. Tòa Thánh đầu tiên của Đạo Cao Đài ở Tây Ninh vào năm 1947 đã trở thành một trong những công trình tôn

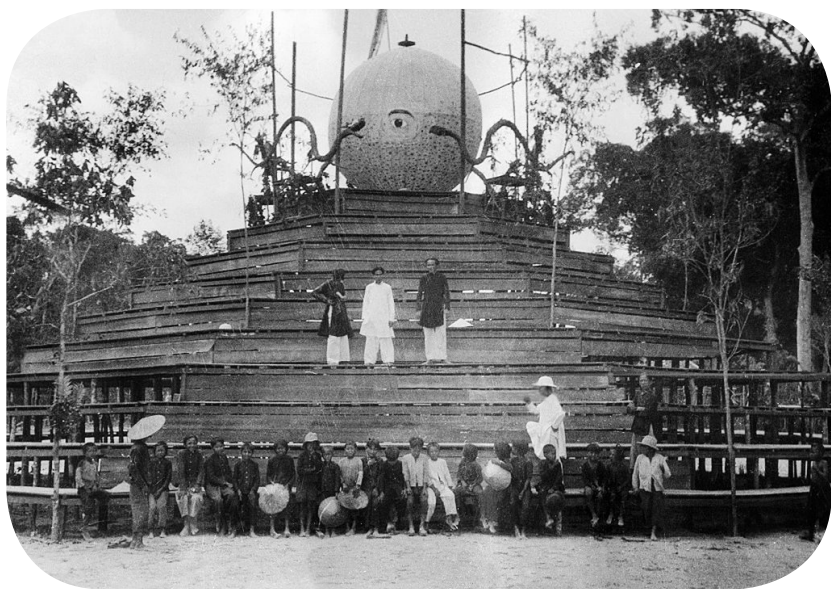
*giáo đầu tiên tại Việt Nam.*⁹



*Toàn thể chức sắc chức việc chụp hình lưu niệm tại nền Đất đang khởi công xây Đền Thánh năm 1930 nhân ngày lễ Kỷ Niệm Hạ nguồn Khai đạo.*¹⁰

9- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

10- Nguồn như trên.



Thiên Nhân – biểu tượng của Đạo Cao Đài được đặt trên Cữu trùng đài ở khuôn viên Tòa Thánh.¹¹

V - Xây dựng lần thứ năm, khởi công vào ngày 14-2-1936 (1-11 Bính Tý)

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông đăng Tiên, Đức Hộ Pháp được giao hành quyền Hội Thánh, Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài (Hiệp Thiên Đài và Cữu Trùng Đài) Đức Ngài dự trù kế hoạch liên tục xây dựng Tòa Thánh cho đến lúc hoàn thành.

Khởi công xây dựng Tòa Thánh lần này với vật liệu nặng và kiên cố, có thể duy trì trong thời gian hữu hạn nào đó, theo lời dạy chi tiết của Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông vào ngày 17 tháng 2 năm 1927, (Ngày 16 tháng Giêng Đinh Mão). Tuy còn nhiều khó khăn về tài chánh, và khả năng

11- Nguồn: ibid

đức hạnh xây dựng Đền Thánh có hạn.

Ngày 27/01/1936. Ngài Tổng Giám Lê Văn Bàng dâng ý kiến lên Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc:

« - Con nghe Thầy dạy bảo Đạo mình còn nghèo, trường thi đua công quả của Nhơn sanh cũng có giới hạn, cho nên toàn Đạo phải để ý nhờ vào quý Đấng chỉ lãnh trợ lực và các trí lực nơn sanh xây chuyển mới mong tạo tác Đền Thánh Chí Tôn đến ngày thành quả. Bởi thế con xin dâng lên Đức Thầy 9 ý kiến của Ban Kiến Trúc nhằm phân bổ công thợ và công quả cho hợp lý như sau:

- 1 - Sở Nung Gạch, cung cấp gạch nhiều loại.
- 2 - Sở Các, từ sông Tây Ninh cung cấp.
- 3 - Sở Sạn, khai thác hầm sạn để đổ Bê-tông.
- 4 - Sở In Gạch Bông.
- 5 - Sở Ghe, chuyên chở vôi bột từ Hà Tiên về Tòa Thánh.
- 6 - Sở Lò Rèn, cung cấp đỉnh vuông và các linh kiện thợ hồ.
- 7 - Sở Củi, cung cấp chất đốt cho lò Gạch, lò Rèn.
- 8 - Sở Cây, cung cấp gỗ làm cốp pha (coffarge), cho phần bê tông cốt tre, cốt sắt, và giàn giáo.
- 9 - Hội Thánh cung cấp Ciment, Sắt và bổ sung nhân lực công quả.

Hội Thánh và Đức Hộ Pháp đồng thuận đề nghị phải của Ban Kiến Trúc do Ngài Tổng Giám Lê Văn Bàng đứng ký tên. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cho biết đã huy động trên 500 đạo hữu tại Phạm Môn làm lực lượng nòng cốt hiến dâng công quả, đang lập Hồng thệ suốt thời gian xây cất Tòa Thánh không được lập gia đình đặng có đủ tinh khiết cho đến ngày hoàn thành, và trường chay.

Đức Hộ Pháp đề tâm chú ý sức khỏe của toàn đạo, Người phê rằng :

« - Không thấy những đề nghị của Nhơn sanh và Ban Kiến trúc, nhằm chăm sóc sức khỏe như thuốc men để trị liệu khi dầm mưa dãi nắng, và lương thực để ăn uống trong lúc tạo tác Đền Thờ Chí Tôn ».

Sau lời phê của Đức Hộ Pháp toàn đạo chú ý đến sức khỏe nhiều hơn, hầu lập công nghiệp Đạo bền bỉ cho đến ngày hoàn thành Đền Thờ Chí Tôn.

Ngày 11/08/1936 (Bính Tý). Vào lúc 09 giờ sáng. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc tiếp đón Tổng Giám Lê Văn Bàng trong tinh thần nhà xây dựng, lời khuyến Đạo của Đức Hộ Pháp trải rộng tình cảm và nồng hậu, khen ngợi ý chí cao quý vì Đạo của Tổng Giám.

Đức Hộ Pháp ban ân sủng: *« - Từ nay trong mỗi giấc ngủ của con, tri giác luôn hoạt động với những cảm nhận đồng liên hệ với hiện hữu do những tín hiệu xúc tác cấu tạo đưa đến đối diện sự thương yêu như hôm nay và mai sau, bởi bình dị đức hạnh kỳ diệu đó mà Thầy trải lòng ban ân sủng cho con những ước nguyện sẽ thành hiện thực ».*

Ngài Lê Văn Bàng thưa rằng:

« - Con tự tin mọi sự tạo tác Đền Thờ Chí Tôn được hoàn thành, nhưng công nghiệp vì Đạo của con không được bền lâu để thấy ngày khánh thành Đền Thờ, với hoàn cảnh chính thân không được bình an theo ý, bởi sự đau ốm đã đến lúc mục rã không biết ngày nào xa bỏ Đời này, riêng về gia cảnh con an tâm sống gởi nơi Đạo ».

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc dạy rằng:

« - Những gì hiện diện ở đây là nơi chí thành vì Đạo, Thầy thấu hiểu hoàn cảnh và thân con trước khi có thư mời về Tòa Thánh, bởi Thầy cùng con và nhơn sanh có một liên hệ đồng sinh kiếp này, đã một lần cùng ước hẹn tạo tác Đền Thờ Chí Tôn, một Bạch Ngọc Kinh tại thế. Những chí thành vì Đạo của con nay lớn hơn thân phận hiện hữu ở cõi tạm đó mà, các đấng Thiêng Liêng sẽ chở che những ai công dày đức hạnh, và nhân đây Thầy ban cho Bàng ba (3) phép lành để bình an lập nghiệp Đạo:

1 - Gia tộc từ đây hưởng theo âm đức.

2 - Đau ốm đổi thành bình phục.

3 - Phế hưởng dương đổi thành hưởng thọ».

Ngài Lê Văn Bàng nhận từ phép lành của Đức Hộ Pháp, ngay lúc ấy chuỗi ánh sáng Thiêng liêng mở rộng toàn diện thay đổi một kiếp sinh, từ ấy gia đạo bình an con cái thành nhân chi mỹ, không bận tâm vào đời sống riêng tư, con thịnh nộ đau ốm nan trị ấy đã biến mất để nhường chỗ cho công nghiệp Đạo từ đây cao vời vợi. Ngài Lê Văn Bàng thổ lộ riêng trong tâm tư:

« - Lần đầu tiên đàm đạo với Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, như đang đứng trước Đấng trí tuệ toàn năng, Người phản ảnh tâm tình rất bình dị và thiết thực, nhưng đến lúc Người ban cho mình 3 phép lạ, thì mới nhận ra uy quyền của Người vì Đạo Độ Thế, và ngay thân tôi nhận hoàn toàn hạnh phúc từ lúc ấy.»

Hôm nay tôi tự hỏi trong thâm tâm không thành lời. Mình đáng trách đứng trước Đức Hộ Pháp không biết hiện thân

của Người là ai mà có sức Phổ Độ huyền diệu đến thế ? và NGƯỜI thông thả trả lời những điều suy nghĩ trong tôi, như đã nghe và hiểu sự thâm kín ấy:

« - Từ đây, Thầy dìu dẫn Đạo cho con, và con hãy tu học thật tốt qua các bộ Kinh Thiên và Thế Đạo, Tân Luật, Pháp Chánh Truyền, Đạo Luật và Thánh Ngôn Hiệp Tuyển. Con sẽ thấu hiểu được lời chỉ dạy của Đức Chí Tôn, rồi con sẽ biết Thầy là ai, đó mới chỉ là hiện thân cá tính của Thầy trong 12 Tông đồ đầu tiên do Đức Chí Tôn chọn lựa để khai Đạo Cao Đài ngày nay. Sau này ngày Thầy quy Tiên sẽ có 1/12 Tông đồ của Chí Tôn công bố hiện thân của Thầy, từ ấy Nhơn sanh biết thương yêu Thầy nhiều hơn, nay Thầy chỉ biết lấy thân dìu dắt Nhơn sanh đến cùng với Đức Chí Tôn và Đức Từ Mẫu mà không công bố hiện thân nhỏ bé này. Riêng ngày nay chỉ còn 1/2 tổng số Tông đồ đầu tiên do Đức Chí Tôn lựa chọn, đó là những Chức Sắc Đại Thiên phong xây nền tảng của Đạo, và Thầy lấy lòng kính trọng Nhơn sanh thuần khiết vì Đạo».

Lúc Tổng Giám Lê Văn Bàng về Tòa Thánh đúng 34 tuổi, vận số chỉ hưởng Dương được 36 tuổi, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc hoán đổi vận số cho Tổng Giám Lê Văn Bàng hưởng thọ được 85 tuổi. Việc phước hưởng dương đổi thành hưởng thọ của Tổng Giám, hiện thời vẫn còn trong ấn số phải qua 36 tuổi mới hé lộ thiên cơ.

Năm 1936. Khởi công xây dựng Đền Thánh lần thứ năm (5) bằng vật liệu kiên cố thay cho trước kia Tòa Thánh tạm làm bằng vách ván, cột gỗ, phen tre, mái tranh. Ngày nay, xây dựng Tòa Thánh với công trình quy mô, bằng vật liệu nặng. Thế nhưng trong quỹ tài chánh của Đạo, theo báo cáo chỉ

còn 01 đồng 46 xu (01đ46). Lúc này, giá lúa 0đ20 một gia (40 lít). Thời điểm này kinh tế Việt Nam bắt đầu suy thoái, và đệ nhị thế chiến (1939-1945) đã lan rộng đến Việt Nam.

Tòa Thánh được xây dựng từ đức tin, trái tim và trí óc của tín đồ Cao Đài mà thành. Những tín đồ công quả chính thức xây dựng Tòa Thánh phải lập thệ, trường trai và thủ trình trong thời gian công quả. Từ tinh thần đó tín đồ tập nập công quả lập đức, tạo ra vật chất không phải là nan giải.

Những cơ sở Phước Thiện, và Phạm Môn huy động nhân lực, tổ chức kinh tế làm ruộng, trồng trĩa sản xuất lương thực, và những sản phẩm khác. Ngoài ra còn có tín đồ làm đồn điền cao su độ nhật, cũng tranh thủ kiếm mớ rau rừng đem về dâng hiến công quả cho Đạo. Sau những buổi cơm chiều Hội Thánh kêu gọi làm công quả 02 giờ (120 phút) hay 03 giờ (180 phút) được ghi một ngày công quả.

Từ khi phát khởi xây dựng Tòa Thánh lần thứ năm (5) có những phép lạ cho thấy tri thức đức tin Cao Đài mạnh mẽ vô biên. Chính nhân bản của Đại Đạo qua tinh thần bài thơ «*Đức tin một khối tạo nên hình*» miêu tả cảnh xây dựng Đền Thánh. Đức tin nằm ở một bình diện khác hẳn so với khoa học. Đức tin không dựa trên cơ sở xác minh của thí nghiệm trong phòng xúc tác hóa học, không phát nguyên từ những tự biện lý tính, và cũng không phải là một chuỗi luận đề giản lược theo kinh thi. Trước tiên đức tin là thái độ gắn bó đối với Đấng Tối Cao, là tâm tình phó thác với chức sắc đại thiên phong, là cuộc dấn thân của chính cá nhân dâng hiến lên Đức Chí Tôn.

Tối thượng của đức tin chính là Đức Chí Tôn, Đấng đã mặc

khải sinh vạn loại. Cho nên mỗi tín đồ Cao Đài đồng mở rộng lòng tin, thì sẽ đón nhận được sứ điệp của Đấng ấy, với niềm hy vọng trong sứ điệp ấy nhất định mọi người sẽ tìm gặp được ý nghĩa cho đời của mình và Đại Đạo. Nếu biết dần bước vào con đường mà Đấng ấy đã vạch cho, cùng sống kinh nghiệm trong đức tin, người có lòng tin sẽ xác tín cảm nghiệm được là mình đang sống trong chân lý của Cao Đài.

Từ đâu mà có được niềm xác tín thâm sâu ấy ? Từ uy tín của Đấng mặc khải. Chính Đức Chí Tôn đã nói với con người những gì con người tin được như Pháp Chánh Truyền, Tân Luật đã minh định. Đó chính là một thể dạng của xác thực tín ngưỡng khác với xác thực tính khoa học.

Bởi lẽ đối tượng của đức tin là chính Đấng Toàn Năng, là chúa tể của muôn loài, và vô biên vô tận không sao trí tuệ con người hiểu cho đầy đủ được, thế nên, người tin cần am tường và biết chấp nhận đặt trọn niềm tin ký thác vào trong tay của Đấng Toàn Năng, tuy Đấng Tối Thượng vô hình, bất lộ hay hiển hiện bên ngoài theo cách thức của thực tại hữu hình, nhìn thấy được, sờ mó được, nắm lấy được. Tuy nhiên, nếu con người đón nhận và sống thật, thì đức tin đáp lại và soi sáng trí tuệ, điều đó tất yếu phải có trải nghiệm đời sống Cao Đài đích thực. Cho nên toàn thể tín đồ Cao Đài cộng lực tài năng, trí tuệ thực hiện một Đền Thờ Đức Chí Tôn tại thế để chứng minh sức mạnh nguyên khối tín đồ Cao Đài như thể toàn năng, nhất định hoàn thành công trình kiến thiết Đền Thánh.

Ngày 10/10/1936. Tiếp theo lần trước, Đức Hộ Pháp Phạm

Công Tắc, mời toàn đạo đại hội nhơn sanh, tham khảo chi tiết đề án xây dựng Tòa Thánh. Toàn Đạo đồng ý, lấy quyết định trước khi tạo tác Đền Thờ Chí Tôn, nhân dịp trong buổi hội Tổng Giám Lê Văn Bàng phát tâm công nghiệp Đạo. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và toàn đạo ủy nhiệm cho Ngài Lê Văn Bàng cùng với Tá lý nam nữ thực hiện Thánh thể Chí Tôn tại thế, như qua văn kiện công quả đã được đúc kết trong Đại Hội Nhơn Sanh lần trước.

Trong Đại Hội Nhơn Sanh mỗi tín hữu Cao Đài thể hiện tinh thần nhân văn cứu độ lần thứ ba của Thượng Đế vĩ đại tốt cùng. Tinh thần Đại Hội Nhơn Sanh đồng khát vọng Tòa Thánh hoàn thành, dâng hiến lên Đức Chí Tôn, những đại công bồi đức vào lúc cơ đạo đang nguyên sơ cần mở rộng kiến thiết trên kế hoạch truyền giáo theo mục đích Đại Đồng, hình thành một chính thể Cao Đài tại thế, phục vụ nhân sinh, xã hội, phát huy văn hoá Cao Đài theo phương hướng công trình kiến trúc nội dung Đền Thánh.

Đức Hộ Pháp cho biết: « - Kiến trúc và xây dựng Đền Thánh lần này thực hiện theo hướng dẫn cơ bút của Đức Chí Tôn và Đức Lý Thái Bạch. Bản Đạo tiếp bút nhiều bản vẽ như thiết kế đồ họa v.v...chủ tâm về mỹ thuật phải được hiển thị trên một mặt phẳng đa chất liệu, mỗi chi tiết bao hàm ý nghĩa phù hợp với triết lý Đại Đạo. Trong tương lai nhân loại có thể hiểu mô hình Đền Thánh của Đấng Chí Tôn.»

Sau khi Đức Hộ Pháp cho biết sự huyền diệu của Đền Thánh, mới hiểu biết mỗi nét chấm phá đều có sáng tạo theo đức tin, chi tiết của thiết kế đồ họa sẽ toát ra từ triết lý mạnh mẽ

Đại Đạo. Lần này kiến tạo Đền Thánh như một mô hình Cửu Trùng tại thế. Tất nhiên bề mặt Đền Thánh cần nhiều chất liệu tạo ra cảm hứng cho lòng người bằng hình ảnh trang trí mỹ thuật, mục đích chuyên chở triết lý Đại Đạo phục vụ tâm linh của con người.

Cho nên mới có sự «Thiên khiển Nhơn tạo» vào thời điểm ấy rất chu toàn, Đại Đạo đã thể hiện những bí ẩn kỳ diệu khắp khởi tâm hồn tín đồ theo dấu bản vẽ kiến trúc hình thể hiện thực của Đại Đạo, một biểu tượng đức tin Đại Đồng, thấp sáng triết lý Cao Đài, mở rộng không gian chói lọi Phổ Độ đến mọi đường, cũng như chuyển mỗi Đạo bao dung vào Đời.»

Trong khi kiến tạo Tòa Thánh, qua bản vẽ kiến trúc vô hình, thực hiện từng ngày theo bản vẽ kiến trúc trên cát để cho Tổng Giám, Tá Lý theo mà thực hiện, cứ thế cho đến hoàn thành Đền Thánh. Đức Hộ Pháp còn phát họa mỹ thuật đắp phù điêu. Phần Tổng Giám Lê Văn Bàng chuyên lo về kỹ thuật xây dựng và điều phối Tá lý, công thợ chu toàn công quả.

Ngày mở đất xây dựng đầu tiên, nói lên văn kiện lịch sử công nghiệp toàn Đạo được ký lời cam kết trước Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Hội Thánh. Ngài Tổng Giám Lê Văn Bàng chính thức điều động xây dựng Tòa Thánh cùng với 28 Tá lý, 500 thợ hồ, và hơn 1.200.000 tín đồ công quả. Cuộc phát tâm công nghiệp Đạo thành hình, thể hiện khối đức tin của nhơn sanh mãnh liệt, nhận lãnh những khởi đầu tạo tác Đền thờ mà bốn lần trước để lại còn dở dang.

Lòng nhiệt thành hùng tráng mạnh mẽ của từng tín đồ trời đất, mỗi người mỗi việc dầm sương, giải nắng; ăn cháo rau qua bữa, ngày tháng, nơi chốn rừng hoang vắng, bên những cội cây già, hoặc trong cánh rừng tịch mịch âm u. Hằng ngày tiếng cưa cây, đẽo cột, đào đất, đắp nền, lửa bập bùng trong lò gạch, những xe cút kít một bánh gỗ chuyên chở vật liệu nặng, tiếng búa đập của lò rèn, những âm thanh liên tiếp thôi thúc dồn dập trong ngày qua đêm, theo dòng người hối hả nhưng âm thầm thời gian trôi qua, mọi hoạt động cứ thế diễn biến triền miên theo thời gian chuyển dịch. Tất cả đồng hòa vào công quả, đôi khi từ xa có giọng thơ ngâm của tín đồ vọng lại :

*« Dù vất vả, hy sinh vì Đại Đạo!
Sớm cháo, rau, chiều dưa muối qua ngày.
Mặc thế nhân còn rộn rục chốn trần ai
Bao lạc thú, chừ đây vui cửa Đạo!
Thế cuộc đã chuyển vần xoay máy Tạo
Bến trầm luân điên đảo chốn phồn hoa
Kiếp trần gian sanh, sống, bệnh rồi già!
Ai ôi! thấu đời ta đâu mấy chốc!
Thân tôi mọi cho sinh tồn vật chất
Sống thì buồn đau, thác lại gì đâu!
Đời triền miên trong những nỗi ưu sầu!
Thôi gặng bước, đường tu toan lập đức
Khai Đại Đạo, mê trần nay tỉnh giấc
Trở về đây kinh kệ sớm, chiều vui
Ôi! Thế nhân còn lắm cảnh ngậm ngùi!
Đời bao nã! Chừ đây ôi bao nã! “*

Tổng Giám còn cho biết thiếu sắt thì lấy tre thật già hay tầm

vông thật già chen vào cốt sắt. Xi măng rất ít nên lấy vỏ cây ô dước đập mềm, xay nhuyễn, mật rỉ, vôi... trộn vào... xây cả tuần hay mười ngày sau mới cứng. Đặc biệt cây ô dước có nhiều tên gọi khác nhau theo từng vùng như (Thiên thai ô dước, Bàng ty, Bàng kỳ, Nuy chương, Nuy cước chương, Đài ma, Phòng hoa, Thai ô dước, Thổ mộc hương, Túc ngư khương, Kê cốt hương, Bạch điệp sai, cây dầu đắng, ô dước nam).

Trí óc, bàn tay tin đồ tạo nên từng viên gạch, góp nhóp từng hòn đá... những nhà buôn cũng sẵn lòng công quả. Tài chánh trở nên phần thứ yếu, đại công quả của toàn đạo mới là hình thành Đền Thánh.

Cho nên người đời nói không sai «*Thiên khiến Nhơn tạo*» một sự mới mẻ của thế gian mà Đạo Cao Đài đang thực hiện, như bản vẽ kiến trúc Đền Thánh trên cát không có bản thảo, cứ thế mỗi ngày tiến hành xây lên, người trong đại cuộc công quả Đền Thánh mới cảm nhận được hết sự tuyệt hảo kiến trúc, có cả bao hàm những bí ẩn vô vi. Ngoài ra sự tạo tác thì công quả của mỗi tín đồ chung hợp sức mạnh cùng nhau lo xây dựng công trình vĩ đại, xây dựng Đền Thánh do sức mạnh đồng Đạo mà thành tựu.

Ngày 29/10/1936. Tổng Giám Lê Văn Bàng tổng kết công nghiệp của toàn đạo xây dựng Đền Thánh lần thứ nhứt, Tổng Giám mời Đức Hộ Pháp Phạm ký tên làm Tá lý thợ hồ danh dự, Ngài đồng ý để khởi động mạnh mẽ tạo tác Đền thờ Chí Tôn.

Tổng Giám cho biết: «- *Tuy sức mạnh Đạo có thừa nhưng vẫn đứng trước tình thế vô sản không kho dự trữ vật liệu*

xây cất thì rút đầu ra phương án để thực hiện Đền thờ Chí Tôn, được xem như Hội Thánh không có những điều kiện tối thiểu và cần thiết đặt nền tảng hoàn thành, Nhơn sanh thấu hiểu cảnh chạy cơm cháo từng ngày của Trai Đường. Nhưng Thiên Cơ đã định, thử thách lòng trung hiếu con cái của Người, Đức Chí Tôn đã ban phép lành hồng ân chan rưới nhơn sanh đồng quyền đối phẩm Thiêng liêng. Tôi hy vọng phép lạ Đấng Tối Cao vận dụng chuyển thể thành ý của nhơn sanh để đạt mọi thành tựu trên tay và tận lòng vươn tới thành công.»

Ngày 01/11/1936. Bất ngờ không hẹn mà trào dâng, vào buổi sáng tinh sương trắng còn soi những hạt sương ngái ngủ, chưa chịu nhường khoảng không cho tia nắng sưởi ấm một ngày rực rỡ, đặc biệt hôm nay Trăng dự phần mừng vui với mặt Trời, phá lệ Thiên nhiên từng giao ước, để đón nhận một ngày báo hiệu thành hình tại thể một Thánh Thể Chí Tôn vinh diệu. Mặt Trời hiện dần lên cao, ánh sáng rực rỡ khắp nẻo chan vào trái đất, Nhân loại trở lại sinh hoạt một ngày mới. Riêng trên miền Thánh Địa là một ngày hoàn bị của Thiên nhơn ký Hòa ước, có những con thuyền đang thả neo ở Bến kéo, Cẩm Giang và Giang Tân, cùng những xe đủ loại từ Sài Gòn, miền Đông, miền Tây và cả miền Trung dự phần công nghiệp Đạo, nào chở sắt thép, ciment, lúa gạo, ngô, khoai, bắp, rau cải, đang nằm trên các con lộ hướng về Tòa Thánh Tây Ninh, và 8 sở cung cấp vật liệu đồng nhịp tim thi nhau thành một bộ máy tạo tác Đền thờ Chí Tôn đánh dấu sự nghiệp Đạo của Tín đồ bằng những tấm lòng trùng điệp nối tiếp nhau trên dòng chảy vào ca khúc vinh danh Đức Chí Tôn. Khối Đức tin Đại Đạo là hiện thân từ thông

điệp của Đức Cao Đài, Người truyền loan cùng đến ngự trị ở với nhơn sanh, sự hiện hữu của Đức Cao Đài là mối cộng sinh cứu rỗi lần thứ ba được trải rộng đến khắp cùng.

Nhờ Đức Hộ Pháp vận dụng hành quyền Đạo lệnh gửi đến Hành Chánh Lương Đài Nam-Nữ, Phước Thiện, Phạm Môn, Miền đạo, Châu đạo và Tộc đạo, kêu gọi toàn đạo nỗ lực công quả hiện kim, hiện vật, lương thực, liên tục gửi về Tòa Thánh làm phương tiện xây dựng Tòa Thánh không bị gián đoạn.

Ngày 15/01/1938. Tổng Giám Lê Văn Bàng báo trình công quả lần thứ hai trước Hội Thánh, Đại Hội Nhơn Sanh, về tạo tác Đền thờ Chí Tôn, về công trình, kỹ thuật xây dựng, mỹ thuật Nội và Ngoại tâm cùng những công quả của toàn đạo trong hai năm qua. Tổng giám Lê Văn Bàng và Tá lý, tạo tác Đền thờ Chí Tôn theo sơ đồ kiến trúc của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, bởi sự thị hiện của Thiêng Liêng chỉ dẫn từng phần. Các Đấng Thiêng Liêng ủy nhiệm cho Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, thay quyền Thiêng Liêng kiến trúc Đền thờ Chí Tôn tại Thế, làm cố vấn mỹ thuật và đích thân làm một tá lý thợ hồ danh dự, công cuộc tạo tác Đền thờ Chí Tôn theo sơ đồ Bạch Ngọc Kinh thu nhỏ đúng với Chân truyền bí pháp của Đức Chí Tôn đã truyền .

Đức Hộ Pháp tham vấn kiến trúc, Tổng giám Lê Văn Bàng phân việc kỹ thuật xây dựng, Đức Hộ Pháp giao phần việc thực hiện mỹ thuật đắp phù điêu, họa phẩm do Phối thánh Phạm Văn Màng và Bùi Ái Thoại. Tất cả công cuộc tạo tác căn bản đặc thù tinh hoa nền Đại Đạo thể hiện chân lý Cao Đài, Quy Nguyên Tam Giáo, Ngũ Chi Hiệp Nhứt. Kiến trúc

và mỹ thuật Đền thờ trên Ngôi hữu hình của Đức Chí Tôn tại Thê, bởi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ truyền giáo thông qua hình thể ba Ngôi: Bát Quái Đài, Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài, là một cơ chế đồng nhứt thể. Ý chí của Nhơn sanh đồng nhứt mở ra trang sử Nhứt Giáo và lập đại công nghiệp hướng về Đấng tối lành, sự phát nguyện này đã đánh tan đi những ngại ngùng và được chứng minh qua trường thi Đạo đức, để thắng mọi nhọc nhằn, từ thiếu ăn, thiếu mặc, thuốc men, màn trời chiếu đất nắng mưa không thể làm sòn lòng tín đồ Cao Đài, lịch sử Đạo hản nhiên mang dấu ấn truyền lưu công nghiệp Đạo của Tín đồ Tàn Nhơn, Đường Nhơn... 28 Tá lý, 500 công thợ và Toàn Đạo ở thời điểm tạo tác Đền thờ Chí Tôn .

Xuyên qua thời cuộc khảo đảo.



Ngày 28 tháng 6 năm 1941 (4-6-Tân Tỵ). ¹²Xây dựng Đền Thánh được phân thô. Xuyên qua thời cuộc, Đạo Cao Đài bị khảo đảo, chính quyền thực dân Pháp lo ngại trước các hoạt động của đạo Cao Đài, nên đã cho bắt Đức Hộ pháp Phạm Công Tắc, cùng Đức ngài Khai pháp Trần Duy Nghĩa, và một số chức sắc cao cấp khác giam vào khám lớn Sài Gòn, không bao lâu

12- Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc. Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

đày ra miền Tây Bắc nhà tù Sơn La, nơi rừng thiêng nước độc, vài tháng sau đưa đến nhà tù Nosilava thuộc đảo Madagascar ở Phi Châu.

Đức Hộ Pháp khéo léo tổ chức, và vận động tinh thần tín đồ công quả, cho nên công việc tạo tác xây dựng Tòa Thánh tiến hành liên tục 4 năm. Đến nay, xây dựng hoàn thành phần thô, được xem căn bản nhất của kiến trúc, chỉ còn phần hoàn thiện Tòa Thánh như đắp phù điêu, vẽ, sơn và trang trí. Không may chánh quyền Pháp đã bắt Đức Phạm Hộ Pháp, cho nên tất cả đều phải ngưng lại. Mặt khác Pháp khủng bố toàn Đạo, quân đội Pháp chiếm đóng Tòa Thánh làm trại lính, nhà xe, đuổi tất cả Chức sắc, Chức việc, tín đồ, và công thợ ra khỏi Thánh địa. Quân đội Pháp còn âm mưu chôn dưới nền Hiệp Thiên Đài Tòa Thánh một trái mìn 1000 kg chất nổ, ý đồ cho nổ giựt sập Tòa Thánh trước khi chúng rút đi vì đầu hàng quân đội Nhật. Nhưng ý đồ phá Đền Thánh không thành. Pháp còn thâm hiểm hơn cấm Đạo, hầu hết Thánh thất Cao Đài đều buộc phải đóng cửa.

Ngày 30-8-1946 (4-8-Bính Tuất). Tình thế thay đổi, Đức Phạm Hộ Pháp được chánh quyền Pháp đưa trở về Tòa Thánh, sau sáu năm (6) lưu đày nơi hải ngoại. Đức Hộ Pháp hồi loan chưa đầy một (1) tháng, huy động Phạm Môn, và những công thợ tiếp tục công quả sửa chữa những chỗ hư hỏng trong Tòa Thánh do lính Pháp gây ra, tập trung nhân lực trong năm Bính Tuất thực hiện đắp vẽ, sơn phết, trang trí, công việc nào cũng gấp rút vì không thể để lâu toàn đạo lấy quyết định hoàn thành vào dịp trước Tết Đinh Hợi.

Ngày 01/10/1946. Đức Hộ Pháp được Chính phủ Pháp thuộc

trả tự do, toàn đạo vui mừng đón rước Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc sau 6 năm lưu đầy nơi hải ngoại, nay qui hồi cố quốc. Về đến Tòa Thánh Đức Hộ Pháp không an dưỡng, lập tức triệu tập toàn đạo và mời Tổng Giám Lê Văn Bàng cùng tất cả Tá lý tạo tác Đền thờ lấy quyết định ngày khởi sắc mới cho công nghiệp Đạo.

Đức Hộ Pháp tiếp nhận những báo trình của toàn đạo trải qua 5 năm Đạo Đồi thăng trầm và Người dạy rằng: «- *Thuyền Đạo nay tạm ổn chính nghiêng, Thầy và mấy Em cùng lái cùng chèo để nhanh đến bến*».

Tổng kết công nghiệp của toàn Đạo chỉ còn 50 %, bởi hoàn cảnh Đạo trải qua một khúc quanh thử thách. Con khảo Đảo nay chấm dứt nhường chỗ cho thời kỳ tăng tiến thuận lòng người. Đức Hộ Pháp một lần nữa vận dụng phép lành, cộng khổ, kiên nhẫn, tự tin vào ý chí của Chức sắc, Chức việc và Nhơn sanh lưỡng phái, khởi động tái tạo tác Đền thờ Chí Tôn để vượt qua thời cuộc chuyển biến chất lượng vô lường.

Ngày 30/12/1946. Tổng giám Lê Văn Bàng cùng 600 Tín đồ ra sức chất bóps công quả tái tạo tác Đền thờ Chí Tôn, để đánh dấu sự thăng trầm của Đạo và kỷ niệm ngày Đức Hộ Pháp hồi loan, ý chí toàn đạo dâng cao quyết định vì sự nghiệp Đạo cuối cùng, chỉ ngoài 4 tháng sau viên mãn tạo tác hoàn thành Đền thờ Chí Tôn. Tổng giám Lê Văn Bàng xin đệ trình lên Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, và Hội Thánh chuẩn nhận thủ tục bàn giao Đền thờ Chí Tôn cho Hội Thánh.

Lễ Bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh.

Ngày 24-1-1947. (mùng 3 tháng Giêng năm Đinh Hợi).

Trong buổi Lễ Bàn giao Tòa Thánh cho Hội Thánh. Tổng Giám Lê văn Bàng có viết một bài diễn văn trình bày các giai đoạn tạo tác Tòa Thánh, văn từ ngôn ngữ súc tích và khá chi tiết.

Chúng tôi xin chép lại toàn bộ nguyên văn của bản gốc «Lễ Bàn Giao Đền Thánh cho Hội Thánh, do Ban Kiến Trúc Tòa Thánh Tây Ninh ấn hành, vào năm Tân Hợi 1971».

Và nguồn tài liệu này của gia tộc Tổng Giám Lê Văn Bàng lưu trữ và Hiền Tài Lê Huệ Hường kính tặng Ban Thế Đạo Hải Ngoại ngày mừng 5 tháng giêng Giáp Ngọ.

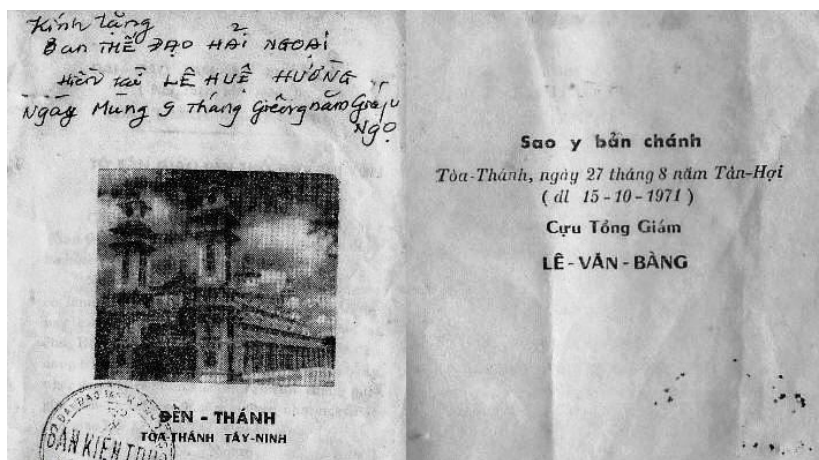




**Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
Tòa Thánh Tây Ninh**

**Lễ Giao Lãnh Đền Thờ Đức Chí Tôn
Giữa nhân công tạo tác và
Hội Thánh Cao Đài**

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
(Nhị thập nhị niên)
Tòa Thánh Tây Ninh



Hình bìa quyển:
“Lễ Giao Lãnh Đền Thờ Đức Chí Tôn”

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
(Nhị thập nhị niên)
Tòa Thánh Tây Ninh

Tờ Bàn Giao Đền Thờ Đức Chí Tôn Cho Hội Thánh

Chúng tôi đồng đứng tên dưới đây là:

Tổng Giám, Tá lý và nam nữ nhân công xin dâng ba bản này lên Hội Thánh.

Nguyên năm Bính Tý là năm 1936, các con có làm tờ tình nguyện làm Đền thờ Đức Chí Tôn, nay các con đã làm hoàn thành nên xin giao lại cho Hội Thánh, xin chư Thiên phong nhớ đến công trình khổ nhọc của các con tạo cho nên nguy nga, đẹp đẽ, các con xin yêu cầu Hội Thánh giữ gìn Đền thờ cho sạch sẽ y nguyên như ngày các con giao lại. Xin Hội Thánh nhận lãnh.

Nay tờ

Lập tại Tòa Thánh ngày 3 tháng giêng Đinh Hợi

(dl 24-1-1948)

«Đức Hộ Pháp chung đứng ký tên»

Hộ Pháp

Ký tên

Tá Lý Nam Phái:

Tổng Giám Lê Văn Bàng

Phụ quyền Tổng Giám Lễ Sanh Thái Đới Thanh

Thừa quyền Phụ Thống Công Viện Huỳnh Văn Liên, Huỳnh Văn Quận, Nguyễn Văn Yển..

Tá Lý:

Tá lý Võ Văn Khuê, Tá lý Lê ngọc Lôi, Nguyễn Văn Sỏi, Võ Văn Thành, Nguyễn Văn Út, Võ Văn Hối, Đoàn Văn Biểu, Đặng Văn Lang tự Ron, Hà Văn Thơm, Nguyễn Văn Mừng, Nguyễn Thành Xuân, Lâm Thành Kía, Phan Công Thi, Nguyễn Văn Quyên, Đoàn Hạnh Thông, Trà Văn Phiên, Trần Văn Lành, Nguyễn Văn Huê, Trần Trung Thị, Nguyễn Văn Tịch, Trần Phú Quý, Trần Văn Biện.

Tá lý nữ phái: Nguyễn Thị Sen, Nguyễn Thị Chử, Đặng Thị Trọng, Phan Thị Mây, Nguyễn Thị Mười, Tạ Thị Thế, Nguyễn Thị Bia.

Chức sắc ký tên nhận lãnh:

Hiệp Thiên Đài. Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Cử Trùng Đài:

Ngọc Chánh Phối Sư Phạm Tấn Đãi, Thái Chánh Phối Sư Thái Tu Thanh, Thượng Chánh Phối Sư Giáo Sư Thượng Vinh Thanh,

Thượng Thống Lại Viện Giáo Sư Thượng Tước Thanh, Thượng Thống Lễ Viện Giáo Sư Ngọc Ninh Thanh, Thượng Thống Hòa Viện Giáo Sư Thượng Trí Thanh, Thượng Thống Công Viện Giáo Sư Thái Khí Thanh, Thượng Thống Nông Viện Giáo Sư Ngọc Non Thanh, Thượng Thống Y Viện Giáo Sư Thượng Nửa Thanh, Thượng Thống Học Viện Giáo Hữu Thái Đền Thanh, Thượng Thống Hộ Viện Giáo Hữu Thái Bộ Thanh, Thượng Thống Lương Viện Giáo Hữu Thái Hào Thanh.

Chức Sắc Nữ Phái:

Phôi Sư Hương Lự, Phôi Sư Hương Hiếu, Giáo Sư Hương Nhiều, Giáo Hữu Hương Tấn, Lễ Sanh Hương Nhâm, Lễ Sanh Hương Phùng Ngọc, Lễ Sanh Hương Tranh, Lễ Sanh Hương Cúc.

Vì chứng Hiệp Thiên Đài:

Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi, Truyền Trạng Phạm Ngọc Trấn, Truyền Trạng Võ Thành Quốc, Truyền Trạng Phạm Hữu Phước, Truyền Trạng Võ Văn Nhơn, Truyền Trạng Phạm Văn Ngọ, Luật Sự Nguyễn Văn Hoa.

Chứng kiến

Giáo Sư Đại Biểu Tổng Tư Lệnh

Quân Đội Cao Đài

Trần Quang Vinh

Tòa Thánh Tây Ninh

Ngày mùng 3 tháng giêng Đinh Hợi

(dl 24 - 1- 0947)

Vi Bằng giao lãnh Tòa Thánh.

Nhơn công thợ hồ, thợ đúc, thợ mộc, thợ sơn, có thết một bữa tiệc tại Tòa Thánh (Bửu Điện Cửu Trùng Đài) mừng ngày thành công trong sự tạo tác Tòa Thánh.

Có mặt Chức Sắc Hiệp Thiện Đài:

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Thừa Sứ Huỳnh Hữu Lợi, Truyền Trạng Phạm Văn Ngọ, Truyền Trạng Võ Thành Quốc, Truyền Trạng Phạm Ngọc Trấn, Truyền Trạng Phạm

Hữu Phước, Truyền Trọng Võ Văn Nhơn, Luật Sư Nguyễn Văn Hoa.

Chức Sắc Cửu Trùng Đài Nam phái:

Ngọc Chánh Phối Sư Phạm Tấn Đãi (K.Đ), Thái Chánh Phối Sư Thái Tu Thanh, Thượng Chánh Phối Sư Giáo Sư Thượng Vinh Thanh, Thượng Thống Lại Viện Giáo Sư Thượng Tước Thanh, Thượng Thống Lễ Viện Giáo Sư Ngọc Ninh Thanh, Hòa Viện Giáo Sư Thượng Trí Thanh, Công Viện Giáo Sư Thái Khí Thanh, Nông Viện Giáo Sư Ngọc Non Thanh, Y Viện Giáo Sư Thượng Nửa Thanh, Học Viện Giáo Hữu Thái Đến Thanh, Hộ Viện Giáo Hữu Thái Bộ Thanh, Thượng Viện Giáo Hữu Thái Hào Thanh.

Nữ Phái: Phối Sư Hương Lự, Phối Sư Hương Hiếu, Giáo Sư Hương Nhiều, Giáo Hữu Hương Tán, Lễ Sanh Hương Nhâm, Lễ Sanh Hương Cúc, Lễ Sanh Hương Tranh, Lễ Sanh Hương Phùng Ngọc. Lễ Sanh Hương Quyên.

Cơ Quan Quân Đội Cao Đài Tự Vệ:

Tổng Tư Lệnh Trần Quang Vinh, Thiếu Tướng Nguyễn Văn Thành, Cố Vấn Lễ Sanh Thượng Tý Thanh.

Đúng 8 giờ ban mai, Đức Hộ Pháp đến Bửu điện. Chức sắc Thiên phong Nam Nữ, và một số Chức việc, Đạo hữu, đã tề tựu trên 300 vị đủ mặt.

Vị Tổng Giám Lê Văn Bàng xin phép Đức Hộ Pháp cho toàn thể nhơn công Nam Nữ làm lễ ra mắt những vị tiền vãng. Đoạn Đức Hộ Pháp mời cả Chức sắc Nam Nữ vào lạy Chí Tôn xin ban ơn huệ cho cả gia quyến các công thợ và những thiện tâm công quả tạo tác Tòa Thánh.

Khi hành lễ xong, Đức Hộ Pháp nhơn danh Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài, đề lời cảm tạ tấm lòng thiết thạch của những môn đệ chí hiếu và tận trung, kẻ công người của, mà đã trải qua biết bao thời gian nguy biến, và gian lao gìn giữ đức tin, mới lần hồi kiến tạo nên một Đền Thờ vĩ đại oai nghiêm, tráng lệ đường này.

Vị Tá Lý Lê Ngọc Lôi, thay mặt Tổng Giám Lê Văn Bàng, đọc lời chúc mừng Đức Hộ Pháp:

« - Tòa Thánh là cái hồn của Đạo hoặc là khối đức tin lớn, xuất hiện tại vùng Á Đông, cuối thời kỳ Hạ nguơn hầu mẫn, nhờ nơi huyền diệu thiêng liêng mà Đạo đặng phổ thông mau chóng, biết bao nhiêu tín đồ đã từng giáo. Đạo phải có một Thánh thể của Chí Tôn thiết hiện tại thế, là khối đức tin của toàn nhơn loại, để chú trọng và tín ngưỡng. Bởi lẽ ấy mà nguyện vọng thiết tha của bao nhiêu tín đồ đòi hỏi ở chỗ phải cất Tòa Thánh, và biết bao người Đạo ở các nơi cứ trông ngóng hỏi Tòa Thánh cất rồi chưa ?

- Vì lẽ đó mà Đức Quyền Giáo Tông, ba vị Chánh Phối Sư, thì hành theo tiếng gọi của chúng sanh để làm Tòa Thánh, thì biết bao nhiêu hăng hái vui mừng của người Đạo chung hợp cùng nhau để làm Tòa Thánh cho mau đến ngày kết quả.

Tháng 10 năm Tân Mùi (1931) thì khởi công tạo tác, nào đào hầm Bát Quái đổ bê-tông, rồi không hiểu tại sao phải ngưng làm, thì cái hầm ấy cũng là một di tích, hay là một cái mầm móng của bước đầu tiên đã sáng tạo nên, đành chấm

một dấu hỏi để sau này ? Từ ấy, Đức Quyền Giáo Tông cứ ung dung lo phổ thông nền Chơn giáo.

- Qua kỳ thứ hai thì lo tiếp tục lại để làm Tòa Thánh nữa. Hội đồng cả Chức sắc HTĐ và CTĐ lại để chung trí dựng tạo thành. Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh chấp chương vận động, mượn Bác vật Phan Hiếu Kinh, người lãnh la-tách, khởi làm lầu HTĐ, đúc cột và đồ la-phong dựng chút ít, lại cũng ngưng công việc, đành chịu một chấm hỏi thứ hai nữa ?

Lúc ấy nhằm lúc khó khăn, cơ đời biến đổi, làm cho thuyền Đạo lảo lúng ngã nghiêng, cũng bởi nhân tình thế thái kích bác chê bai, vu cáo Đức Quyền Giáo Tông đủ lẽ, nhân nơi lẽ ấy mà Ngài chán nản cõi đời vô vị, chỉ đem lại cho Ngài những mĩa mai của miệng thế, vì lẽ ấy mà Ngài sớm lìa cõi trần, hồi về cữ vị.

Ôi thôi ! Cũng do nơi cái Tâm của nhơn loại dãi Ngài, từ đó mất hết một tay rường cột của nền Đại Đạo. Khi ấy, Sư phụ (Đức Phạm Hộ Pháp) phải thay thế gánh vác cả nhiệm vụ mà chính Chí Tôn phú thác, thống nhất Nhị Hữu hình Đài, thực hiện mối Đạo nhơn nghĩa, mới trùng theo Thiên ý mà Đức Chí Tôn gọi là Phổ độ chúng sanh. Sư phụ thi hành triệt để theo ý của Đại Từ Phụ, phổ thông Chơn giáo cho cả Chức sắc Nam Nữ CTĐ đi hành đạo các tỉnh.

Đạo phổ thông mau chóng, hàng triệu tín đồ từng giáo. Sư phụ định ninh rằng: Công cuộc tạo tác Tòa Thánh chắc chắn sẽ tiếp tục làm lại ở sau này. Còn một mặt, Sư phụ sắp đặt cho những người ở bên Phạm Môn, chính hai chữ Phạm Môn ở trong phạm vi eo hẹp về kinh tế, làm cho lắm người ngờ vực mà các con không thể nóiặng.

Hại thay ! Chánh trị bên ngoài lại còn nghi kỵ hơn nữa, bắt buộc phải giải tán hai chữ Phạm Môn, treo bảng cấm nhậm các cơ sở Phạm Môn.

Do nơi ấy mà Sư phụ mới dạy trở, cái có để lập ra Cơ Quan Phước Thiện, dạy những người Phạm Môn cứ đi các tỉnh Nam Kỳ để khai mở Cơ Quan Phước Thiện và Lương Điền Công Nghệ. v.v...

Những người lãnh cả sứ mạng ấy thật là dốt nát, chơn chất thật thà, có người không biết chữ quốc âm nữa là khác, nhưng cũng nhờ tánh chất ấy mà Cơ Quan Phước Thiện mở mang một cách mau chóng, biết bao người mang cả sự nghiệp, đồn điền để hiến làm một cái nhà chung, trong khi ấy, Đạo có đến 3 triệu người từng giáo. Sư phụ nhận thấy chắc chắn làm Tòa Thánh đặng, không thất bại nữa. Trong Ba (3) triệu người, mỗi người chung hiệp 1 đồng bạc cũng làm được, nên Sư phụ không ngần ngại gì cả mà không tạo tác Tòa Thánh, để đáp lại cái nguyện vọng của chúng sanh mong đợi.

1 - Giai đoạn thứ nhứt:

Đến ngày mừng 1 tháng 11 năm Bính Tý (dl 14-12-1936), Sư phụ khởi công làm Tòa Thánh.

Ngày mà khởi mua đồ thì trong tủ Hộ Viện không tiền, lại còn lưu lại nợ ăn trước nữa là khác. Song le, nhờ sự tổ chức của Sư phụ rất biệt tài, nào xe bò, xe camion vận tải đồ đạc, trong các Châu, các Tộc, các Làng, kẻ của người công, đủ dùng không thiếu.

Trên thì có Sư phụ làm hướng đạo, dưới thì các con đồng

tâm hiệp lực, bao quản nhọc nhằn, nắng mưa bao ngại, cơm còn phải thiếu ăn, hầm hút cháo rau từ bữa. Nhưng các con cứ phần tâm nung chí, rán sức bền lòng lo tô điểm nhà thờ chung cho mau chóng. Đó là 2 năm đầu.

2 - Qua giai đoạn thứ nhì:

Trải qua 3 năm sau, biết bao lần đau khổ, ngoài thì nghịch Đạo phá rối đủ điều, còn trong thì thiếu thốn, tình thế khó khăn, các vật liệu bị Chánh phủ hạn chế. Lúc ấy, Sư phụ sợ Tòa Thánh làm không rồi, mà nếu Tòa Thánh biếng trễ một ngày là một hại cho nhơn sanh vậy.

Vì thương Thầy mến Đạo, nên lúc ấy các con tình nguyện lãnh làm Tòa Thánh và có dâng Tờ Cam Kết với Sư phụ và Hội Thánh rằng : Các con vì Đạo, vì nhơn sanh, nên mới làm Đền Thờ Đức Chí Tôn, sau khi hoàn thành thì các con không đòi hỏi điều chi với Hội Thánh cả.

Khi Tờ Cam Kết đã nộp rồi thì các con lại càng hăng hái làm việc thêm nữa, nhưng mà lẽ Thiên cơ dĩ định, sức phàm khó thắng với sức thiêng liêng, nên sự tạo tác đành cam ngưng trệ.

Lệnh Chánh phủ bắt buộc Tòa Thánh phải đình công. Tin đó đưa ra như đất bằng sóng dậy, sét đánh vào tai, toàn Đạo nghe qua rất nên não ruột, đã vậy mà còn bắt Sư phụ lưu đầy sang hải ngoại.

Giai đoạn này, các con lấy làm thâm đạm, là Thầy xa trò, thì có mong chi Tòa Thánh đoạt thành.

Nơi Tòa Thánh từ đó Quân đội Pháp đã đóng binh, các Chức sắc còn lại lo trừ hoạch, tìm phương lo Đạo.

Lúc ấy, các con như gà mất mẹ, như chim lạc đàn, bơ vơ chịu chết, không còn phải lắng nghe tiếng còi đang trở về chuồng, rồi kẻ một nơi, người một ngã, lẩn lóc với cuộc đời sầu khổ.

Ôi ! Các con tưởng rằng không còn trở lại Tòa Thánh lần thứ hai nữa, nhưng các con còn nhớ lời tiên tri của Thầy rằng : Sau đây các con còn trở lại làm Tòa Thánh nữa. Lời tiên tri ấy, các con vẫn đinh ninh để an ủi lấy lương tâm chờ đợi.

May thay ! Tin Hội Thánh cho hay rằng : Ông Giáo Sư Đại biểu (Trần quang Vinh) lo tổ chức cơ phục quốc, trước là lo cho nước đang tự do, sau là đòi Sư phụ trở về Tòa Thánh. Từ đó, các con cũng hăng hái lo hiệp tác với anh em, trải qua mấy năm, các con cũng giữ tròn nhiệm vụ.

3 - Qua giai đoạn thứ ba:

Rất may mắn thay, như nguyện Thiên tòng, lễ Thiên cơ biến chuyển thành linh, tới ngày 24 tháng Giêng năm Ất Dậu (dl 8-3-1945), Việt Nam được nắm chánh quyền thì nền Đại Đạo được phục hồi, Tòa Thánh mở cửa.

Lúc này Ông Giáo Sư Khí thay mặt cho Hội Thánh lo kiến thiết lại. Kế Ông thì có Thừa Sứ Huỳnh hữu Lợi tận tâm sát cạnh với Ông Lâm tài Khí rất hoạt động, vận tải đồ đạc dựng làm Tòa Thánh, thì các con chung tâm hiệp trí lo làm theo di tích của Sư phụ còn lưu lại nơi Đền Thánh.

Nhưng mà vận Đạo còn ở trong đám mây mờ, nên sự tạo tác chỉ lầy lắt cho qua ngày đợi Thầy về. Tùy theo thời thế xây trở theo chiều, nào là tiền bạc, nào quyền thế, mà còn chỗ phân tâm, nên dân thợ làm Tòa Thánh đình công một

ngày. Ông rất ôn tồn hòa nhã mà nhẫn nại khuyên nhủ anh em làm Tòa Thánh, và có nhắc lời tiên tri của Thầy để lại rằng còn nhiều nỗi khó khăn nữa, mấy em phải rán nhẫn nại mà nghe lời Qua thì sau sẽ gặp Thầy.

Ngày Chánh phủ Pháp sắp đến, Ông truyền lệnh cả chu vi Tòa Thánh phải treo cờ Tàu, thì các con lấy làm ngạc nhiên, nhìn thấy lá cờ Tàu bay phát phới theo chiều gió. Đó là do lời tiên đoán của Thầy để lại, nên gió Thánh đã xúy phát lá cờ hộ mạng che phủ cho Tòa Thánh. Trường hợp này rất nên mắc mỏ, một đằng trì một đằng kéo, ông ở giữa phải giao thiệp cả hai bên, nào là ruồng rờng lấp ló, nào làm cống đào murong, đã vậy mà Ông Lâm tài Khý còn phải bị nạn trong 3 tiếng đồng hồ nơi khám Tây Ninh.

Ôi ! Biết bao nỗi khổ, Ông là người Tàu mà dám hy sinh với Đạo và một phần Chức sắc cùng đàn em theo từng sự với Ông nên rất đau đớn. Ấy chẳng qua là Thiên cơ tiền định, nhờ sự ủng hộ của thiêng liêng, dầu việc dữ cũng hóa ra hiền, sự rủi hoá may, nhiều điều rất kinh tâm tán đởm, mà rồi cũngặng đặng dung hòa.

4 - Qua giai đoạn thứ tư:

Cơ Chuyển thế xây vắn, lẽ Thiên cơ biến tướng, nên Ông Giáo Sư Đại biểu và cả Chức sắc Thiên phong ở Sài gòn phải thọ khổ, cũng nhờ thọ khổ mới toan giải khổ, Ông sẽ đòi sự tự do của Đạo lại và đem Sư phụ trả về Tòa Thánh. Ngày mà đăng tin Sư phụ khai hoàn thì toàn Đạo ai cũng đều hơn hờ vui mừng. Hội Thánh thì lo sắp đặt sửa soạn huy hoàng đặng rước Đức Giáo Chủ qui hồi cố quốc.

Thế nên Đạo đã đến kỳ tăng tiến, nhưn sanh đối họa ra

phước từ đây. Đã trên 10 năm, thuyền Đạo bị truân chuyên trắc trở, biết bao bão táp mưa sa, nay Trời êm sóng lặng, Sư phụ đã qui hồi thì sự hy vọng của toàn Đạo nay đã mãn nguyện.

5 - Qua giai đoạn thứ năm:

Ngày Sư phụ về Tòa Thánh đến nay, Ôi ! Thân già sức yếu, gổi mồi da dụn, phần thì 5 năm xông pha trên bước lao trường, lẽ thì phải an dưỡng một thời gian mới phải, nhưng mà Đền Thánh còn lưu lại sự tô điểm sò sò nơi góc Trời Nam kia, nhơn sanh đã trông ngóng từ lâu, nên Sư phụ cho lệnh đòi cả anh em, chị em tạo tác Tòa Thánh ban sơ mau trở lại, sự đoàn kết khi xưa đã qui hợp, nhưng mà cái số 500 dân thợ khi trước, nay chỉ còn không đặng phân nửa cái số ấy, kẻ thì mắc phải gia đình ràng buộc, người thì lo việc khác, người thì qui liễu, nghĩ có đáng buồn chăng ?

Nhưng mà các con cũng cố gắng theo Thầy lo tô điểm đã ngoài 4 tháng, nhằm ngày 30 tháng Chạp mới hoàn tất. Vậy ngày nay, các con xin giao Tòa Thánh lại cho Hội Thánh.

6 - Qua giai đoạn thứ sáu:

Chúng con xin dâng những nguyện vọng của các con sau này. Từ buổi ban sơ đến nay, các con được hấp thụ những lời giáo hóa của Sư phụ thì Đền Thờ Đấng Cha Lành là của chung toàn nhơn sanh, nay mà làm đặng trong xứ Nam này tức là nguồn cội của dân Nam.

Các con đây, tuy là phận ngu hèn dốt nát mặc dầu, cũng hiểu biết ít nhiều Đạo lý.

Đền Thờ là của chung, các con đây là con của Đức Chí Tôn, nên các con phải nhịn ăn nhịn mặc, sự làm dầu khó khăn nhọc nhằn đến mấy thì các con cũng cương quyết.

Ngày nay, Đền Thờ đã kết liễu, thì sự vui mừng của các con đã mãn nguyện, nên các con đây cũng không vì công làm bấy lâu mà nài xin với Hội Thánh điều chi hết. Các con có một điều hy vọng là ngày nào đời đặng thái bình, dân Nam đều biết Đạo, thì các con chỉ hướng đi tu mà thôi.

Hiện nay Sư phụ đã già, mà sự tạo tác cũng còn, thì các con cũng tình nguyện theo chơn Thầy mà làm việc. Ngày nào Sư phụ giao việc lại cho Hội Thánh thì các con cũng xin thôi, hầu có lo cơ bảo tồn. Đó là nguyện vọng của các con như thế.

Nhân dịp ngày Xuân, các con đồng chúc Sư phụ muôn tuổi. Chúc sắc HTĐ, Chúc sắc CTĐ, Chúc sắc Phước Thiện, đều đặng trường cửu, Thượng Hạ Sĩ quan Quân đội vạn sự hòa bình, Tòa Thánh mới đặng thất ức niên.

HỮU BÚT:

Theo lời vừa mới đọc qua, đó là nguyện vọng chung, còn phần riêng của anh chị em nào muốn cầu xin Hội Thánh điều chi thì làm, nạp cho Tá Lý và Tổng Giám xét công dâng lên Hội Thánh định đoạt. «

**Tòa Thánh, ngày 24-1-1947
(mùng 3 tháng Giêng năm Đinh Hợi)**

**Tổng Giám
Lê Văn Bàng**

Tá Lý Lê Ngọc Lôi đọc xong, Đức Hộ Pháp rất cảm động,

và vui mừng, Người đáp rằng:

« - Những công trình kiến tạo này, nếu không phải có Thiên cơ tiên định thì chưa mấy ai tạo dựng, bằng có là khi Đạo đang thanh hành, non sanh hằng triệu, Ông Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh đảm đương khởi tạo, rốt cuộc cũng thất bại.

Sau, Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt hiệp cùng bà Nữ Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh kế tạo cũng không thành.

Sau nữa, Ngài Tiếp Thế Lê Thế Vĩnh cũng hằng hái nông trang, lại cũng không kết quả.

Sau bao lần bất thành, Bàn đạo đứng ra hiệp cùng những môn đệ trung thành còn sót lại mà lần hồi tạo tác cho đến ngày nay được kết quả với một kỳ công xứng đáng.

Khi khởi công, trong tủ không có một đồng, phải chăng Đức Chí Tôn đã thử thách tấm lòng son sắt của chúng ta.

Ấy vậy, tên tuổi của mấy em và mấy con trong lúc kiến tạo này, sử Đạo sẽ lưu truyền nêu danh hậu thế.»

Cô thợ hồ Nguyễn Thị Sen đọc bài chúc mừng Đức Hộ Pháp:

« - Bạch Đức Hộ Pháp,

Thưa cùng chư Chức sắc Thiên phong Nam Nữ,

Chúng con là thợ hồ phái Nữ, xin kính lễ chào Quý Ngài, và có mấy lời biện bạch, cúi xin Quý Ngài niệm tình tha lỗi. Trong thời kỳ tạo tác Tòa Thánh, chúng con không ngờ rằng một dịp may cho Nữ phái chung công hiệp sức cùng Nam phái để tạo Đền thờ Đại Từ Phụ. Nếu được các Ngài nhìn

nhận, chúng con cũng dám tự nói rằng, trong sự đua tranh về hành vi giúp đời tạo thế, chúng con dù phận liễu yếu đào thơ, cũng không đến nỗi thẹn cùng bạn mày râu Nam tử.

Hồi nhớ lại khi hăm hút tương rau, khi áo quần không đủ ấm, chúng con nhờ nương nơi chí thanh cao của Đức Giáo chủ dắt dìu, chúng con lòng không sờn, chí chẳng đổi, dầu phải trải qua bao phen khổ não về tinh thần lẫn vật chất,

Ôi ! thời kỳ tạo tác Tòa Thánh, nếu chúng con không đủ đức tính hy sinh, không đủ lòng kiên nhẫn, không đủ sức thắng nổi phàm tâm, thì ngày nay, chúng con không còn đứng trước mặt Quí Ngài mà tự hào công trạng.

Ấy vậy, Tòa Thánh ngày nay được hoàn thành, chúng con rất vui mừng không xiết. Và ngày nay, tháng Giêng năm Đinh Hợi, Bính Tuất đã dứt, Đinh Hợi vừa sang, chúng con cúi đầu chúc Sư phụ năm mới được vạn sự an lành; nhân dịp, chúng con cúi đầu chúc chư Chưc sắc HTĐ và CTĐ được Đức Chí Tôn ban bố hồng ân hầu đủ phương thế cứu vớt nhơn sanh thoát vòng khổ hải. Sau đây, chúng con cầu chúc quí vị Sĩ quan sang năm mới được nhiều may mắn.

Xuân đi Xuân đến, đối với các con đã gây biết bao mối cảm tình, hòa lẫn những dòng lệ ưu hoài cuộc thế vẫn xoay, ngày nay chúng con cảm thấy bao nhiêu chuyện mới mẻ tươi cười, mà cũng bao nhiêu điều cũ kỹ bi ai, các con hồi tưởng lại 5 năm vừa qua, trong lúc vắng mặt Sư phụ, các con đây chẳng khác chim nọ lạc bầy, chiu chít nơi mây bạc đầu non, chân trời góc bể, các con trên đường đời như cánh nhạn trời cao, mỗi người một ngã, các con chỉ sống với một cái sống tạm thời, cũng như sương sa gió thoảng, tìm đủ phương đẹp mối thê lương, song cũng không thể nào quên hết những nỗi đau

khổ của một ông cha hiền lành và rất kính mến, vì nhơn loại, vì các con mà phải chịu cực khổ mấy năm trường, các con ở nơi nhà, hằng để tâm cầu khẩn cùng Đức Chí Tôn, xin cho Sư phụ được trở về nơi Tổ quốc.

May mắn thay, Thiên ý chiều người, Sư phụ đã trở về. Ngày nay, các con đang gặp và tụ hội nơi đây để chúc mừng Sư phụ trong ba ngày Xuân nhựt. Trong ba ngày, các con dọn cái bàn trong tâm giới, đốt sáng ngọn đèn huệ minh, lau chùi sạch sẽ cái trí, lọc lừa trong nước hằng sống của linh hồn, đứng đến trước Đền Thờ cầu nguyện cùng Đấng Chí Tôn, cầu xin cả thế giới đang hòa bình, khỏi nạn chiến tranh, và nền Đại Đạo được mau chóng hoằng hóa. Các con đồng kính. «

Khi đọc xong, Đức Phạm Hộ Pháp đáp lời rằng:

« - Bần đạo không ngờ mấy em phái Nữ mà đạt được một kỳ công đáng giá dường này. Hồi nhớ lại, khi mới khởi công, Bần đạo đã chọn bên phái Nam tạo tác mà thôi, sau vì nhơn công không đủ làm việc, nên mới lập cho mấy em, ban đầu trộn hồ gạch gạch, lèn hồi xây đắp vách tường, công việc của mấy em làm càng ngày càng tiến bộ, cũng như phần đông Nam phái. Có phải mọi việc chi cũng có đủ Nam Nữ (Âm Dương) mới tạo thành lý Đạo, ấy là định ý của Đức Chí Tôn đó vậy.

Khi ấy, vì lòng dè dặt của Bần đạo, nên mới buộc mấy em và mấy con phải hồng thệ thủ trinh, đừng đủ tinh khiết mà tạo nên Đền Thánh.

Ngày nay đang hoàn thành rồi, Bần đạo sẽ lần lượt giải thệ cho mấy em và mấy con nào muốn ra lập gia đình tùy thích.»

Đức Hộ Pháp mời Tổng Giám Lê Văn Bàng đem Tờ Giao Lãnh mà khi xưa mấy vị này đã ký giao ước với Ngài lại với Hội Thánh, chư Chức sắc Cửu Trùng Đài Nam-Nữ đồng ký tên nhận lãnh, có các Chức sắc Hiệp Thiên Đài chứng kiến, và Đức Hộ Pháp lại ký tên với danh vị một người thợ hồ.

Ông Ngọc Chánh Phối Sư thay mặt Hội Thánh Cửu Trùng Đài để lời cảm ơn Đức Hộ Pháp và chư Đạo hữu Nam Nữ đã dày công kiến tạo Tòa Thánh. Ông xin nhơn danh Hội Thánh Cửu Trùng Đài mà nhận lãnh Tòa Thánh gìn giữ muôn đời.

Lập tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày mùng 3-Giêng-Đinh
Hợi.

(dl 24-01-1947)

Sao y bản Chánh

Tòa Thánh Tây Ninh

Ngày 27 tháng 8 năm Tân Hợi

(dl 15-10-1971)

Cựu Tổng Giám

Lê Văn Bàng

Ngày 27-1-1947 (mùng 6-Giêng-Đinh Hợi). Đức Phạm Hộ Pháp chính thức Trấn Thần Đền Thánh. Lịch sử xây dựng Đền Thánh đã hoàn thành sứ mạng. Hội Thánh tổ chức thết đãi Tổng Giám Lê Văn Bàng, các Phó Tổng Giám, Tá Lý, đại diện Nam Nữ công thợ, tại Hạnh Đường, chúc mừng thành công, Hội Thánh vô cùng hoan hỷ, tỏ hết lòng quý trọng toàn đạo lập công bồi đức.

Ngày 29-1-1947. (mùng 8-Giêng-Đinh Hợi), Đức Phạm Hộ Pháp làm Lễ rước Quả Càn Khôn về thờ nơi Đền Thánh, (trước đây gởi tại Báo Ân Từ khi tạo tác Tòa Thánh). Khuya

hôm ấy vào giờ Tý cúng Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn.

Nhưng mãi đến 8 năm sau, Đức Phạm Hộ Pháp mới tổ chức Đại lễ Khánh Thành Tòa Thánh vào dịp Vía Đức Chí Tôn, ngày mùng 9-Giêng-Ất Mùi (dl 01-02-1955). Đây là một tuần lễ vĩ đại nhất của Đạo Cao Đài kể từ trước tới nay.

Mô hình kiến trúc và công trình xây dựng Tòa Thánh

Người Tín đồ Cao Đài rất hãnh diện có được một ngôi Tòa Thánh đồ sộ, nguy nga, tráng lệ, do Thiên ý hợp cùng nhơn lực tạo nên, xứng đáng là Bạch Ngọc Kinh tại thế, tiêu biểu cho một nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với tôn chỉ : Qui nguyên Tam giáo và Phục nhứt Ngũ Chi.



Tòa Thánh Tây Ninh. ¹³

13- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

Theo lời giảng cơ dạy bảo của Đức Lý Giáo Tông thì họa đồ xây cất Tòa Thánh do Đức Lý Giáo Tông vẽ theo kiểu của Thiên đình, có kích thước là:

- Bề ngang Chánh điện là: 27 mét.
- Bề dài Tòa Thánh 135 mét, phân đoạn cho ba (3) Đài chính trung tâm: Hiệp Thiên Đài 27 mét, Cửu Trùng Đài 81 mét, Bát Quái Đài 27 mét.
- Nền BQĐ cao 9 mét, nhưng Đức Chí Tôn sửa bớt lại cho đỡ tốn kém: Nền cấp thứ 1 của CTĐ cao 5 tầng, mỗi cấp CTĐ cao 3 tầng, 9 cấp thì cao 2,70 mét, cộng lại cao 3,20 mét.
- Bề cao Lầu chuông và Lầu Trống là: 36 mét.
- Bề cao của Nghinh Phong Đài là: 24 mét.
- Bề cao của Bát Quái Đài: 30 mét.

Nhưng sau đó, Đức Chí Tôn có giảng cơ dặn Ngài Đầu Sư Thái Thơ Thanh rằng :

« Thơ ! Thái Bạch muốn lập Thánh Thất coi cho tốt đẹp, chẳng tưởng sự khó nhọc các con, Thầy chẳng đành. Thoảng như tốn kém nhiều, các con coi theo họa đồ, tính làm theo thước mộc, nghe à !»

Do đó kích thước thật sự của Tòa Thánh nhỏ hơn kích thước theo họa đồ của Đức Lý Giáo Tông.

Kích thước thật sự của Tòa Thánh hiện nay, đo được với độ chính xác (sai số tương đối) từ 5 phần ngàn đến 10 phần ngàn, kể ra như sau đây:

- Bề ngang Tòa Thánh kể cả 2 hành lang là: 22 mét.
- Bề ngang Chánh điện, đo lọt lòng là: 15, 40 mét.
- Bề ngang của hành lang đo lọt lòng là: 2, 40 mét.

Bề dài Tòa Thánh:

- Cuối BQĐ đến mặt tiền Lầu chuông là: 93 m
- Cuối BQĐ đến hết bậc 5 cấp dưới bao lơn là: 97, 50 m
- Bề ngang của Lầu trống hay Lầu chuông đo được: 4,30 m
- Cửa Trùng Đài có 9 cấp, bề rộng mỗi cấp là: 7 mét.
- Bề rộng của gian giữa (Chánh điện) đo được: 7 mét.
- Bề rộng của mỗi gian ở 2 bên là: 4, 20 mét.
- Bề rộng của Tịnh Tâm Điện là: 5, 60 mét.
- Bề rộng của Cung Đạo là: 2, 80 mét.

Bề cao của Lầu chuông bằng bề cao của Lầu trống:

- Từ mặt đất lên đến nóc là: 27 mét.
- Từ mặt đất lên đến miệng hồ lô là: 28, 20 mét.
- Bề cao của Phi Tượng Đài tính tới nóc là: 14 mét.
- Bề cao Nghinh Phong Đài tới đỉnh Địa cầu là: 17 mét.
- Bề cao Bát Quái Đài tính tới nóc là: 19 mét.
- 5 cấp dưới bao lơn, bước lên cửa chánh Tòa Thánh, mỗi cấp có bề cao là 16 phân (16 cm).
- 4 cấp dành cho Thập nhị Thời Quân đứng chầu lễ Đức Chí Tôn, mỗi cấp có bề cao là 19 phân (19 cm).
- 9 cấp của Cửa Trùng Đài, mỗi cấp cao 18 phân.
- 12 cấp nơi Bát Quái Đài, mỗi cấp cao 10 phân.
- Chung quanh Tòa Thánh có tất cả 112 cây cột tròn để chống đỡ mái hiên nơi hành lang.
- Mặt tiền Tòa Thánh, dưới bao lơn đài có 6 cây cột : 2 cây quần rồng đỏ và 4 cây quần bông sen.
- Tịnh Tâm Điện có 10 cây cột sơn trắng sọc xanh.
- Cửa Trùng Đài có 18 cây cột rồng xanh (Long trụ), chia

làm 2 hàng, mỗi hàng 9 cây.

- Cung Đạo có 2 cây cột rồng vàng.

- Bát Quái Đài có 8 cây cột rồng vàng đứng theo 8 góc của hình Bát Quái. Tổng cộng, ở từng trệt của Tòa Thánh, bên trong và bên ngoài, có tất cả 156 cây cột lớn và nhỏ.

Ngài Tổng Giám cho biết, từ Bao Lon Đài, vào Nội điện đến Bát Quái Đài của Đền Thánh có tất cả 44 cột, đặc biệt có 28 cột lớn chạm rồng, đều được đổ bê tông cốt sắt rất kiên cố, vì là trụ cột xương sống đỡ toàn bộ sức nặng cả Đền Thánh, còn lại 16 cột khác đổ bê tông cốt sắt có chèn lăm cây, trái lại hai hành lang chung quanh Đền Thánh có tất cả 112 cột tròn nhỏ để chống đỡ mái hiên của Đền Thánh, đều thực hiện bằng cốt cây, bởi lúc bấy giờ Đạo còn nghèo, cũng đề ngày sau dễ bề tiện lợi thay đổi lại cốt sắt. Trong Điện và hành lang có 156 cột. Tuy nhiên cũng có những nơi cần thiết phải đổ bê tông cốt sắt như dầm, sàn, mái và cầu thang, bởi trực tiếp với sức nặng, và con người di chuyển thường xuyên, mà nhà Kiến trúc và Đốc công nào cũng phải biết cách xây dựng để đạt chuẩn chất lượng cho công trình.

Những công trình kiến trúc và xây dựng Nội Ô Tòa Thánh.

Sau khi xây cất xong và bàn giao Tòa Thánh Tây Ninh, con đường công quả của Ngài Tổng Giám vẫn tiếp tục.

Năm 1948. Ngài Tổng Giám cùng Ban Kiến Trúc sửa chữa lại Báo Ân Từ (Đền thờ Phật Mẫu), xây cất những cơ quan Hành Chánh Đạo như Hộ Pháp Đường, Giáo Tông Đường, Nữ Đầu Sư Đường.v.v...



Đền thờ Phật Mẫu.¹⁴



Giáo Tông Đường¹⁵.

14- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

15- Như 14



Hội Pháp Đường ¹⁶



Nữ Đầu Sư Đường ¹⁷

16- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

17- Nguồn tài liệu Hiệp Thiên Đài, lưu trữ tại Thư viện Cao Đài Paris, Pháp quốc, và Viện bảo tàng của Nhân Loại France (musée de l'homme France).

Ngày 01/02/1949, «15/01/1949 Kỷ Sửu». Vào dịp Đại lễ Chí Tôn, Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, Hội Thánh Phước Thiện và Đức Hộ Pháp chiếu theo Tờ Bỏ Dưng số 1, ngày 10/1/1936, và Tờ Cam Đoan của Ban Kiến Trúc Tòa Thánh, nay chính thức trao tặng cho Tổng Giám Lê Văn Bàng.

Năm 1971 Ngài Tổng Giám cũng là Đốc Công Lê Văn Bàng đã xây dựng Văn Phòng Ban Kiến Trúc và một nhà hàng cơm chay trước cửa Hòa Viện. Ở đây có nhiều dãy phòng để nuôi dưỡng những công thợ có công tạo tác Đền Thánh nay lâm vào cảnh tuổi già không người nuôi dưỡng.

Thỉnh Nguyên gửi Hội Thánh.

Ngày 14-11- 1974 Ngài Tổng Giám đã dâng Tờ Thỉnh Nguyên lên Hội Thánh và Đại hội Nhân Sanh đệ trình xin 3 điều:

- 1 - Xây dựng Đền Thờ Đức Phật Mẫu.
- 2 - Lưu giữ ngày Giáng sinh của Đức Hộ Pháp (mùng 5 tháng 5 âm lịch mỗi năm).
- 3 - Đặt lại phù điêu danh sách công quả thợ hồ dưới quả Càn Khôn của Bát Quái Đài, theo lời dạy của Đức Hộ Pháp. Đã trình nhiều lần «Tờ Thỉnh Nguyên» nhưng không hiểu nguyên do từ đâu, thất lạc Thông qui này? Cho đến mùa Xuân năm 1975, Ngài vẫn chưa nhận được hồi âm ba (3) điều mà Tờ Thỉnh Nguyên dâng lên, cứ thế ngày tháng trôi qua Ngài không còn cơ hội thực hiện theo ước nguyện trên.

Nhân dịp, chúng tôi đính kèm bản chính của Tờ Thỉnh Nguyên:



ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU NHÂN DÂN HÀ NỘI
(Lần họp của niên)
NĂM-THỨ MƯỜI
TẠI-THÀNH

TỔ - THƯỜNG-NGUYỄN.

KÍNH ĐĂNG LÊN HỘI-THÀNH VÀ ĐẠI-HỘI NHÂN-SANH.
NỮ VÀO TUYÊN 10 NĂM GIÁP-DẦN.

Kính Bạch Hội-Thành và Đại Hội Nhân Sanh.

Tôi là cụ Đỗ Công, tác tác Đền-Thánh, LỄ-VĂN-BÀNG đương kiêm Cố-văn Ban Kiến Trúc, đại diện anh chị em công quả lều Đền-Thánh đồng tham thỉnh cầu:

- Theo nguyên ước của nhân sanh nói chung và nguyên ước của chúng tôi nói riêng han hoan đón mừng Đại Hội Nhân Sanh năm Giáp-Dần, đúng là một dịp may mắn để chúng tôi nói lên sự khát vọng đã từ lâu trong đời.

- Chúng tôi kính dâng lên Hội-Thành và Đại Hội Nhân Sanh ba (3) tiền thỉnh nguyện như sau:

TIỀN THỨ I:-THƯỜNG-NGUYỄN: Khi ngày tạo tác Đền Thánh thờ Đức Chí-Tôn, là Nhặt thành an vị quả Cẩn Khôn cho đến nay đã lâu rồi nhưng Đền Thờ Đức Phật-Mâu chưa nghe tính đến việc tạo tác, vì thế hiện nay Đức Mẹ Thiêng liêng vẫn tạm trú nơi Bửu Âm Từ.

- Thiet nghĩ ông cha và bà mẹ Thiêng liêng thì sự tôn trọng phải kính tương đồng một thôn nguyên của chúng sanh.

- Xét rằng Địa điểm tạo tác Đền Thờ Đức Phật-Mâu, Đức Hộ-Pháp đã định sẵn rồi; số đất có 9 mẫu ở mặt tiền lộ Bính Dương Đạo, xóm Tả Nam.

- Chúng tôi xin trình lên Hội-Thành và Đại Hội Nhân Sanh lời vàng ngọc của Đức Hộ-Pháp "SỰ PHỤ" của chúng tôi đã chỉ giáo khi làm xong Đền-Thánh, Đức Ngài kêu chúng tôi lại Ngài nói:

"Thầy trò mình phải cựa nhọc một lần nữa để tạo tác Đền Thờ Đức Phật-Mâu rồi rồi phan sự". Tiếng nói Thiêng liêng Đức Ngài phán dạy chúng tôi còn khắc ghi nơi tâm khảm.

- Từ ấy đến nay đất nước không lúc nào yên yên; cơn thuyền Đạo đã trải qua bao cuộc thăng trầm nên chúng tôi không thể trình bày lên được.

- Hôm nay tình thế chúng tôi nhận thấy ánh sáng thành bình gần lộ bóng; mới dám trình bày trước Hội-Thành và Đại-Hội Nhân Sanh lời lịnh của Đức Hộ-Pháp "SỰ PHỤ" của chúng tôi để ra.

- Chúng tôi mong ước Hội-Thành và Đại Hội Nhân Sanh cứu xét lại thỉnh nguyện đã nêu trên bằng tinh thần tích cực thích nghi, vì nguyên ước này không riêng cho chúng tôi mà của toàn con cái hiếu hạnh của Đức Phật-Mâu, lịnh khải công tạo tác sớm ngày nào thì toàn thể chúng sanh mừng ngày ấy.

ĐIỀU CHỐI II:-NGUYỄN VĂN: Ngày lễ Giáng sinh của Đức Hộ Pháp bị Hội-Thành choê giếm, chỉ giữ ngày lễ qui thiên; điều này không thỏa mãn lòng ủng hộ của Nhân Sanh; chúng tôi "Anh Chị em Mân Nữ thợ hồ" đồng kính dâng bản thỉnh cầu Hội-Thành; xin giữ lại ngày lễ Giáng-Sinh còn lại mãi mãi; thì Hội-Thành có hứa rằng: để cứu xét lại rồi làm thỏa mãn nguyện vọng của anh em, từ đó đến nay trên hai năm rồi chúng tôi chưa nhận được Thánh ý của Hội-Thành chỉ giáo?

- Hôm nay chúng tôi cũng như toàn cả Đạo hữu một lần nữa đồng dâng bản thỉnh nguyện này lên Hội-Thành và Đại Hội Nhân Sanh quyết định dứt khoát; để chúng tôi khỏi hoang mang vì mỗi năm đến ngày Thiêng liêng ấy thì trong lòng chúng tôi vọng động "bao nào" như cấp bị xất một báo vật cho quý tính thần cơ động bởi nguyên lý tín

.....2....

nguồn tự do.

Chúng tôi cầu xin Hội-Thánh và Đại Hội Nhơn Sanh ban cho một cơ hội để thỏa mãn một khát vọng của tâm linh chúng sanh đang vươn núp đón chờ.

ĐIỀU THỨ III:- NGHI VỊ: Những công thọ tạo tác Đền Thánh tuân hành khẩu lệnh Đức Bồ Pháp "CỨ PHỤ" nhưng tội duy phải lập thành thông qui danh sách công thọ để dâng và 1 cái hộp đem phong lại và để dưới quẻ Càn Khôn, nhưng là viên đẹp đi.

"Điều này chúng tôi nhìn qua tinh thần đại thể là con cái Đấng Chí Tôn trong cửa Đạo, chúng tôi còn trong niềm hòa ái xin miễn dần lý do qui trách nhiệm cho ai".....?

Chúng tôi nhớ lại cách đây 7 năm Hội Nhơn Sanh đã quyết định đem trả lại như cũ, để dưới quẻ Càn Khôn Bát Quái Đại hợp không qui rồi, nhưng lại bị đem đi một lần nữa không rõ vào thời gian nào, cái biệt vào năm Tân Hợi (1.971). Một bị phơi bày, vì năm ấy Đức Lý Đại Thiên Nhứt Trần Đại Nghiêm an và chấp oai phong bằng điều kiện thiện chí và Đạo tâm không được bỏ sót một ai chúng tôi cũng được sự chiếu cố này nhưng không có giấy tờ chứng minh công nghiệp, nên xin Hội-Thánh nhận bằng thông qui để dưới Bát Quái Đại hợp như sự xác nhận công nghiệp Hội Thánh chấp thuận.

Đến khi Đại diện Ban Kiến Trúc hợp cũng lễ-viên thỉnh hợp, ra thì khám đã bị mở trước, khi đó ra tìm thông qui làm Đền-Thánh đặt hết chỉ còn thông qui tạo Đền Lang và Tây Lang cùng dính thủ, sự kiện xảy ra lần này là một hành động có tính với một mưu toan thâm hậu.

Chúng tôi mới lần từ trình lên xin Ngài Hiền Pháp mở cuộc điều tra từ Hiệp Thiên Đài qua Cửu Trùng Đài kết quả không tìm thấy được, và Hội-Thánh đã xác nhận coi như đã tiêu luận và chấm dứt mọi những trách nhiệm.

Kiểm Tra: Hội Thánh cùng Đại-Hội Nhơn Sanh.

Tôi là Đức Ông LÊ-VĂN-BÀNG, thay mặt anh chị em công thọ tạo tác Đền Thánh, tinh thần trách nhiệm bắt buộc nên: Tôi xin các bạn thích của Hội Thánh và Đại Hội Nhơn Sanh phán quyết đem dưới ánh sáng Đạo đức.

KẾT-THÚC: Chúng tôi xin Hội Thánh và Đại Hội Nhơn Sanh khoan hồng cho xét 3 điều thỉnh nguyện nêu trên, với 1 tinh thần Đạo lý uyên nguyên đã chúng tôi sống thọ thời an vui trong cửa Đạo giữ trọn Đức tín tiến hành trong trường công quả của Chí-Tôn cho vẹn 1 kiếp sạch ml, cũng là điều duy nhất chúng tôi hằng mong đợi./-

Mọi kính,

Sinh tử:

Hội-Thánh ngày 1 tháng 10 năm Giáp Thìn.

(đi: 11.11.1.974)

- Ngài Hiền Pháp Chương Quân HTĐ.
- " Khai-Đạo Chương Quân BPC.
- " Hiền Đạo Thông Quân Cơ Quan T.T.
- " Thái, Thượng, Ngọc Đầu-Sư.
- " Thái, Thượng, Ngọc Chánh Phối-Sư
- Đại lý Qu. Kù-Chánh Phối-Sư
- Ngài Hiền Nhơn Chương Quân T.T.
- Đại lý Chơn Nhơn P. Chương Quân v/v.
- Ngài Phối-Sư Trưởng Ban-Đạo Sư.

NGHI-VỊ:

- Văn-phòng Hội Nhơn Sanh.
- Hồ-Sơ.

ĐỨC-ÔNG: LÊ-VĂN-BÀNG.

Nguồn: Gia tộc Tổng Giám Lê văn Bàng.

Sau ngày 30-4-1975 Nhà cầm quyền lấy Văn Phòng Ban Kiến Trúc để phân phát cho gia đình Liệt Sĩ. Ngài Tổng Giám cùng Ban Kiến Trúc phải dời về xóm Tà Mun ¹⁸ để cùng nhau gấn bó như một đại gia đình của Đời và Đạo, tuy sống đơn sơ nhưng ở đây phản ánh tình đồng Đạo tuyệt vời, cảm thấy được an ủi rất nhiều về mặt tinh thần. Những ngày tháng này, Ngài khích lệ tinh thần đệ tử Nguyễn Văn Lung (Sáu Lung) tạm xa gia đình. Hiền Huynh Sáu Lung mở lòng phấn khởi lên Campuchia gìn giữ Liên Đài của Đức Hộ Pháp cho đến khi qua đời, một dâng hiến lớn vì Đại Đạo.

Cùng năm, Ngài bị bắt giam tại nhà giam Hòa Thành, Tây Ninh vì tâm quyết bảo vệ sự nghiệp của Sư phụ Đức Hộ Pháp. Nhà cầm quyền chế độ Cộng Sản có những xúc phạm với Sư phụ quá đáng như trong «Bản Án Cao Đài» đã nêu ra những điều phi lý và hoàn toàn vô căn cứ, vì lý do đảng Cộng sản muốn tiêu diệt Đạo Cao Đài.

Năm 1983 Ngài Tổng Giám Lê Văn Bàng phát hiện trên cây Bồ Đề (Ficus Religiosa) tại Hội Đồng Xã trước Tòa Thánh xuất hiện cây Đa lá tròn nhiều rễ (Ficus Benghlensi) ăn bám vào chung quanh thân cây Bồ Đề, cho thấy có dấu hiện không an lành. Ngài cùng một số huynh đệ trong Ban Kiến Trúc thi nhau cắt lia cành, rễ, đốn hạ thân cây Đa, ra khỏi cây Bồ Đề. Ngài luôn quan tâm sửa chữa lại quần thể kiết trúc trong Nội Ô Tòa Thánh, nếu nơi nào bị xuống cấp, nhất là Đền Thánh ưu tiên hàng đầu.

18- Sau này VP Ban Kiến Trúc ở Tà Mun cũng bị lấy nên VP Ban Kiến Trúc phải dời vô Nội Ô Tòa Thánh (chỗ Đài Phát Thanh trước kia.)

Năm 1985 (2-4 Ất Sửu) Khởi công tu bổ lần thứ nhất đầu, sửa sang chỗ hư hỏng từ cột trên lầu Bát Quái với vài mái Đền bên trong còn chữa lại với những cây đà bên trên từ đầu tường mái Đền Thánh ngang qua la phong ¹⁹ dù. Hoàn tất ngày 19 tháng 5-1985.

Hành trình yên tĩnh của một tín đồ Cao Đài.

Vào lúc 7.00 giờ sáng, ngày 30 tháng 5 năm 1987. Ngài Tổng Giám Lê Văn Bàng qui vị hưởng thọ 85 tuổi. Ngài được thiêng liêng ân phong đối phẩm Giáo Sư. Ngài là một nhân văn thiên tài luôn có nụ cười nở trên môi lạc quan, thích trao đổi khi có dịp gặp gỡ và chia sẻ với đồng Đạo, tinh thần trách nhiệm cao với những kỳ công chói lọi trước một quần thể (population) kiến trúc Tòa Thánh Tây Ninh, còn gọi là Đền Thánh.

Người sinh ra để tận tụy phục vụ vì Đại Đạo, mỗi hình ảnh xây dựng mang theo ẩn dụ với ý nghĩa đặc thù tinh hoa giáo lý Cao Đài, một công trình xây dựng tâm linh, thích hợp cho tất cả mọi văn hóa của mỗi dân tộc và nhân loại. Người để lại cho Đại Đạo hơn một trăm (100) công trình kiến trúc khác nhau. Một nhân phẩm nổi trội trong hàng triệu tín đồ Đạo Cao Đài dâng hiến cả đời sinh, một nhân cách sống cao cả ngự trị trong lòng ân sủng của Đức Chí Tôn.

Và hôm nay, cũng như mai sau những công quả lập đức của Ngài vẫn còn ghi mãi muôn đời.

Paris ngày 06/12/1995

Hiệu đính ngày 19-5-2018

Biên khảo Hiền Tài Huỳnh Tâm

19- plafond (Pháp ngữ)

Tham Khảo.

- Phòng văn Nguyễn Thái Sương.
- Kiến trúc Đền Thánh (HT. Nguyễn Hà Quyển)
- Thư viện Cao Đài Paris Pháp.
- Tài liệu gia tộc Tổng Giám Lê Văn Bàng.(HT Lê Thị Huệ Hường đại diện).
- Ban Thế Đạo Hải Ngoại: <http://www.banthedao.net/>
- Cao Đài Hải Ngoại (Cao Đài International): <http://www.caodai.international/>
- Cơ quan Đại Diện Cao Đài Hải Ngoại: <http://www.coquandaidiencaodai.org/>

MỤC LỤC

“Bạch Ngọc Kinh nơi Đức Chí Tôn ngự”

- 1*- Nguồn gốc Bạch Ngọc Kinh Trang 73
- 2*- Đức Phạm Hộ Pháp mô tả Bạch Ngọc
Kinh. Trang 77
- 3*- Quần thể kiến trúc trong
Bạch Ngọc Kinh Trang 79
- 4*- Đức Hộ Pháp xuất Vía về
Bạch Ngọc Kinh Trang 86
- 5*- Tòa Thánh Tây Ninh - Bạch Ngọc Kinh
tại Thế Trang 89
- 6*- Tứ Đại Bộ Châu đến Bạch Ngọc Kinh . . Trang 93
- 7*- Thay Lời Kết Trang 100

Bạch Ngọc Kinh Nơi Đức Chí Tôn Ngự

QS TS Nguyễn Thanh Bình

I. Nguồn Gốc Bạch Ngọc Kinh

Từ thuở Hỗn Độn sơ khai, từ trong hư vô tịch mịch xuất hiện một khối ánh sáng Đại Linh Quang gọi là Thái Cực. Ánh sáng Thái Cực này lan tỏa, hình thành lưỡng nghi là hai khối Âm Quang cùng Dương Quang. Xung quanh khối Thái Cực chí dương ấy là lớp thanh khí có tính chất gần giống với hư vô vậy, nhẹ nhàng thuần khiết, thanh tịnh vô cùng, đây chính là cõi Đại La Thiên.

Đại La Thiên này nằm ở tầng Hỗn Nguyên Thiên trong hệ thống Cửu Trùng Thiên. Cõi này có những làn khí thanh nhẹ kết tụ lại thành các *tòa kiến trúc toàn là màu trắng tinh khôi*, tạo nên một kinh đô tráng lệ tận thiện, tận mỹ gọi là **Bạch Ngọc Kinh** (đạo Phật gọi là Niết Bàn).

Bạch: Màu trắng, rõ ràng. **Ngọc:** Loại đá quý có màu sáng bóng rất đẹp. **Kinh:** Tòa nhà to lớn làm nơi thường ngự của Đức Chí Tôn.

Bạch Ngọc Kinh là tòa nhà to lớn làm bằng ngọc trắng, ở tại trung tâm của **Càn Khôn Vũ Trụ** (CKVT), là nơi thường ngự của Đức Chí Tôn hay Ngọc Hoàng Thượng Đế (Thầy).

Nhờ Thánh Ngôn của Đạo Cao Đài chúng ta biết được nơi ngự của Đức Chí Tôn là **Bạch Ngọc Kinh** là một tòa nhà to lớn làm bằng ngọc trắng được mô tả qua đàn cơ ngày 1-1 năm Bính Dần (1926). Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển

(TNHT), có bài thi mô tả Bạch Ngọc Kinh như sau:
Tân Tả Bạch Ngọc Kinh:

*Một tòa Thiên các ngọc lâu lâu,
Liên bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then gài ngăn Bắc Đẩu,
Thiên trùng nhíp khảm hiệp Nam Tào.
Chư Thần chóa mắt màu thường đối,
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao.
Dời đổi chớp giăng doanh đồn nổi,
Vững bền muôn kiếp chẳng hề xao.*

(1-1-Bính Dần)

Bạch Ngọc Kinh là tòa lâu đài quý báu nhứt, đồ sộ nhứt, đẹp đẽ nhứt, huyền diệu nhứt trong Càn Khôn Vũ Trụ (CKVT). Ngôi Bạch Ngọc Kinh bằng **ngọc màu trắng** cao vợi vợi, có cổng **Huỳnh Kim Khuyết** bằng vàng ròng xa mù mù như hai câu trong bài Ngọc Hoàng Kinh:

*Diệu diệu Huỳnh Kim Khuyết,
Nguy nguy **Bạch Ngọc Kinh**.*

Các lâu đài nơi cõi trần còn bị hư sập hay bị hủy hoại theo thời gian, nhưng **Bạch Ngọc Kinh** thì tồn tại vĩnh viễn.

Đức Chí Tôn đã có lần hỏi các con cái của Ngài: “Thầy những mong ở một cõi trong sạch nhất nơi trần gian, Thầy chứng vào cõi đó, Thầy ngự vào đó để cứu rỗi con cái của Thầy trong kỳ mạt kiếp. Các con ôi! Cõi cõi tịnh khiết đó ở đâu hỏi các con? ”. Ai cũng hiểu đó là nơi cái Tâm.

Thánh Giáo Đức Chí Tôn đã dạy:

*Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng cần hạ giới vọng cao ngời.
Sang hèn trời kệ Tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngồi.*

Thầy (Đức Chí Tôn) dặn các con như đàn nội chẳng nghiêm, Thầy không giảng. (TTHT, Q1)

Tất cả các chơn hồn khi đắc đạo, đều phải đến **Bạch Ngọc Kinh** bái lễ Đức Chí Tôn.

Tòa Thánh Tây Ninh được Đức Hộ Pháp xây cất theo kiểu mẫu do Đức Lý Giáo Tông giảng cơ vẽ ra, mô phỏng theo hình ảnh của **Bạch Ngọc Kinh** nơi cõi thiêng liêng. Do đó, Tòa Thánh Tây Ninh được xem là **Bạch Ngọc Kinh tại thế**. Bát Nương đã dạy “Hình thể Đức Chí Tôn là Đền Thánh” đó vậy. Bát Nương lại dạy tiếp :

Ngày nay, chính Đức Chí Tôn giảng trần lập đạo. Ông Thầy của chúng ta là ông thầy Trời, với thời gian Thất Úc Niên, với mục đích **cứu rỗi 92 ức nguyên nhân qui hồi cựu vị**. Thất Úc Niên so với không gian, thời gian và so với tuổi thọ của địa cầu này thì không có bao nhiêu.

Đức Chí Tôn lập Đạo lần này không phân tánh giảng trần như những lần trước, mà giảng trần bằng thiêng liêng cơ bút, giảng trần không có hình thể, không có tiếng nói mà có lời nói. Hình thể chúng ta là thể xác, trí não và linh hồn, tức là tinh, khí, thần hiệp lại. Hình thể Đức Chí Tôn là Đền Thánh đó vậy. Đền Thánh có: Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài, Bát Quái Đài.

- Cửu Trùng Đài tượng trưng cho thể xác.

- Hiệp Thiên Đài tượng trưng cho trí não hay chơn thần.
- Bát Quái Đài tượng trưng cho linh hồn (là Hồn, là Đạo).

Đền Thánh là hình thể Đức Chí Tôn tại thế. Hình thể này không có quyền lực nào hủy diệt được. Hình thể này sẽ sống với chúng ta cho đến Thất Úc Niên. Đức Chí Tôn không có tiếng nói mà ở đâu cũng có lời nói. Những lời nói này sẽ còn nói mãi với chúng ta.

Để có một khái niệm rõ ràng về hình ảnh của **Bạch Ngọc Kinh**, chúng ta hãy nhớ lại hình ảnh Tòa Thánh Tây Ninh được Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đứng ra xây cất theo kiểu vở do Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch giảng cơ, vẽ ra mô phỏng theo hình ảnh của Bạch Ngọc Kinh trên cõi Thiêng Liêng. Do đó Tòa Thánh Tây Ninh cũng được gọi là Bạch Ngọc Kinh tại thế.

Ngoài **Bạch Ngọc Kinh** Đức Chí Tôn còn ngự tại **Linh Tiêu Điện ở Ngọc Hư Cung** thuộc tầng trời Hư Vô Thiên mỗi khi có Đại Hội Quần Tiên, nơi đó Đức Chí Tôn ngự trên cái đài cao để chủ tọa Đại Hội Ngự Triều.

*Linh Tiêu nhứt tháp thị Cao Đài
Đại Hội Quần Tiên thử ngọc giai
Vạn trượng hào quang từng thử xuất
Cổ danh bửu cảnh lạc Thiên Thai.*

Thầy các con,
Thầy mừng các con. Thi:

HUYỀN huyền diệu diệu chí linh linh,

KHUNG sắc hòa quang hiện **Ngọc Kinh**,
CAO ngự chương tòa thần mặc mặc,
THƯỢNG triều bửu điện khí khinh khinh,
ĐẾ cung Thánh Phật giai cung hi,
Kim Khuyết Thần Tiên cụ tiếp nghinh,
Viết Thích, Viết Nho, Viết Đại Đạo,
CAO ĐÀI dưỡng dục hóa quần sinh.

Huyền Khung Cao Thượng Đế (Đức Chí Tôn) Kim Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương.

II. Đức Phạm Hộ Pháp Mô Tả Bạch Ngọc Kinh

Trong Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp mô tả **Bạch Ngọc Kinh** như sau:

“Lại gần tới còn thấy một vật khác thường quái lạ, nhưng nó là một tòa Thiên Các đẹp đẽ lắm, màu sắc thay đổi sáng rõ, mà cả Thoại khí bao quanh làm như thể vận chuyển hình trạng của nó vậy. Lâu đài chón chở mà nó là con vật sống chứ không như gạch đá chúng ta làm đây, nó vận hành như con vật sống vậy, thay đổi màu sắc vô cùng vô biên. Bí pháp ấy không thể gì tả đặng, ngó thấy đặc sắc lắm.

Nhà cửa ở thế gian này là con vật chết, **Bạch Ngọc Kinh** là con vật sống, biến hóa thay đổi như thể vận hành, xung quanh thoại khí bao trùm, từ Nam chí Bắc, từ Đông qua Tây, khối lửa ánh sáng ấy, chúng ta ngó thấy như mặt trời vậy, mà ánh sáng mặt trời thì nóng nực bức bối, còn ánh sáng nơi tòa **Bạch Ngọc Kinh** lại dịu dàng và huyền bí lắm, sung sướng khoái lạc lắm! Tại sao đài các nó là con tử vật mà nó sống? Sống là do nơi đâu? Nếu biết được thì không lạ gì.

Nơi **Bạch Ngọc Kinh** là Hồn Nguơn Khí biến hình nó ra. Hồn Nguơn Khí là Khí Sanh Quang của chúng ta đã thở, đã hô hấp, khí để nuôi cả sanh vật sống, ta cũng do nơi nó xuất hiện, mà biểu nó làm sao không sống?

Khi Bần đạo ngồi trên pháp xa đến, thấy các chơn linh hằng hà sa số, bao vây trước cửa la liệt không thể đếm. Pháp xa vừa ngừng, Bần đạo bước xuống thấy ba cửa nơi **Bạch Ngọc Kinh** có 12 vị Thời Quân mặc khôi giáp, tay cầm bửu pháp, đứng cản đường không cho thiên hạ vô. Bần đạo giận quá đổi. Ba cửa ấy xa nhau, mỗi cửa có bốn người giữ. Bần đạo muốn nói chuyện thì ba cửa ấy gom lại, 12 người hiệp lại đứng trước mặt Bần đạo. Bần đạo hỏi vì có nào không cho người ta vô?

Vừa hỏi thì họ bỡ ngỡ nói “người ta” biểu đừng cho vô. Nói “người ta” biểu thì Bần đạo biết là Kim Quang Sứ biểu nó, xúi nó đừng cho các Chơn Linh vào **Bạch Ngọc Kinh**.

Giận quá, Bần đạo day mặt ra ngoài biểu các Chơn Linh vô. Họ tràn vô nghe một cái ào dường như nước bể bờ chảy vào **Bạch Ngọc Kinh** vậy. Tới chừng các Chơn Linh vô hết, liền biểu 12 vị Thới Quân vô, rồi đứng dòm cùng hết thấy coi còn ai ở ngoài nữa không. Bần đạo vác cây Giáng Ma Xử đi vô Bạch Ngọc Kinh sau hết.

Bạch Ngọc Kinh chia làm ba căn, cửa chính giữa là các vị Phật cao siêu, mình đứng day vô, phía bên tả là phái nữ, phía bên hữu là phái nam. Bần đạo nghe đi rần rần rộ rộ, bên kia thì thấy hình bóng chiếu qua vách mà thôi, tấm vách thật lạ lùng, trong trắng giống như sương sa vậy. Buổi đầu Bần đạo không để ý, đi tới nữa, thấy tất cả đều có ngôi vị của họ sẵn. Bần đạo vô cửa thấy họ ngồi có chỗ hết, còn mình thì bơ

thờ, vác cây Giáng Ma Xử đi vô, không biết đi đâu. Nói sao người ta có chỗ ngồi, còn mình không có?

Vừa nói rồi thì thấy có người đứng gần bên mình mà không hay, họ trả lời: Cái Ngai của Ngài kia. Bần đạo dòm lên thấy cái ngai tốt lắm, thấy rồi trong bụng hồ nghi, nói không biết họ có gạt mình không. Bần đạo sợ, vừa sợ thì có người nói: Chính cái Ngai đó là của Ngài.

Từ thử đến giờ, dầu vạn kiếp sanh chịu khổ để tạo vị nơi mặt thế gian này cũng không bằng ngồi được trên đó. Nơi đó sung sướng lắm, sung sướng làm sao đâu!

Trong bụng nói làm sao lên được trên đó? Vừa tính rồi thì dường như có nấc thang, Bần đạo lên ngồi rồi thì thấy trước mặt của mỗi người đều có vật ăn và rượu để uống. Bần đạo nói sao họ có ăn mà mình không có. Vừa nói thì có một trái đào Tiên và một chung Tiên tửu. Ở đó tưởng muốn cái gì đều có hết, nhứt nhứt không có món gì mình muốn mà không có.»

III. Quần Thể Kiến Trúc Trong Bạch Ngọc Kinh

Bạch Ngọc Kinh là quần thể kiến trúc thanh tịnh với các tòa công trình tiêu biểu như:

1. Huỳnh Kim Khuyết
2. Ngọc Hư Cung
3. Lôi Âm Cổ Đài
4. Bạch Ngọc Chung Đài
5. Nghênh Phong Đài
6. Linh Tiêu Điện
7. Hiệp Thiên Đài
8. Cửu Trùng Đài

9. Bát Quái Đài

1* - Huỳnh Kim Khuyết

Là khu vực cổng trời, với hai hàng Thiên Trụ là hai mươi tám trụ cột tượng trưng cho Nhị Thập Bát Tú, cao chót vót xuyên qua các tầng mây ngũ sắc, dẫn lối vào Ngọc Hư Cung trong **Bạch Ngọc Kinh**. Những cột trụ này được hình thành bởi vàng ròng và bạch ngọc, với các phù điêu tinh xảo mang hình ảnh long thần, linh thú, liên hoa, ngũ sắc tường vân và mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Các cột trụ này có thể di chuyển vị trí, những phù điêu trên cột cũng là những linh thể an định nơi ấy. Thế nên họ có thể di chuyển, thể hiện biểu tình cảm xúc và thay đổi hình ảnh thị hiện bất kỳ lúc nào nếu thích.

Huỳnh Kim Khuyết này lan tỏa ra xung quanh một lớp minh khí thanh nhẹ, tịnh yên vô cùng. Lần minh khí ấy chính là pháp giới bao quanh **Bạch Ngọc Kinh**, chỉ những chơn hồn có khí chất thanh tịnh an nhiên vô cùng mới có thể tự do xuất nhập tùy ý.

Những chơn hồn có công phu tu tập nhất định, tuy chưa đạt quả vị Thánh Hồn để có thể xuất nhập vào cõi này an trú, nhưng được sự trợ duyên để giúp chơn hồn ấy có được một lớp màn thanh tịnh khí bao quanh mình. Nhờ vậy chơn hồn ấy có thể du nhập qua cổng Huỳnh Kim Khuyết.

Có những chơn hồn chưa đủ lực thanh tịnh, còn đầy dẫy những hỗn loạn, chấp niệm tham sân si ám muội cả thần thức, vô minh che lấp Thiên Tánh mà muốn được nhập vào cõi giới thanh tịnh này. Họ sử dụng các Pháp huyền công để xâm nhập vào nơi thuần khiết này thì chính lực thanh tịnh của cõi này sẽ làm tịnh hóa khí chất trọng trược của họ. Lúc

ấy họ sẽ cảm thấy đau đớn khổ sở vô cùng trong quá trình được thanh tẩy, từ đó họ sẽ có ba xu hướng.

Cố gắng chịu đựng đau đớn, đối diện với những khổ não, tội lỗi, những nghiệp bất thiện trong hành tàng tồn tại từ nhiều đời nhiều kiếp mình đã từng gây nên. Tự mình thức tỉnh, sám hối nghiệp duyên của mình, hồi hướng về điều thiện lương, quyết tâm buông xả các chấp niệm bất thiện đầy đau khổ. Lúc ấy, chơn hồn đó sau một khoảng thời gian được tịnh hóa, sẽ trở nên thanh nhẹ, trong sạch, rũ bỏ được các phiền não thế tục tình trường, đoạn tuyệt sự khổ bởi chấp niệm. Bấy giờ, họ có thể thật sự nhập vào **Bạch Ngọc Kinh**, chuyển hóa nhân duyên nghiệp quả của mình, tìm cách trả nợ những nghiệp bất thiện từng gây bằng cách lập thế nguyện phụng sự chúng sinh, đem lại lợi lạc, hạnh phúc an vui cho vạn linh khắp Tam Giới.

Khi họ phải đối diện các sự khổ trong lúc được tịnh hóa thì họ không dám chấp nhận nó, tìm cách chối bỏ nó, không quán chiếu được nhân duyên nghiệp quả của mình. Lúc bấy giờ họ không chịu nổi các đau đớn khổ não dày vò tâm thức của mình, tự nhiên sẽ xuất ngoại khỏi pháp giới thanh tịnh của lần minh khí nơi **Bạch Ngọc Kinh**, trở về với đúng nơi phù hợp với họ.

Khi họ đối diện các sự khổ trong lúc được tịnh hóa, trong lòng họ khởi sinh những ý niệm bất thiện vô cùng tiêu cực. Tâm ý họ phát ra những chấp niệm oán hận, báo thù các nhân duyên từng gây đau khổ cho mình thì từ họ bộc phát sát khí, oán khí nặng nề. Các trược khí này biến chơn hồn ấy thành vật chất hấp dẫn linh quang lôi điện tập trung vào họ. Nếu may mắn thì họ có thể rời khỏi lớp minh khí thanh tịnh

này, nếu lỡ không may, không rời đi kịp, bị quá nhiều luồng lôi điện đánh trúng thì tiêu tán hồn phách. Các mảnh vỡ của chơn hồn ấy do quá trọng trược nặng nề nên sẽ chịu tác động của lực hấp dẫn ở các cõi Hạ Giới hữu hình. Sau khi rơi vào các cõi Hạ Giới, những mảnh hồn nhỏ li ti này chuyển sinh thành các dạng tồn tại đơn giản như là hạt bụi, sỏi đá, vật chất kim loại... Trải qua trăm muôn ngàn kiếp sinh tồn, hoại diệt, các mảnh hồn ấy dần tinh tấn chuyển sinh và kết hợp lại với nhau thành các sự tồn tại phức hợp hơn như cỏ cây hoa lá, chim muông cầm thú, rồi tới con người. Một quãng đường dài như thế, có thể giúp chơn hồn ấy thực sự tỉnh ngộ, thấu hiểu sự khổ, nỗi đau của chúng sinh từ đó mà trân quý bản thân lẫn muôn sinh trong Tam Giới. Họ sẽ có ngày về lại với cõi Đạo nơi **Bạch Ngọc Kinh** vậy.

2*- Ngọc Hư Cung

Là cung điện được kết tụ bởi khí chất thanh khiết, trắng ngà như Bạch Ngọc. Cả Ngọc Hư Cung cũng là một linh thể sống động, các phù điêu hình ảnh trên tường đều có thể biến hóa hư ảo, vi diệu vô cùng. Xung quanh các cánh cửa dẫn vào Ngọc Hư Cung có chư vị linh thú làm hộ pháp, đa phần là Kim Mao Hửu và Tứ Linh. Hai bên tả hữu của Ngọc Hư Cung có hai đài rất cao, tỏa ra khí chất đặc trưng mang hai tính Âm Dương rõ rệt là Lôi Âm Cổ Đài và Bạch Ngọc Chung Đài.

3*- Lôi Âm Cổ Đài

Lôi Âm Cổ Đài là một cái đài rất cao như một tòa tháp, có hình ảnh thái dương soi sáng vô minh, tượng trưng cho khối khí Dương Quang. Ở đài này có một cái trống thật to được kết tinh bởi ngũ

sắc tường vân gọi là Lôi Âm Cổ. Mỗi khi các đám mây lành ngũ sắc này di chuyển, tương tác với nhau trên bề mặt trống thì trống này cất tiếng vang là tiếng sấm nổ giữa thiên không, lan tỏa khắp Tam Giới. Pháp âm ấy đặc biệt có tác động mạnh mẽ đến U Minh Giới, giúp cho các chơn hồn vô minh mang nhiều chấp niệm đau khổ, tội lỗi và bi thương hãy nghe thấy tiếng trống thì thần thức được tác động một lực giúp họ tỉnh thức, họ sẽ dần dần tĩnh lặng, an định. Tiếng trống Lôi Âm cũng được gióng lên trong các dịp lễ để nhắc nhở, triệu tập chư linh khắp nơi quy tụ về **Bạch Ngọc Kinh**.

Mỗi khi có một chơn hồn chuyển sinh thành anh linh, thường là khi anh linh ấy đạt quả vị tương đương Cửu Phẩm Thần Tiên thì hồi trống Lôi Âm sẽ được cất lên. Mỗi cấp bậc sẽ ứng với số hồi chuông trống hiệu khác nhau thông báo khắp Tam Giới.

4- Bạch Ngọc Chung Đài

Bạch Ngọc Chung Đài là một đài rất cao tương đương với Lôi Âm Cổ Đài, có hình ảnh nguyệt quang dịu dàng soi sáng bầu trời đêm, tượng trưng cho khối khí Âm Quang. Ở đài này có một cái đại hồng chung thật to được làm từ Bạch Ngọc. Mỗi khi tiếng chuông ngân vang liên làm cho khắp nơi trong Tam Giới được thanh tịnh, nhất là các chơn hồn đầy đau khổ, hỗn loạn nơi các cõi giới thuộc U Minh Giới.

Cả hai đài trống chuông có tác dụng giúp Tam Giới thanh tịnh, tịnh hóa các chơn hồn đang trong trạng thái hỗn loạn, đau khổ với chấp niệm của họ. Thế nên ở hai đài này luôn có chư vị gìn giữ trách nhiệm gióng chuông, trống.

5- Nghinh Phong Đài

Phía trước Ngọc Hư Cung có một khoảng sân rộng gọi là Nghênh Phong Đài. Nơi này có chư vị Hỉ Lạc Thiên thường tấu các giai điệu du dương đón tiếp chư anh linh từ các cõi giới khác du nhập về **Bạch Ngọc Kinh**. Chư linh tập trung tại khoảng sân này chờ đến thời khắc làm lễ bái kiến Đức Chí Tôn Huyền Khung Cao Thượng Đế (Đức Đại La Thiên Đế - Đức Đại Từ Phụ của muôn linh) ở Linh Tiêu Điện bên trong Ngọc Hư Cung.

6*- Linh Tiêu Điện

Linh Tiêu Điện là chánh điện của Ngọc Hư Cung. Là nơi chư anh linh bái kiến Đức Chí Tôn, hội họp định kỳ thường niên để đưa ra các điều quy của Thiên Điều, thiết lập và gìn giữ trật tự Tam Giới vận hành theo khuôn luật của bác ái và công bình.

Linh Tiêu Điện cũng là nơi tổ chức các giảng đường thuyết pháp về các luật lệ vận hành trong Tam Giới cho chư anh linh mới du nhập vào Thượng Giới tham dự. Linh Tiêu Điện cũng là nơi tuyên đọc các sắc phong cho những anh linh đạt quả vị trong Cửu Phẩm Thần Tiên.

7*- Hiệp Thiên Đài

Khi bước vào Linh Tiêu Điện bên trong Ngọc Hư Cung sẽ gặp một khoảng không gian rộng lớn tên gọi Hiệp Thiên Đài. Nơi này có chư vị Liên Thần thực hiện công tác chuyển giao, truyền tống các ấn lệnh được ban hành đến khắp nơi trong Tam Giới. Chư vị ấy cũng nhận lại các tấu, chương, biểu, nghị thể hiện tâm tư nguyện vọng của muôn sinh, vạn loại từ khắp nơi trong Tam Giới gửi về cõi Đạo.

Thường gặp nhất là các lời khẩn nguyện cầu cho hòa bình thế giới, nguyện cầu hóa giải tai ương chướng ngại khổ ách, nguyện cầu chuyển duyên giải nghiệp và hóa độ các chon hồn mang đầy chấp niệm đau khổ, tội lỗi ở các cõi U Minh.

8*- Cửu Trùng Đài

Cửu Trùng Đài là một con đường dài đi từ Hiệp Thiên Đài đến Bát Quái Đài trong Linh Tiêu Điện. Con đường này có chín tầng cấp bậc, ứng với Cửu Phẩm Thần Tiên. Chư anh linh đạt phẩm chánh vị trong Cửu Phẩm Thần Tiên sẽ sắp xếp trật tự từ Đệ Nhất Phẩm ở bậc thấp nhất từ ngay cạnh Hiệp Thiên Đài tiến dần lên từng bậc cho đến bậc cao nhất là Đệ Cửu Phẩm ngay cạnh Bát Quái Đài.

9*- Bát Quái Đài

Bát Quái Đài là một sảnh có đồ hình Bát Quái phát ra ánh sáng vi diệu ở tám hướng, có tám cột trụ bằng ngọc và vàng ròng. Các trụ này cũng to lớn cao chót vót xuyên qua các tầng mây ngũ sắc, có phù điêu long thần và hoa sen tinh xảo như các cột trụ ở Huỳnh Kim Khuyết dẫn lối vào Ngọc Hư Cung này. Tám cột trụ này hiệp với hai mươi tám cột trụ từ ngoài Huỳnh Kim Khuyết dẫn vào tổng cộng là ba mươi sáu cột, tượng trưng cho sự kết nối của Tam Thập Lục Thiên với cõi Đạo nơi này.

Ở giữa Bát Quái ấy có khối ánh sáng Thái Cực, chính là nơi ngự của Đức Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng hay còn được biết đến với tôn danh là Đại Từ Phụ.

Nơi khối ánh sáng Thái Cực ấy, có hình tượng Thiên Nhân tượng trưng cho minh triết sáng soi giữa thiên không, xung quanh có sáu vị Long Thần làm hộ pháp.

Ánh đạo quang từ Thiên Nhân phát xuất xuyên thấu qua các làn mây ngũ sắc, lan tỏa làn sinh khí âm áp dịu dàng. Năng lượng thuần khiết ấy có mãnh lực vô hình thu hút vạn linh khắp Tam Giới hồi hướng về khối ánh sáng Thái Cực, là cội Đạo, nguồn gốc sản sinh nên vạn loại vạn linh vậy.

Kinh Thuyết Pháp do Đức Hộ Pháp đặt ra, có cầu Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ chính văn lại (Chơn linh của Đức Victor Hugo có tên Việt Nam là Bạch Vân Chơn Nhơn, một danh từ đã có từ lâu trong thời Thái cổ, và cũng có tên là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn) . Kinh Thuyết Pháp dùng để các vị chức sắc thuyết pháp và đồng nhi tụng đọc trong các đàn thuyết giảng giáo lý cho các tín đồ nghe và học hỏi. Trong Kinh Thuyết Pháp Có câu:

*Nguyện các Đấng đương châu **Bạch Ngọc**,
Giúp thông minh lâu thuộc văn từ.*

Các Đấng đương châu Bạch Ngọc: Các Đấng Thiêng Liêng đương châu Đức Chí Tôn nơi **Bạch Ngọc Kinh**.

*Nguyện với các Đấng Thiêng Liêng đương châu Đức Chí Tôn
nơi **Bạch Ngọc Kinh**.*

*Giúp cho con được sáng suốt để học thông suốt văn từ trong
kinh sách.*

IV. Đức Hộ Pháp Xuất Vía Về Bạch Ngọc Kinh

Lúc mở Đạo tại Nam Vang (Tần quốc, Cao Miên) Ngài xuất Chơn Linh về Thiên Đình, qua **Bạch Ngọc Kinh** về Cực Lạc, nhập Niết Bàn thấy Cửu Phẩm Liên Hoa, nên thuật y câu chuyện lại cho ông Thái Thơ Thanh nghe như vậy:

Đương lúc nằm mơ màng Chơn Linh liền xuất ra thấy ngồi

trên cái xe ngựa, day qua thấy cảnh Thất Thập Nhị Địa qua đến Tứ Đại Bộ châu, Đức Chí Tôn đứng trên Toà Kim Khuyết, Đức Lý Giáo Tông cùng đứng lên bàn, kể Chúc sắc Thiên phong, mấy vị đạo tâm đứng châu Ngai. Chùng sắp trận lại Đại Chiến với Quỷ Vương trên Thiên đình.

Hội Thánh Tam Kỳ Phổ Độ thắng trận, chúng Quỷ đều chạy tan vỡ rồi kéo nhau qua Cực Lạc Thế giới, chùng đến cửa Niết Bàn thì thấy ông Thái Thơ Thanh cầm bửu kiếm ngồi trên Kim Mao Hổ trấn thủ Cực Lạc Thế Giới. Lúc ấy Đức Hộ-Pháp hỏi Anh Thái Thơ Thanh rằng:
-Anh về trên này hồi nào vậy?

Ông Thái Thơ Thanh trả lời:

- Tôi phải về trước đặng rước chư Hiền Hữu.

Đức Hộ Pháp ngó ra ngoài thấy các vị Đại Đức thi hành lao nhao lổ nhổ đàn ba lũ bảy, đến yêu cầu Anh Thái Thơ Thanh đặng cho nhập Niết Bàn. Ông Thơ không cho vị nào vào cửa, làm Đức Hộ Pháp động lòng mà hỏi rằng:

- Anh tu hành gì mà bất nhơn vậy ?

Ông Thơ trả lời:

- Ngài không thấy hồi đó chúng ta độ họ không đặng sao ? Nếu người nào không Nhập môn làm Môn đệ Đức Chí Tôn thì không thể gì vào được, VÌ CÁC ĐẠO GIÁO BỊ BẾ, chỉ còn ĐẠI ĐẠO chánh truyền dưới quyền của Di-Lạc Vương tận độ. Mà điều trọng hơn hết là không có lệnh của Ngọc Hư tôi đâu dám cho họ vào; nếu tôi cho họ vào là được, thoảng như họ vào trong bị cây Giáng Ma Xử của Anh thì Anh nghĩ sao?

Không cho vào là cứu linh hồn họ vì có công Tu, nếu cưỡng

lại cho vào thì Chơn linh ấy bị lửa Thái Cực trong chữ VẠN họ sẽ ra tro mạt, mình lại có tội nữa mà chớ ! Tốt hơn hết để họ về ở lại Thanh Tịnh Đại Hải Chúng mà chờ thời gian đến kiếp thai bào họ sẽ TU rồi về sau chẳng muộn, nếu hữu duyên mới gặp Tam kỳ Phổ Độ.

Đức Hộ Pháp ngó vào Cực Lạc Thế Giới thấy chữ VẠN quay cuồng như chong chóng, Pháp Luân Thường Chuyển, hào quang chiếu rọi sáng ngời. Không có lệnh cho vào mà Chơn linh vào gần đó thì bị tiêu ra tro mạt, nên thảm thương thay cho các vị Đại Đức dày công tu luyện mong về cõi Tây phương mà chẳngặng vào Cực Lạc Thế Giới, nên cả bao nhiêu tiếng rên xiết rên rĩ xúm nhau đàn ba lũ bảy: kẻ thì tụng kinh, người thì đánh chuông cầu nguyện, người thì gõ mõ vang dậy; phần con Kim Mao Hửu há miệng nhe răng, le lưỡi ra dài dử tợn, không có vị nào dám đến gần chữ VẠN.

Ấy là đúng theo Thánh Giáo của Đức Chí Tôn đã tiên tri hồi mới khai Đạo năm Bính Dần: “Đạo bị bế lại gần hai ngàn mấy trăm năm, thảm thương cho các con mà thành chẳngặng” !

Nếu không đi vào con đường Tam Kỳ Phổ Độ thì không thể gì đi con đường nào vào Cực Lạc Thế Giới là vậy đó.

Chừng tới giờ Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ kéo cò về tới Cực Lạc, thì Ông Thái Thơ Thanh (tức Từ Hàng Đạo Nhơn ở trên Thiên Cung) ngồi trên lưng Kim Mao Hửu, tay cầm bửu kiếm chỉ ngay chữ VẠN thì cửa Cực Lạc hoá ra to lớn, rộng rãi. Chữ VẠN ngừng, hào quang bót chớp thì Đức Hộ Pháp cõi Pháp xa đi đầu vào trước, kế mấy vị Đạo Tam Kỳ và Đức Lý Giáo Tông tiến vào sau, mỗi vị đều có dấu hiệu cò, cùng sắc phục khác nhau.

Lần lượt liên tiếp có mấy chục Chơn Linh. Đức Lý Giáo Tông dẫn vào “**9 ức Nguyên nhân**”, chùng vào trong kiểm soát lại. Hộ Pháp nghe trong Niết Bàn hô lớn lên rằng: còn thiếu một ức nữa, nên vội vàng muốn trở lại trần gian đăng tiếp độ cho đủ thì có lệnh Đức Chí Tôn phán rằng: không hề chi đâu con ! Cửu Nhị Ức nguyên nhân mới độ về có 9 ức thì lần lượt sau cũng độ hết đăng, chùng ấy Hộ Pháp mới an lòng. Nhưng còn nghe văng vẳng bên tai rằng: phương pháp độ rồi chỉ có khuyên răn các Chơn Linh, dầu Nguyên nhơn hay là Hoá nhơn đoạt được chữ HÒA với chữ NHÃN mới về nơi cửa này được, dầu cho vạn kiếp sanh dày công tu luyện mà còn ganh ghét thì sẽ bị vào tay Chúa Quỉ không trông gì về cùng Thầy được.

Đến đây Đức Hộ Pháp nhận xét tình hình liền biên kỹ cho cả Chức sắc Kim Biên coi và đem về Toà Thánh Việt Nam cho ông Thái Thơ Thanh rõ đầu đuôi tự sự. Đây là đặc biệt Đức Ngài xuất Vía, không phải chiêm bao như thường ai kia vậy. Đức Ngài dạy chép ra nhiều bản lưu truyền đến đời sau trao thân học Đạo.

Sao y nguyên văn trước Năm Đạo thứ hai –Mậu Thìn niên 1927

V. Tòa Thánh Tây Ninh – Bạch Ngọc Kinh Tại Thế

Tòa Thánh Tây Ninh, còn được gọi là Đền Thánh, hay Tổ Đình, là Tòa Thánh Trung Ương của Đạo Cao Đài, hiện nay tọa lạc tại xã Long Thành Bắc, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, cách Thị Xã Tây Ninh khoảng 5 km về hướng Đông Nam, thuộc Miền Nam nước Việt Nam. Đây là một ngôi Đền đồ sộ, nguy nga, đặc sắc, là nơi thờ phượng Đấng Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế, các vị Giáo chủ Tam Giáo và

Ngũ Chi Đại Đạo, cùng các Đấng Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Du khách viếng Tòa Thánh sẽ được đi vào rất nhiều cửa tùy theo hướng đến của mình từ Đông, Tây, Nam, Bắc. Chu vi bao bọc bởi 12 cửa gọi là Nội Ô Tòa Thánh. Đền Thánh tượng trưng Bạch Ngọc Kinh tại thế. Nội Ô Tòa Thánh có tổng diện tích 96 ha (tức là 96 mẫu Tây).



Gọi Đền Thánh Tây Ninh hay Tổ Đình, vì đây là nơi phát xuất của Đạo Cao Đài, là nơi đặt các cơ quan trung ương của Hội Thánh Cao Đài, tức Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, để điều hành toàn bộ các hoạt động truyền giáo và cứu độ nhơn sanh. Đền Thánh được khởi công xây dựng từ năm 1931 (Tân Mùi), hoàn thành vào năm 1947 (Đinh Hợi) và được Khánh thành vào dịp Đại Lễ Đức Chí Tôn ngày mừng 9 tháng Giêng năm Ất Mùi (dl: 01-02-1955). Đền Thánh được cất theo kiểu võ của Thiên Đình, quay mặt về hướng Tây, có kích thước theo dự tính ban đầu của Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch, có:

- Bề dài: 135 mét.
- Bề ngang: 27 mét.
- Bề cao tại Lầu chuông và Lầu trống: 36 mét.
- Cửa Trùng Đài dài 81m, có tháp tròn ở giữa gọi là Nghinh Phong Đài cao 25m
- Bát Quái Đài dài 27m, tháp cao 30m
- Bề cao tại Bát Quái Đài: 30 mét.

Vì tín đồ còn nghèo và Hội Thánh gặp khó khăn về tiền bạc, nên khi thi công đã thu bớt lại kích thước trên. Số đo thực tế chỉ còn có:

- Bề dài: 97.5 mét.
- Bề ngang: 22 mét.
- Bề cao tại Lầu chuông và Lầu trống: 27 mét.
- Hiệp Thiên Đài dài 13.5m
- Cửa Trùng Đài dài 63m
- Bề cao tại Bát Quái Đài: 21 mét.

Bát Nương đã dạy **“Hình Thể Đức Chí Tôn là Đền Thánh”** đó vậy. Bát Nương lại dạy tiếp:

Ngày nay, chính Đức Chí Tôn giáng trần lập đạo. Ông Thầy của chúng ta là ông thầy Trời, với thời gian Thất Ưc Niên, với mục đích **cứu rỗi 92 ức nguyên nhân qui hồi cựu vị**. Thất Ưc Niên so với không gian, thời gian và so với tuổi thọ của địa cầu này thì không có bao nhiêu.

Đức Chí Tôn lập Đạo lần này không phân tánh giáng trần như những lần trước, mà giáng trần bằng thiêng liêng cơ bút, giáng trần không có hình thể, không có tiếng nói mà có lời nói. Hình thể chúng ta là thể xác, trí não và linh hồn, tức là tinh, khí, thần hiệp lại. Hình thể Đức Chí Tôn là Đền

Thánh đó vậy. Đền Thánh có: Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Bát Quái Đài.

- Cửu Trùng Đài tượng trưng cho thể xác.
- Hiệp Thiên Đài tượng trưng cho trí não hay chơn thần.
- Bát Quái Đài tượng trưng cho linh hồn (là Hồn là Đạo).

Đền Thánh là hình thể Đức Chí Tôn tại thể đó vậy. Hình thể này không có quyền lực nào hủy diệt được. Hình thể này sẽ sống với chúng ta cho đến Thất Úc Niên. Đức Chí Tôn không có tiếng nói mà ở đâu cũng có lời nói. Những lời nói này sẽ còn nói mãi với chúng ta.

Như ghi bên trên, Đền Thánh gồm có 3 Đài:

Bát Quái Đài tượng trưng linh hồn.

Cửu Trùng Đài tượng trưng cho thể xác (hình thể).

Hiệp Thiên Đài tượng trưng chơn thần hay trí não.

Còn Trời, Đất, Người và Đạo thì có:

Trời thì có Nhật, Nguyệt, Tinh.

Đất thì có Thủy, Hoả, Phong.

Người thì có Tinh Khí Thần.

Đạo thì có Tam Giáo: Phật, Thánh, Tiên.

Ba Đài hiệp một thành hình thể mới có sự khôn ngoan và sáng suốt được. Con người nếu thiếu linh hồn thì phải chết, thiếu chơn thần phải điên, thiếu hình thể thì không thành người, như vậy vật bất ly tâm.

Hôm nay Tòa Thánh được xây cất là thay thế hình thể Đức

Chí Tôn tại thế cho chúng sanh đến mà nhìn Thầy, tức là Đức Chí Tôn đến để cứu vớt chúng sanh trong thời kỳ thứ ba (Tam Kỳ Phổ Độ), theo lời tiên tri của Đức Chúa Giê Su Christ đã nói:

“Trong hai ngàn năm thì có chúa xuống thế nhưng Ngài đến như kẻ trộm đi đêm, Ngài sẽ huyền diệu hơn ta, nhiều người kính mến hơn ta và không chịu đổ máu như ta, khi Ngài đến có nhiều tiếng còi kêu la inh ỏi trên thính không. Ấy là cơ bút ngày nay đó vậy.”

Sau khi Đức Quyền Giáo Tông đã đăng tiên, Đức Hộ Pháp được giao nắm quyền Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài, cả hai Hội Thánh Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài và lập kế hoạch xây cất thành công Tòa Thánh.

Tín đồ Cao Đài rất là hãnh diện có được Ngôi Tòa Thánh (Đền Thánh) đồ sộ, nguy nga tráng lệ do Thiên Ý hợp cùng nhân lực tạo nên tiêu biểu cho nền Đại Đạo với Tôn Chỉ Quy Nguyên Tam Giáo Hiệp Nhất Ngũ Chi, một **Bạch Ngọc Kinh** tại thế như lời Bát Nương đã dạy **“Hình Thế Đức Chí Tôn là Đền Thánh”** đó vậy.

VI. Tứ Đại Bộ Châu Đến Bạch Ngọc Kinh

Tứ: Bốn, thứ tư. **Đại:** lớn. **Bộ Châu:** vùng đất lớn có người ở mà bốn bên đều là biển.

Tứ Đại Bộ Châu là bốn Bộ Châu lớn nơi cõi Thiêng Liêng.

Chúng ta đọc hai đoạn Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn và hai câu Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế sau đây để chúng ta nhận xét về Tứ Đại Bộ Châu:

“Thầy kể Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải tinh tú, còn lại Thất Thập Nhị Địa và Tam Thiên Thế Giới thì đều là tinh tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao.”(TNHT)

“Đứng bậc đế vương nơi trái Địa cầu này chưa đăng vào bậc chót của Địa Cầu 67. Trong Địa Cầu 67, hơn loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy. *Cái quý trọng của mỗi Địa Cầu càng tăng thêm hoài, cho tới Độ Nhứt Cầu, Tam Thiên Thế Giới, qua khỏi Tam Thiên Thế Giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu, qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào đẳng Tam Thập Lục Thiên, vào Tam Thập Lục Thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa mới đăng lên đến **Bạch Ngọc Kinh**.*”

Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế (KNHTĐ):

“Thượng Chương Tam Thập Lục Thiên, Tam Thiên Thế Giới.

Hạ Ốc Thất Thập Nhị Địa, Tứ Đại Bộ Châu.”

Như thế:

- Theo hai đoạn Thánh Ngôn nêu trên thì có một Tứ Đại Bộ Châu ở thật cao, nằm dưới Tam Thập Lục Thiên, nhưng trên Tam Thiên Thế Giới.

- Theo hai câu Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế thì có thêm một Tứ Đại Bộ Châu nữa ở bên dưới, nằm kế Thất Thập Nhị Địa.

Do đó, Càn Khôn Vũ Trụ (CKVT) của Đức Chí Tôn có hai phần:

- Phần trên là: Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu

(Thượng) và Tam Thiên Thế Giới.

- Phần dưới là: Thất Thập Nhị Địa và Tứ Đại Bộ Châu (Hạ).

“Tam Thiên Thế Giới ở tầng trên bao phủ mà Thất Thập Nhị Địa ví như bàn cờ ở dưới. Tam Thiên Thế Giới là ngôi vị, còn Thất Thập Nhị Địa là trường thi công quả.” (Đức Cao Thượng Phẩm giảng dạy)

Vậy, chúng ta có thể phân ra rằng:

- Tam Thiên Thế Giới ở bên trên có Tứ Đại Bộ Châu, tạm gọi là *Tứ Đại Bộ Châu Thượng*, để điều hành Tam Thiên Thế Giới.

- Thất Thập Nhị Địa thì ở bên dưới Tứ Đại Bộ Châu, tạm gọi là *Tứ Đại Bộ Châu Hạ*, để điều hành Thất Thập Nhị Địa.

1. Tứ Đại Bộ Châu Hạ:

Tứ Đại Bộ Châu Hạ có nhiệm vụ cai quản Thất Thập Nhị Địa, chia Thất Thập Nhị Địa làm 4 khu vực theo 4 hướng Đông Tây Nam Bắc. Tứ Đại Bộ Châu Hạ gồm có:

- *- Đông Thắng Thần châu
- *- Tây Ngưu Hóa Châu
- *- Nam Thiệm Bộ Châu
- *- Bắc Câu Lư Châu

Thất Thập Nhị Địa (72 Địa cầu) đều có chúng sanh ở, được phân ra theo 4 hướng của Tứ Đại Bộ Châu Hạ, mà Địa cầu số 68 của nhơn loại chúng ta thuộc về Nam Thiệm Bộ Châu. Cho nên, bài kinh “Bài Xưng Tụng Công Đức Phật Tiên Thánh Thần” (XTCĐPTTT) có câu:

*Lòng sở vọng lâm thâm tụng niệm,
Xin giải nạn Nam Thiệm Bộ Châu.*

Theo giáo lý của *Phật giáo*, cõi thế phân ra làm Tứ Đại Bộ Châu, cũng viết là Tứ Châu (4 Châu), ở theo 4 hướng chung quanh núi Tu Di, gồm:

1- Đông Thắng Thần Châu: ở phía Đông núi Tu Di, gọi là Thần Châu là vì dân chúng ở đây là bực Thần, sống đến 600 tuổi. Châu này cũng được gọi là *Đông Thắng Thân Châu*, vì người ở châu này có Thắng thân, tức là có thân hình tốt đẹp hơn hẳn người ở các châu khác.

2- Tây Ngưu Hóa Châu: ở phía Tây núi Tu Di, gọi là Ngưu Hóa là vì ở châu này, người ta nuôi bò rất nhiều nên dùng bò thể cho tiền bạc để làm đơn vị đổi chác hàng hóa. Người nơi châu này sống đến 500 tuổi.

3- Nam Thiệm Bộ Châu: ở phía Nam núi Tu Di, gọi là Thiệm Bộ là vì ở trung tâm của châu này có cây Thiệm Bộ, cũng gọi là cây Diêm Phù mọc rất nhiều, nên châu này cũng được gọi là *Nam Diêm Phù Đề* (Đề là Châu).

4- Bắc Câu Lư Châu: ở phía Bắc núi Tu Di. Châu này được gọi bằng nhiều tên khác nữa là: *Bắc Cu Lư Châu*, *Bắc Câu La Châu*, *Bắc Cồ Lư Châu*. Người ở châu này bình đẳng an vui, sống lâu đến 1000 tuổi.

Trong truyện Tây Du Ký, kể là Tề Thiên Đại Thánh thì ở Đông Thắng Thần Châu.

Về tánh chất của người trong Tứ Đại Bộ Châu, Đức Phật Thích Ca có nói rằng:

«Ta xem trong Tứ Đại Bộ Châu, chúng sanh thiện ác có khác nhau:

- Người ở Đông Thắng Thần Châu tôn Trời kinh Đất,

tâm khí thanh sáng.

- Người ở Bắc Câu Lư Châu có tánh thích sát sanh, ăn nói hồ đồ, tình sơ tánh vụng, chẳng được việc gì.

- Người ở Tây Ngưu Hóa Châu thì không tham không giết, dưỡng khí nuôi thần, tuy chưa được vào bậc thượng nhân, nhưng mọi người đều hưởng thọ.

- Người ở Nam Thiệm Bộ Châu thì tham dâm, hay giết hay tranh, chính là nơi đánh nhau cãi cọ, ác độc thị phi. Nay Ta có Ba Tạng Chân Kinh có thể khuyên họ làm việc thiện.»

Theo giáo lý của Đạo Cao Đài, Tứ Đại Bộ Châu được Đức Hộ Pháp giải thích như sau:

“Chúng ta biết, Pháp thuộc về hình thể của Vạn Linh, vì có cho nên Đạo giáo minh tả rõ rệt: Tam Châu Bát Bộ thuộc về quyền của Hộ Pháp (Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn).

Tam Châu là: - Đông Thắng Thần Châu, - Tây Ngưu Hóa Châu, - Nam Thiệm Bộ Châu, đều thuộc về quyền hạn của Hộ Pháp (vì vậy Đức Hộ Pháp được gọi là **Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn**); còn **Bắc Cu Lư Châu** để cho các phẩm chơn hồn quỉ vị định phận tại nơi đó, định nơi cư trú tại đó. Nó có một quyền năng vô định chẳng cần chỉ giáo, để đặc biệt một Châu cho quỉ vị ăn năn tu học đặng đoạt vị; ba Bộ Châu kia thuộc quyền Hộ Pháp giáo hóa, duy có Bắc Châu Ngải không thường ngó tới lắm, để cho nó tự do làm gì thì làm, khôn nhờ đại chịu.”

Tóm lại, Tứ Đại Bộ Châu Hạ ở cõi Thiêng Liêng, bên trên Thất Thập Nhị Địa, là cơ quan điều hành 72 quả Địa Cầu. Thất Thập Nhị Địa chia ra ở trong Tứ Đại Bộ Châu Hạ, và

Địa cầu 68 của nhơn loại thuộc về Nam Thiệm Bộ Châu.

Ba Châu: Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu và Nam Thiệm Bộ Châu thuộc quyền giáo hóa của Đức Hộ Pháp (Tam Châu Bát Bộ Hộ Pháp Thiên Tôn); còn *Bắc Cầu Lư Châu* dành cho quỉ vị ở.

2. Tứ Đại Bộ Châu Thượng:

Theo hai đoạn Thánh Ngôn trích dẫn bên trên, Tứ Đại Bộ Châu Thượng nằm bên trên Tam Thiên Thế Giới (3000 thế giới) nhưng dưới Tam Thập Lục Thiên (36 tầng trời).

Chúng ta đọc tiếp đoạn Thánh Ngôn sau đây của Đức Chí Tôn nói về Ngài Chưởng Pháp Thượng Tương Thanh (Nguyễn Văn Tương), giáng cơ ngày 7-11-Bính Dần (dl Thứ bảy 11-12-1926), có đăng trong Đạo Sử II trang 86 của Nữ Đầu Sư Hương Hiếu

*“Trung, Lịch! Hai con phải dụng đại lễ mà an táng Tương nghe! Thầy ngất một lễ chẳng thể nào đem Tương vào Tam Thập Lục Thiên, phải để nó đợi nơi **Đông Đại Bộ Châu** mà chờ Tòa Tam Giáo phát đạt.»*

(Trung, Lịch là hai Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt và Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt. Ngài Thượng Trung Nhựt sau đắc phong là Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt).

Theo đoạn Thánh Ngôn này, chúng ta suy ra được rằng: **Tứ Đại Bộ Châu Thượng** gồm 4 Châu được gọi tên là:

- Đông Đại Bộ Châu
- Tây Đại Bộ Châu
- Nam Đại Bộ Châu
- Bắc Đại Bộ Châu

Tứ Đại Bộ Châu Thượng và Hạ đều thuộc về Thiêng Liêng (Vô Vi), còn Tam Thiên Thế Giới và Thất Thập Nhị Địa đều là tinh tú, thuộc về Hữu Hình, nên Đức Chí Tôn mới bảo tượng trưng bằng 3072 ngôi sao trên quả Càn Khôn.

BẠCH NGỌC KINH Tam Thập Lục Thiên (36 tầng trời) ↑ Tứ Đại Bộ Châu Thượng ↑ Tam Thiên Thế Giới (3000 thế giới) ↑ Tứ Đại Bộ Châu Hạ ↑ Thất Thập Nhị Địa (72 Địa cầu)	Tứ Đại Bộ Châu Thượng gồm: • Đông Đại Bộ Châu • Nam Đại Bộ Châu • Tây Đại Bộ Châu • Bắc Đại Bộ Châu. Tứ Đại Bộ Châu Hạ gồm: • Đông Thắng Thần Châu • Nam Thiệm Bộ Châu • Tây Ngưu Hóa Châu • Bắc Câu Lư Châu.
--	---

3. Tóm Tắt Về Tứ Đại Bộ Châu Trong Càn Khôn Vũ Trụ:

Càn Khôn Vũ Trụ (CKVT) của Đức Chí Tôn phân ra làm hai phần: Trên và Dưới.

Trên thì có Bạch Ngọc Kinh, Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu Thượng và Tam Thiên Thế Giới.

Dưới thì có Tứ Đại Bộ Châu Hạ và Thất Thập Nhị Địa (Xem chi tiết nơi chữ: Vũ Trụ Quan)

Thay lời kết

Bạch Ngọc Kinh là tòa nhà to lớn làm bằng ngọc trắng ở tại Trung Tâm của Càn Khôn Vũ Trụ (CKVT), là nơi thường ngự của Đức Chí Tôn hay Ngọc Hoàng Thượng Đế (Thầy).

*Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng cần hạ giới vọng cao ngời.*

Trong Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống, Đức Hộ Pháp mô tả **Bạch Ngọc Kinh** như sau: “Lại gần tới còn thấy một vật khác thường quái lạ, nhưng nó là một tòa Thiên Các đẹp dễ lắm, màu sắc thay đổi sáng rõ, mà cả Thoại khí bao quanh làm như thể vận chuyển hình trạng của nó vậy. Lâu đài chón chở mà nó là con vật sống chớ không như gạch đá chúng ta làm đây, nó vận hành như con vật sống vậy, thay đổi màu sắc vô cùng vô biên. Bí pháp ấy không thể gì tả được, ngó thấy đặc sắc lắm.

Bạch Ngọc Kinh là quần thể kiến trúc thanh tịnh với các tòa công trình tiêu biểu như:

1. Huỳnh Kim Khuyết
2. Ngọc Hư Cung
3. Lôi Âm Cổ Đài
4. Bạch Ngọc Chung Đài
5. Nghênh Phong Đài
6. Linh Tiêu Điện

7. Hiệp Thiên Đài
8. Cửu Trùng Đài
9. Bát Quái Đài

Bát Nương đã dạy “Hình Thể Đức Chí Tôn là Đền Thánh” đó vậy. Bát Nương lại dạy tiếp: Đền Thánh là hình thể Đức Chí Tôn tại thể đó vậy. Hình thể này không có quyền lực nào hủy diệt được. Hình thể này sẽ sống với chúng ta cho đến Thất Úc Niên.

Càn Khôn Vũ Trụ của Đức Chí Tôn phân ra làm hai phần: Trên và Dưới. Trên thì có Bạch Ngọc Kinh, Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu Thượng và Tam Thiên Thế Giới; Dưới thì có Tứ Đại Bộ Châu Hạ và Thất Thập Nhị Địa.

Ngoài Bạch Ngọc Kinh Đức Chí Tôn còn ngự tại Linh Tiêu Điện ở Ngọc Hư Cung thuộc tầng trời Hư Vô Thiên mỗi khi có Đại Hội Quần Tiên, nơi đó Đức Chí Tôn ngự trên cái đài cao để chủ tọa Đại Hội Ngự Triều.

Linh Tiêu nhứt tháp thị Cao Đài
Đại Hội Quần Tiên thử ngọc giai
Vạn trượng hào quang từng thử xuất
Cổ danh bửu cảnh lạc Thiên Thai.

Thầy các con, Thầy mừng các con.

Thi:

HUYỀN huyền diệu diệu chí linh linh,
KHUNG sắc hòa quang hiện Ngọc Kinh,
CAO ngự chương tòa thần mặc mặc,
THƯỢNG triều bửu điện khí khinh khinh,
ĐẾ cung Thánh Phật giai cung hỉ,
Kim Khuyết Thần Tiên cụ tiếp nghinh,

Viết Thích, Viết Nho, Viết Đại-Đạo,
CAO ĐÀI dưỡng dục hóa quần sinh.

Huyền Khung Cao Thượng Đế (là Ngọc Hoàng Thượng Đế,
Đức Chí Tôn) Kim Viết Cao Đài Giáo Đạo Nam Phương.

Để thay lời kết, xin ghi lại đây lời dạy của Đức Chí Tôn về
“Sự Hằng Sống”:

“Sự chết, thường thế gian gọi chết là hết. Là dốt, không biết
Đạo, nên tưởng lầm. Khắp trong Nhơn loại trên mặt địa cầu
này phần đông vì thờ tà quái mà tà quái vốn chứa sự chết thì
tức nhiên chúng nó ở trong vòng sự chết phải tiêu diệt; thì
bao giờ biết đặng sự hằng sống là gì ... cười ... Nếu Thầy
không đến kịp thì các con vẫn bị trong vòng sự chết.

Tà mị cũng như hạt lúa bị hãm mà thúi, thì thế nào mọc đặng
mà sanh hoa trở trái.

Còn bậc chơn tu tử như một hạt giống tốt hễ gieo xuống thì
cây lên, cây lên thì trở bông, trở bông rồi sanh trái, mà biến
biến sanh sanh càng tăng số.

Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng
liêng các con sanh hóa chơn thân; chơn thân lại biến hằng
muôn thêm số tăng lên hoài. Ấy là Đạo. Bởi vậy một chơn
thần Thầy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh,
chư Thần và toàn cả Nhơn loại trong Càn Khôn Thế Giới;
nên chi CÁC CON LÀ THẦY, THẦY LÀ CÁC CON.

Như kẻ bên Phật giáo hay tả Nhiên Đăng là Chương giáo;
Nhiên Đăng vốn sanh ra đời Hiên Viên Huỳnh Đế.

Người gọi Quan Âm là Nữ Phật Tông, mà Quan Âm vốn
là Từ Hàng Đạo Nhơn biến thân, Từ Hàng lại sanh ra lúc

Phong Thần đời nhà Thương.

Người gọi Thích Ca Mâu Ni là Phật Tổ, Thích Ca vốn sanh ra đời nhà Châu.

Người gọi Lão Tử là Tiên Tổ giáo, thì Lão Tử cũng sanh ra đời nhà Châu.

Người gọi Jésus là Thánh Đạo Chương giáo, thì Jésus lại sanh ra nhằm đời nhà Hớn.

Thầy hỏi vậy chứ ai sanh ra các Đấng ấy? Khí hư vô sanh có một mình Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là Đạo các con nên biết.

Nếu không Thầy, thì không có chi trong Càn Khôn Thế Giới này; mà nếu không có hư vô chi khí thì không có Thầy.”

Đọc bài dạy này chơn lý đã hiện ra, chỉ có cảm sẽ hiểu chắc không phải giải thêm điều gì nữa về sự hằng sống và cái chết ở đời này!

Đọc Thánh ngôn mỗi trang là mỗi sự thật hiện ra. Thầy dùng quốc âm dạy Đạo nên rất dễ hiểu. Để kết thúc bài viết mừng “Bạch Ngọc Kinh Nơi Đức Chí Tôn Ngự” này, xin trích bài thơ Đức Chí Tôn (Thầy) dạy năm 1926:

“Mỗi Đạo từ đây ráng vẹn gìn,
Tu là khổ hạnh khá đĩnh ninh.
Lòng thành một tấm Trời soi thấu,
Gương sáng nghìn thu nguyệt chiếu minh.
Gai góc lần đường công trước gắng,
Thanh thời có lúc buổi sau dành.
Vòng trần chìm nổi từ đây dứt,

Công quả tua bền độ chúng sanh.”

VII. Tài Liệu Tham Khảo

1. Đức Hộ Pháp thuyết về “Con đường Thiêng Liêng Hằng Sống” nói về Bạch Ngọc Kinh.
2. Tìm hiểu Đạo Cao Đài qua Kiến Trúc Tòa Thánh Tây Ninh, Tùng Thiên Từ Bạch Hạc, (2005)
3. “Cứu Rỗi 92 Ưc Nguyên Nhân”, chi tiết và giải thích xin đọc bài viết của QSTS Nguyễn Thanh Bình (sắp phát hành).
4. Bạch Ngọc Kinh, Liên Thanh Sư Tầm.
5. Hình Thể Đức Chí Tôn Tại Thế, Bát Nương Điều Trì Cung.
6. Tiểu Sử Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, QS TS Nguyễn Thanh Bình, Sư Tầm (2018).
7. Đức Hộ Pháp Xuất Vía Về Bạch Ngọc Kinh, Năm Đạo Thứ Hai –Mậu Thìn niên 1927.
8. Tìm Hiểu Về Vũ Trụ Quan Cao Đài (2005)
9. Quan Niệm Về Vũ Trụ, HT Trần Văn Rạng
10. Thánh Ngôn sau đây của Đức Chí Tôn, giảng cơ ngày 7-11-Bính Dần (dl Thứ bảy 11-12-1926), có đăng trong Đạo Sử II trang 86 của Nữ Đầu Sư Hương Hiếu.
11. a. “Quả Càn Khôn”, Cao Đài Tự Điển, Nguyễn Văn Hồng; b. Quả Càn Khôn và Thiên Nhân.

Midland, Michigan ngày 15, tháng 7, năm 2018

QSTS Nguyễn Thanh Bình (Sư Tầm)

Khảo Cứu Vụ, Cao Đài Hải Ngoại

Tòa Thánh Tây Ninh



MỤC LỤC

Nét độc đáo của Giáo Lý Cao Đài

1*- Quyền năng siêu việt	107
Quyền năng siêu việt đó có bản chất như thế nào.	109
2- Tam giáo quy nguyên là gì?	110
*- Mục đích tối thượng giải rõ thêm	111
*- Tu nhập thể	111
*- Tu xuất thể	112
3- Ngũ chi phục nhứt là gì?	113
4- Giá trị độc đáo của Đạo Cao Đài.	118
*- Tên đạo	120
*- Thấy Đạo - Hành Đạo - Đạt Đạo	121

Nét độc đáo của giáo lý Cao Đài

(Tiến sĩ Mai Thanh Truyết & Tiến sĩ Nguyễn hữu Nghiệp)



Hai câu rất quan trọng trong Đạo Cao Đài --“Tam Giáo Qui Nguyên” và “Ngũ Chi Phục Nhứt”, có nghĩa là gì?

Ta phải bắt đầu bằng một căn bản.

1- Quyền năng siêu việt

Những bậc giác ngộ từ ngàn năm qua đã xác nhận sự hiện hữu của một quyền năng siêu việt.

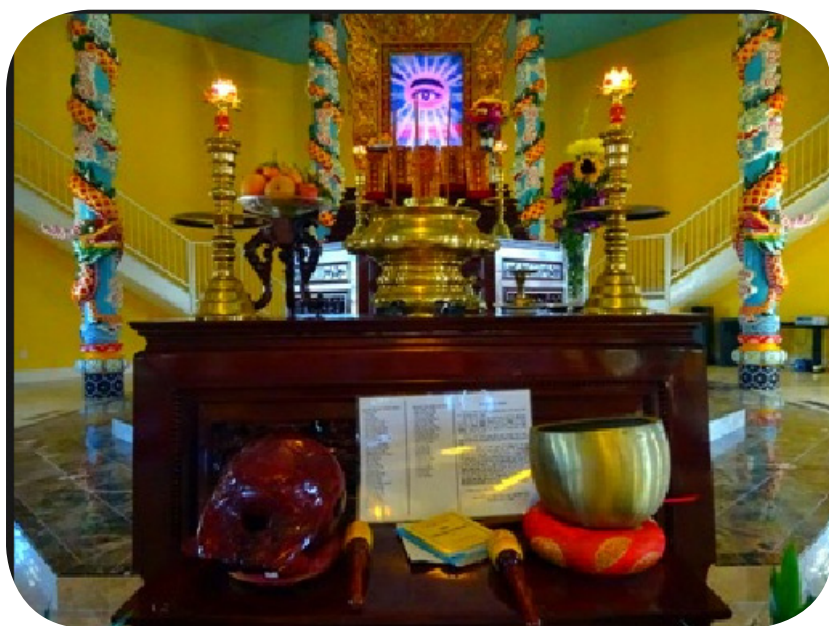
Quyền năng này tạo ra mọi vật, mọi loài, và mọi việc chung quanh ta như núi sông, cây cỏ, thú vật, con người, và các hiện tượng xảy ra.

Có những thứ ta không thấy, không nghe, không sờ, không ngửi, và không nếm được nhưng ta “cảm biết” nó hiện hữu. Thí dụ điện là thứ chúng ta không thấy được, không sờ được nhưng chúng ta biết là đang có điện khi bật công tắc thì đèn sáng lên. Tương tự chúng ta có thể “nhận biết” được sự hiện hữu của quyền năng siêu việt này bằng cách quan sát kết quả sự vận hành của nó. Có những hiện tượng trong quá khứ đã từng xảy ra trong lịch sử Phật giáo cũng như Thiên Chúa

giáo mà khoa học không thể giải thích được gọi là “phép lạ” (miracle). Chúng ta đã từng chứng kiến trong đời là có những chứng bệnh ngặt nghèo như ung thư, và khoa học đã bó tay, nhưng bệnh nhân với niềm tin tôn giáo vững mạnh, cầu nguyện, v.v...và cơn bệnh lần lần biến mất.

Phải giải thích như thế nào đây?

Chỉ còn mang từ “phép lạ” của một quyền năng vô hình nào đó ra giải thích mà thôi!



Thử quan sát cuộc đời của một cây hoa hồng. Bụi hồng khởi đầu chẳng có hoa nào, rồi một nụ hoa xuất hiện, từng ngày nụ lớn lên thành một hoa hồng tươi đẹp, rồi tàn đi và rụng xuống. Xác hoa rữa ra tan vào đất và trở về chỗ không có gì. Ngoài việc vun phân tưới nước, người trồng hoa không hề tham dự vào quá trình sinh diệt của hoa. Ở đây có một quyền năng siêu việt đang vận hành.

Có – Không – Có – Không – Có... Phải chăng đây chính là cung cách vận hành của một quyền năng siêu việt?

***- Quyền năng siêu việt đó có bản chất như thế nào?**

Thật là khó trả lời vì “quyền năng” này vượt ngoài khả năng hiểu biết có giới hạn của con người.

Việc đó giống như trường hợp một con kiến đang bò trên một bờ mé của tờ giấy là không gian hai chiều. Nếu ta gấp tờ giấy lại, con kiến chợt nhận ra nó đang ở mé đối diện một cách bất ngờ và không hiểu tại sao, cũng không có con kiến nào cắt nghĩa cho nó hiểu được. Nhưng chúng ta hiểu được vì chúng ta ở trong thế giới ba chiều: chiều ngang, chiều dọc, và chiều cao.

Từ thế giới hai chiều bước qua thế giới ba chiều, sự hiểu biết và ứng dụng tiến triển rất nhiều: hãy xét sự khác biệt giữa phim hoạt họa hai chiều và phim hoạt họa ba chiều!

Bây giờ ta thử trải nghiệm thế giới bốn chiều: chiều ngang, chiều dọc, chiều cao, và chiều thời gian. Ngay chỗ chúng ta đang ngồi đây nếu thêm chiều thời gian thì 10 năm trước đây và 10 năm sau này là hai chỗ hoàn toàn khác biệt với hiện tại. Nhìn rộng ra tạo hóa có đầy đủ thế giới 5, 6, hay nhiều chiều nữa!

Ở trong thế giới nhiều chiều có những sự việc xảy ra chúng ta cho là huyền bí. Nhưng đối với những “nhân vật” sống trong thế giới nhiều chiều đó - hiểu rõ được sự mầu nhiệm của sức mạnh siêu việt - các việc trên sẽ không còn huyền bí nữa.

Sức mạnh siêu việt đó không là một vật thể có hình sắc

nhưng nó rất đầy đủ và trọn vẹn.

“Đầy đủ” nghĩa là nó có mọi thứ năng lực: truy tầm, tổ chức, soi chiếu, sáng tạo, v.v.,

“Trọn vẹn” có nghĩa là có lực cao tuyệt đối, không có giới hạn.

Giờ chúng ta hãy nhìn sâu vào chủ trương của Cao Đài.

2- Tam giáo quy nguyên là gì?



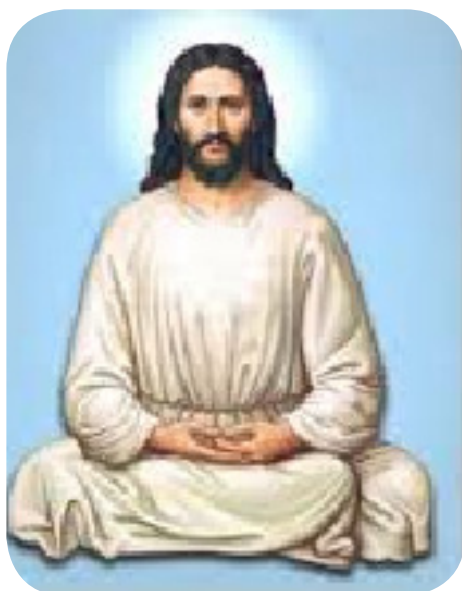
Là Khổng Giáo, Lão Giáo, và Phật Giáo cùng chung một điểm chính: mọi loài, mọi vật, và mọi người trên thế gian này đều có liên hệ với nhau vì cùng phát sinh từ một nguồn Năng Lực đã sáng tạo ra tất cả. Có thể nói tất cả là MỘT.

Chủ trương của Phật Giáo: Kinh Pháp Hoa có câu: “Tất cả là Một, Một là Tất cả, tinh thần và vật chất là Một, sắc và tâm là Một”.

Lão Giáo gọi nguồn Năng Lực Siêu Việt đó là Đạo và chủ trương Đạo nằm trong mỗi cá thể của muôn loài. Đạo là nguồn sống bất tận.

Khổng Giáo cũng chủ trương “tất cả là Một” vì trong sách

Đại Học có câu, “Đại học chi đạo, tại minh minh đức (Cái học lớn lao là phải làm sáng cái Đức Sáng)”. Cái Đức Sáng ở đây là bản chất mẫu nhiệm mọi người đều thừa hưởng từ “nguồn năng lực Siêu Việt”. Điều này cũng hàm ý “tất cả là Một, Một là tất cả.”



Do đó Phật Giáo, Lão Giáo, cũng như Khổng Giáo có chung một chủ trương. Điểm chung này cũng tìm thấy ở hầu hết các tôn giáo khác như Thiên Chúa Giáo, Hồi Giáo, Ấn Độ giáo, Do Thái Giáo, v.v...

Chủ trương chung này là điểm chính yếu cần và đủ để mọi người theo đuổi mục đích tối thượng của cuộc sống. Mà mục đích

tối thượng của cuộc sống lại chính là Chân – Thiện – Mỹ.

***- Mục đích tối thượng giải rõ thêm**

Con đường đi đến mục đích tối thượng được gói ghém trọn vẹn vào hai chữ “Tu Hành”. Và mọi nỗ lực tu hành gồm có hai phần:

1. Phần thứ nhất của mục đích là **tu nhập thế**: thực sự an vui và sống hữu dụng cho xã hội trong tình thương đại chúng. Mục đích này biện minh lý do sinh tồn của mỗi tha nhân.

2. Phần thứ hai của mục đích là **tu xuất thể**. Phần này giúp ta trải nghiệm được niềm vui thực sự, sự bình an chân thực, “cái ta” thực sự, và sự sống vĩnh cửu.

Thế nào là niềm vui chân thực? Sống ở thế gian có vui có khổ nhưng càng “nhập thế” thì cái khổ càng sâu đậm trong khi cái vui thực ra chỉ tạm bợ và có điều kiện. Thí dụ ta vui vì mới thi đậu, vui vì mới được tăng lương, vui vì mới được tình yêu của người mình mơ ước, v.v... Cái vui xuất thể là cái vui chân thật, vô điều kiện như vui ngắm một bông đại mộc bên lề đường, vui khi thấy đứa trẻ hồn nhiên chạy nhảy, vui khi thấy người khác hạnh phúc.

Thế nào là sự bình an chân thực? Trong cuộc sống, chúng ta luôn tự tranh đấu để có sự bình an thể chất lẫn tinh thần nhưng luôn cảm thấy nó xa vời. Dù ta tìm cảm giác bình an ở việc hội họp, vui chơi, hay đi du lịch xa, bình an thực sự vẫn không có được. Nhưng khi hoàn toàn xuất thể thì sự bình an thực sự tự nhiên sẽ có. Dù ở bất cứ chỗ nào, bất cứ lúc nào, dù hoàn cảnh xung quanh có ồn ào hay vắng lặng, người đó vẫn an nhiên tự tại.

Thế nào là “cái ta” chân thật? Bản tính con người là quý mến, tôn trọng cái gì liên hệ “cái ta”. Ai nói chạm tới tự ái của ta thì ta quyết chống trả đến cùng. Nhưng truy tới cùng, cái ta đó không có thực: nó không ở xác thân vì xác thân chỉ là sự kết hợp của các yếu tố vật chất và sẽ hủy hoại theo thời gian. Nó cũng không ở cảm xúc (sướng, khổ) vì cảm xúc cũng là thứ tạm bợ đến rồi đi, không là một thực thể có thể gọi là “ta”. Nó không ở suy tưởng vì suy tưởng chợt đến rồi đi. Nó cũng không phải ở hành động hay ý thức của ta vì hành động hay ý thức cũng không tồn tại như một thực thể.

Vậy cái ta mà đa số theo đuổi tôn quý là một ảo ảnh. Chúng ta chỉ uống phí năng lực để bảo vệ, tôn quý một cái không có thực thể. Chỉ khi hoàn toàn xuất thế, sống với bản thể chân thật, ta mới có được “cái ta” chân thật.

Và thế nào là cuộc sống chân thật và đời đời? Cuộc sống nhập thế của mỗi người đều theo qui luật: sinh ra, lớn lên, già nua, và hủy diệt. Cuộc sống đó không thật. Nó ngắn ngủi và giả tạm.

Chỉ khi nào ta nhận ra và tuyệt đối tin tưởng là ta có cùng bản chất với quyền năng siêu việt thì ta mới có được cuộc sống chân thật và vĩnh viễn tồn tại. Vì sao? Vì lúc đó bản chất của cuộc sống xuất thế của ta - cùng một bản chất với quyền năng siêu việt - là chân thật và vĩnh viễn tồn tại!

3. Ngũ Chi Phục Nhứt là gì?

Là năm lối tu từ thấp lên cao nhưng nhắm vào một mục đích. Năm lối đó là Nhân Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, và Phật Đạo.

Nhân Đạo và Thần Đạo là lối tu nhập thế.

Thánh Đạo là nhịp cầu giữa tu nhập thế và tu xuất thế.

Tiên Đạo và Phật Đạo là lối tu xuất thế.

Con người vừa sống ở thế gian vừa có nguồn gốc từ Nguồn Năng Lực Siêu Việt nên cần vừa tu nhập thế và vừa tu xuất thế. Nói rõ hơn:

- Nhân Đạo là cách tu để xứng đáng làm người.
- Thần Đạo là cách tu sao cho cuộc sống của mình có ích lợi cho mọi người xung quanh, cho xã hội nhưng không bắt buộc phải quên mình.

- Thánh Đạo là sống trong xã hội mà quên mình đi, dốc toàn lực phục vụ lợi lạc cho càng nhiều người càng tốt.
- Tiên Đạo là lối sống thoát tục, không có chút gì ràng buộc bởi cuộc sống vật chất, tình cảm, v.v. của thế gian.
- Phật Đạo là lối tu để hòa nhập tiêu bản thể của mình với đại bản thể tức Nguồn Năng Lực Siêu Việt của vũ trụ.

Giáo lý của Khổng Giáo là phương tiện căn bản để tu nhập thể. Chủ trương chính danh và định phận giúp tu làm người. Biết rõ tương quan và thứ bậc của mình trong gia đình và xã hội và quyết giữ đúng vai trò và thứ bậc đó sẽ được an vui trong cuộc sống. Đó là làm tròn ba bổn phận trong tương quan vợ chồng, tương quan cha mẹ con cái, và tương quan giữa thuộc cấp và người chỉ huy.

Tu để thành thần thì dựa vào phương châm “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.” Phải tạo cho mình khả năng phục vụ vững chắc (tu thân) để mang lại no ấm yên vui cho gia đình, vợ con (tề gia), cho quốc gia (trị quốc), và cho nhân loại nói chung (bình thiên hạ). “Bình thiên hạ” không có nghĩa là chiếm đất, dành dân, mở rộng bờ cõi một nước như khi xưa mà là tìm cách hữu hiệu nhất để mang lại hạnh phúc lợi lạc cho đại đa số quần chúng. Đó là cuộc sống của những anh hùng trong thiên hạ. Tu theo Thánh Đạo là phục vụ mọi người nhưng quên mình, không còn nghĩ về chút gì của “cái ta” (cái ngã). Đó là trường hợp của thánh Gandhi, thánh Theresa.

Tu nhập thể (Nhân Đạo, Thần Đạo, và một phần của Thánh Đạo) đặt trên nền tảng “tình thương” đại đồng là điểm chung của mọi tôn giáo. Lý do của tình thương đại đồng là tất cả

mọi người, mọi chúng sanh kể cả thú vật, cây cỏ đều là anh chị em với nhau vì cùng một mẹ là nguồn Năng Lực Siêu Việt. Sức mạnh của tình thương đại đồng là nó không giới hạn, nó bao trùm tất cả.



Có thể nói tình thương đại đồng và chân thật là nền tảng chủ yếu để tu nhập thế. Tóm gọn trong câu, “điều gì mình không muốn người khác làm cho mình thì đừng làm cho người khác.” Hoặc là câu “tránh không làm điều ác, và làm những điều thiện”. Ác là hại cho người khác và thiện là làm lợi cho họ.

Năm điều cấm của Phật Giáo sẽ tuân thủ được nếu có tình thương thực sự đối với chúng sanh. “Không nói dối” vì là hại cho người khác và cho chính mình. “Không trộm cắp” vì mình không muốn người khác trộm cắp đồ vật của mình. “Không tà dâm” vì mình không muốn phá hạnh phúc người khác và phá hạnh phúc của mình. Đó cũng là điều mình

không muốn người khác làm cho mình. “Không giết hại” và “không uống rượu” cũng vậy.

Những chủ trương của Không Tử cũng sẽ thực hành được nếu có tình thương thực sự.

Ba bốn phận của một người (Tam cang) là bốn phận đối với người phối ngẫu, bốn phận giữa cha mẹ và con cái, bốn phận của người lãnh đạo và người dưới sẽ dễ dàng chu toàn nếu có tình thương thực sự. Năm đức tính (Ngũ Thường) cần có của một người (lòng nhân, giữ nghĩa, thủ lễ, phải có trí phán xét đúng, và phải giữ lời hứa) sẽ luyện được nếu có tình thương chân thật. Hơn thế, người thực sự có tình thương đại đồng sẽ luyện cho mình một khả năng để phục vụ hữu hiệu, đem khả năng đó mưu cầu no ấm cho gia đình, cho quốc gia và cho nhân loại. Tóm lại, tình thương chân thật là sức mạnh để tu Nhân Đạo, Thần Đạo, và Thánh Đạo.

Tu xuất thế (một phần của Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo) đặt trên nền tảng “gốc chung”. Một đặc điểm khác của lối tu xuất thế là có được cuộc sống hoàn toàn tự do, thư nhàn, không còn bị một ràng buộc nào của thế sự. Đó là cuộc sống an vui tự tại, sống theo biến đổi ngẫu nhiên của mọi việc xảy tới. Đó là lối sống:

như nước chảy

như hoa trôi

như gió nội

như mây ngàn

Cuộc sống hoàn toàn linh động theo sự việc xảy ra.

Tuy linh động nhưng luôn nhắm tới mục đích của việc “tu”.

Lão Giáo có chủ trương buông xả triệt để những gì ở thế gian. Nếu mình không tranh đoạt tiền của, danh vọng, quyền



lực, v.v. thì không có ai tranh đua và làm khó mình. Người còn muốn người khác ghi nhớ công lao của mình trong bất cứ việc làm lợi lộc gì cho chúng sanh là còn chưa thực sự xuất thế. Đạo Đức Kinh bắt đầu bằng câu, “Danh bất khả danh, phi thường danh” và “Đạo bất khả Đạo, phi thường Đạo” nghĩa là tên không có tên gọi mới chính là cái tên phi thường. Đạo không gọi là Đạo mới là cái Đạo phi thường.

Để nói lên cái vui thanh thoát của người tu Tiên Đạo viên mãn, người xưa có câu:

Thoát trần một gót thiên nhiên
Cái thân ngoại vật là tiên trong đời

Còn tu theo Phật Đạo thì sao?

Mục đích là tu sao để hòa nhập được với bản thể gốc, để trở về với chân tâm. Tại sao?

Vì chỉ khi đó chúng ta mới thực sự đạt được “cái thật”: vui chân thật, bình an chân thật, có cái ngã chân thật, có cuộc sống vĩnh viễn và chân thật.

Mọi Đạo đều có mục đích này nhưng cách thức và phương

tiện có khác nhau. Riêng trong Phật Giáo đã có tới tám mươi bốn ngàn (84,000) pháp tu. Các Đạo khác cũng có cách thức và phương tiện riêng.

Phật Giáo có những pháp tu chính như Tịnh Độ (trì niệm kinh), Thiền (trực nhận bằng cách luôn xác định bản tính thật của mình), Mật Tông (dựa trên thần chú), v.v. Mỗi người nên chọn cách tu hợp với căn cơ của mình.

Một thí dụ người tu Thiền thì mọi lúc mọi thời nên tự nhắc nhở mình là một thực thể mẫu nhiệm xuất phát từ và cùng bản chất với nguồn năng lực siêu việt trong vũ trụ. Xác nhận mãi cho tới lúc mình thấy đó là sự thật. Lúc đó mình không còn lưu luyến gì với những thứ giả tạm ở thế gian: tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, khoái cảm của món ăn, của ngủ nghỉ. Lúc đó mình giải thoát hoàn toàn và nhập thể với cội nguồn. “Sự sống chân thật” cũng sẽ đến tự nhiên tương tự như khi chúng ta đang thở ra, thở vào mà không cần một tác động nào nhắc nhở hay một cố gắng của chính bản thân. Ta đã về với cái Ta nguyên thủy.

Dù lúc đó ta còn sống ở thế gian, ta cũng có cái hạnh phúc như sống trên thiên đàng.

4. Giá trị độc đáo của Đạo Cao Đài

Vậy giá trị độc đáo của Đạo Cao Đài là gì?

Là nhìn được điểm chung chính yếu mà mọi tôn giáo không phủ nhận: “tất cả là Một”.

Điểm chung này đơn giản mà là căn bản cho cả năm lối tu. Ở đây chúng ta cần lưu ý là phải nhận ra điểm chung đó nhưng không bị vướng mắc bởi những dị biệt mà mỗi tôn giáo đã

dựng lên để “đặc biệt hóa” tôn giáo mình. Những dị biệt chỉ là phương tiện, là hình thức, và là những hàng rào làm ngăn cản sự cảm thông, làm chia rẽ giữa tôn giáo này với tôn giáo khác.



Nếu nhìn được điểm chung thì người theo Thiên Chúa Giáo có thể đến cầu nguyện ở chùa Phật Giáo, hay Hồi Giáo, hay Do Thái Giáo, v.v. mà không thấy một chút nào bất an. Một người tin Phật có thể thoải mái đi lễ ở Nhà Thờ và cảm thông được những lời kinh, lời nguyện, . . . Nếu cùng một “điểm đến”, một mục tiêu để “tu” như nêu ở phần trên, thì phương tiện hay cách thức nào để đến đích được cũng tốt nhưng phương tiện và cách thức không phải là điểm chính yếu, là cách duy nhất để giúp ta đến đích. Đừng để các phương tiện, cách hình thức cá biệt của một tôn giáo làm rào cản, làm giới hạn đường đi tới đích.

Nơi cúng bái nào cũng tốt. Đã cùng một gốc thì đâu cũng là nơi có thể lễ bái.

Mâu thuẫn hay thù nghịch chỉ có thể xảy ra khi chúng ta nhìn vào điểm dị biệt mà thật ra điểm dị biệt hầu hết là phương tiện của mỗi tôn giáo, là hình thức mà người hành đạo đã lập ra, có thể cần cho việc hành đạo, nhưng không thiết yếu cho mục đích “tu” đã nêu trên.

Nếu tu nhập thể thì phải vượt qua mọi ranh giới làm ngăn cản tình thương.

- Nếu ta thương một người vì người đó cùng đảng phái thì ta thương đảng phái của ta chứ không phải vì tình thương đại đồng.
- Nếu ta thương một người vì người đó cùng tôn giáo thì ta thương tôn giáo ta chứ không phải vì tình thương đại đồng.
- Nếu ta thương một người vì người đó cùng một chủng tộc thì ta thương chủng tộc của mình chứ không phải vì tình thương đại đồng.
- Nếu ta thương một người vì người đó cùng một quốc gia thì ta thương quốc gia của mình chứ không phải vì tình thương đại đồng, v.v.

Tình thương tự bản chất nó vượt mọi ranh giới dù ranh giới đó do đảng phái, tôn giáo, chủng tộc, quốc gia, hay do bất cứ nguồn gốc nào dựng ra cũng không thể ngăn cách tình thương được.

Hơn thế, tình thương phải vượt ranh giới của tên gọi, của danh xưng.

Thật ra các danh xưng như Trời, Chúa, Allah, Phật, Thượng Đế, Đấng Chí Tôn, Đấng Toàn Năng, v.v. cũng chỉ về một thực thể là nguồn năng lực siêu việt. Biểu tượng “tượng Phật”, “tượng Chúa”, “chữ Vạn”, hay “Thiên Nhân” cũng chỉ là một phương tiện để nhắc nhở ta cái quyền năng siêu việt đó.

***- Tên Đạo**

Danh xưng Cao Đài là một tên gọi để nói về chủ trương “mọi người là một điểm linh quang từ quyền năng siêu việt”. Từ đó, chủ trương này vượt khỏi mọi ranh giới, mọi ngăn cản,

vượt cao hơn mọi Đạo, cũng như ở trên một Đài Cao.

Tóm lại, giá trị độc đáo của Đạo Cao Đài là nhận ra điểm chung chính yếu của mọi tôn giáo (tất cả chúng ta đều là anh chị em vì cùng xuất phát từ một nguồn Quyền Năng Siêu Việt của vũ trụ).



Một khi đã nhìn thấy điểm chung đó rồi ta vượt khỏi mọi dị biệt của các tôn giáo khác nhau là “thấy Đạo”.

***- Thấy Đạo, hành Đạo, và đạt Đạo**

Người không theo một tôn giáo nào mà nhận được điểm chung đó là thấy Đạo. Người tự nhận có Đạo (bất cứ Đạo nào) mà không nhận

ra được điểm đó không thể xem là người thấy Đạo.

“Hành Đạo” là đặt lời nói, hành động và ý nghĩ của mình trên căn bản cái thấy đó để đạt mục đích “tu”.

Người đạt được mục đích “tu” từ việc hành Đạo, là người “đạt Đạo.”

Đạt Đạo có nhiều trình độ tùy theo năm cấp trong Ngũ Chi.

Ở bất cứ trình độ nào việc đạt Đạo thể hiện trong cuộc sống sẽ là gương sáng cho mọi người chung quanh.

Với người “đạt Đạo”, sự suy nghĩ, hành động, và lời nói đều thể hiện rất tự nhiên cái thấy Đạo đó.

Người hoàn toàn đạt Đạo quả thực đang sống trên Thiên Đàng vì thoát khỏi mọi đau khổ của thế gian, không lo sợ trước sự sống chết, thoát khỏi vòng luân hồi, và tự lối sống của mình là hình tức giảng đạo hữu hiệu nhất cho mọi người xung quanh. Hiệu quả dây chuyền của lối sống “đạt Đạo” lan nhanh trong xã hội vì không còn sự ngăn trở và rào cản của hình thức, của phương tiện, hoặc của sự dị biệt từ bất cứ nguồn gốc nào.

Sự truyền Đạo lúc đó tự động có hiệu quả khôn lường!

Tiến sĩ Nguyễn Hữu Nghiệp

Tiến sĩ Mai Thanh Truyết

Xuân Đình Dậu - 2017

MỤC LỤC

Tu Tại Thế

01-	Cao Đài có phải là Đạo tu Tiên?	125
02-	Đạo Cao Đài Tu Tại Thế	126
03	Tu Tại Thế có chứng đắc được không?	128
	A- Ông Cấp Cô Độc.	129
	Kết Luận	133
	B- Gia đình Ông Cấp Cô Độc	134
	1- Bà Cấp Cô Độc	134
	Kết Luận	136
	2- Con trai Ông Cấp Cô Độc	138
	Kết Luận	141
	3- Ba người con gái	144
	Kết Luận	144
	4- Dasuka và Puna	145
	Kết Luận	146
	C- Vua Tịnh Phạn.	147
	Kết Luận	149

TU TẠI THỂ

Quốc sĩ Lê Văn Thêm

I-CAO ĐÀI CÓ PHẢI LÀ ĐẠO TU TIỀN ?

Nói về con đường tu, có người nghĩ rằng Cao Đài là một Đạo tu Tiên, vì khi khấn nguyện thì niệm “Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”, còn Kinh Kệ thì dạy rõ: “Phép Tiên Đạo tu chơn dưỡng tánh” v.v. Đây là một lập luận mà qua ngôn từ thì nghe có vẻ như hợp lý, nhưng sự thật là không phải như vậy.

Đạo Cao Đài có tôn chỉ Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt với ý nghĩa Tam Giáo qui nguyên là trong Giáo lý của đạo Cao Đài có tất cả tinh túy giáo lý của Nho, Thích, Lão, còn Ngũ Chi phục nhứt thì hàm ý đường tu gồm cả Nhon đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo và Phật đạo, nhưng phần đặc biệt quan trọng nhất là Nhon đạo và Phật đạo chứ không phải Tiên đạo, nói rõ hơn Cao Đài không phải là một đạo tu Tiên.

Thật vậy, lời nguyện niệm Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát thoát tiên qua ngôn ngữ rất dễ gây ngộ nhận cho người nghe, nhưng nếu nghiên cứu và phân tích kỹ thì đây là một lời khấn vái với Phật, với Đức Chí Tôn, hay nói rõ hơn là với “một Bản Thể Siêu Việt, một Đại Thể Vô Biên, bất khả tư nghì được hài danh bằng nhiều cách, được diễn tả bằng nhiều tên khác nhau như Hư Không, Vô Cực, Thái Cực, Đạo, Chơn Như, Chân Tâm, Trời, Thượng Đế, v.v. ¹, mà rõ nhất là Thiếu Thất Lục Môn tức Sáu Cửa Vào

1- Vạn Vật Đồng Nhất Thể - Nhân tử Nguyễn Văn Thọ - Nhà Xuất Bản Nhân Từ Văn - CA - USA 2002 - Trang 10.

Động Thiếu Thất của đạo Phật đã định nghĩa chữ Tiên Ông hay Đại Tiên cũng là một vị Phật, một vị Như Lai như sau: “Nếu trí huệ chiếu sáng, tâm ấy cũng gọi là Pháp Tánh, cũng gọi là Giải Thoát, mới hay tâm ấy không bị sanh tử buộc ràng, không một pháp nào trói mắc được nên gọi là Đại Tự Tại Vương, Như Lai, cũng gọi là Trường Sanh Bất Tử, cũng gọi là Đại Tiên, tên gọi tuy khác nhưng bản thể vẫn là một.”²

Nói tóm lại, với lời dạy trên đây của Đức Bồ Đề Đạt Ma rút ra từ quyển Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam xuất bản minh xác rằng Đại Tiên hay Tiên Ông thì cũng không chi khác hơn là Như Lai, là Phật. Danh xưng dù khác nhưng bản thể vẫn không hai. Vậy thì không thể nào nói rằng đạo Cao Đài chỉ là một đạo tu Tiên với ý nghĩa chỉ tu để cốt lo tìm lấy cái thuật trường sinh, mà trái lại Cao Đài là một tôn giáo có đường lối tu và mục đích là để siêu thăng giải thoát chẳng khác chi Tam Giáo, rõ nhất là Phật Giáo.

II- ĐẠO CAO ĐÀI TU TẠI THẾ.

Song song với cách thấy Cao Đài là một Đạo tu Tiên, lại cũng có người cho rằng đạo Cao Đài có cách tu nhập thế chẳng khác chi đạo Nho. Tín đồ Cao Đài vẫn có vợ con, để tóc râu, sống tại gia và sinh hoạt tại thế.

Với cách tu vẫn còn tại thế như vậy thì con đường tu của đạo Cao Đài chẳng có gì là cao siêu, dù có thực hành được Bi và Trí nhưng lại thiếu Dũng vì không hành trì được hạnh từ bỏ cao cả như đạo Phật, do đó nên khó chứng đắc hay giải

2- Sáu cửa vào động Thiếu Thất - Bồ Đề đạt Ma- Trúc Hiền dịch
. NXB Tôn Giáo VN 1999- Trang 148.

thoát được.

Đây cũng là một cách thấy và một cách lập luận mà thoát tiên nghe qua cũng có vẻ hợp lý. Tuy nhiên, nếu nghiên cứu và tìm hiểu kỹ thì cách thấy và lập luận này cũng không hoàn toàn đúng.

Tín đồ Cao Đài vì sống tại gia và sinh hoạt tại thế nên đường tu do đó có lúc nhập thế mà cũng có lúc xuất thế, nhưng cách nhập thế hay xuất thế của đạo Cao Đài lại có nhiều linh động và uyển chuyển, vì vậy mà không giống cách nhập thế của Nho gia hay cách xuất thế của Phật tử.

Trước tiên, đạo Cao Đài với cách tu không chủ trương hoàn toàn xuất thế qua hình tướng hiển lộ là rời bỏ thế tục gia như đạo Phật, nhưng tu sĩ cũng như cư sĩ cũng vẫn có xuất thế với ý nghĩa là xuất thế khỏi phiền não gia và vô minh gia, chứ không chỉ ở thế tục gia, mà các bậc Chức Sắc Thiên Phong hay nhiều tu sĩ đã thực hành.

Thứ đến, mặc dù tín đồ Cao Đài không chú ý nhập thế như một số Nho gia, nhưng vì lý do nhân sinh, đặc biệt ít nhất là để khỏi mang nợ chúng sanh cung dưỡng, và kế tiếp cũng nhằm vào việc phổ độ hay độ tha, tức phục vụ vạn linh đưa đạo vào đời, nên tín đồ Cao Đài cũng tùy thời, tùy lúc, tùy hoàn cảnh mà phải nhập thế.

Phải nhập thế từ thành thị tới thôn quê cho đến tận hang cùng ngõ hẻm chẳng khác chi Đức Phật Thích Ca đã làm trước kia vào thời Phật giáo Nguyên Thủy để đem đời đến với đạo hay đưa đạo vào đời. Nói rõ hơn, đạo Cao Đài nhập thế đó là vì lẽ nhân sinh, tránh được việc tu mà còn có thể mắc nợ, nhưng quan trọng nhất là cũng do nhu cầu đạo sự

cần thiết phải thực hành đề độ tha trong khoảng thời gian nhất định nào đó của một đời tu và mục đích cũng không chỉ khác hơn là vãng sanh hay giải thoát như nói theo đạo Phật hoặc siêu thăng giải thoát như nói theo đạo Cao Đài, mà ngôn từ thế gian thường gọi là chứng đắc.

Nói về tu để chứng đắc thì thường thường người ta hay nghĩ rằng chỉ có những tu sĩ, hay những người đã xuất gia, xa lìa thế tục vào chùa, thì mới đủ phước đức và công đức để chứng đắc hay giải thoát. Còn hàng cư sĩ, những người đang ở tại gia, tu tại thế, nghiệp nặng, chướng dày, công thiếu, quả kém thì không làm sao chứng đắc được, mà có được chăng là chỉ một chút ít phước báu nhân thiên mà thôi.

Hiểu như thế này hay quan niệm như vậy có thật sự đúng không? Có phải đúng là những người còn ở tại gia tu tại thế là chẳng thể chứng đắc được chăng? Có phải chăng là tất cả các cư sĩ đều không thể chứng đắc được ?

Để trả lời câu hỏi này, cũng có nghĩa là để làm sáng tỏ vấn đề nhằm cho biết việc còn ở tại gia với cách “tu tại thế” như đạo Cao Đài có chứng đắc được không, có đạt Đạo được không, có giải thoát được không, xin được nhờ đến giáo lý của Tam Giáo để chỉ rõ và chứng minh, đặc biệt nhất là qua cách tu của những vị theo đạo Phật trên hai ngàn năm trăm năm với những kết quả cụ thể của các cư sĩ, của những người vẫn ở tại gia được diễn bày qua kinh và luận của Phật Giáo.

III- TU TẠI THẾ CÓ CHỨNG ĐẮC ĐƯỢC KHÔNG?

Ngay từ thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế, đã có nhiều cư sĩ, những người còn ở tại gia, tu tại thế mà vẫn chứng đắc

được. Trường hợp thứ nhất xin được kể ra, đó là gia đình của ông Cấp Cô Độc gồm có ông, vợ và các con ông, cũng như nhiều người ở giúp việc trong nhà, tất cả đều được chứng đắc dù rằng chưa hề có xuất gia.

A- ÔNG CẤP CÔ ĐỘC:

Ông Cấp Cô Độc được người đương thời gọi tên như thế vì ông hay cấp dưỡng, cứu trợ những người sa chân lỡ bước, những người nghèo khó, những người cô độc.

Tên thật của ông là Sudatta được dịch là Tu Đạt Đa. Ông là một trưởng giả ở thành Xá Vệ (Sravasti), sống trong thời Phật Thích Ca tại thế và là một trong những cư sĩ nhiệt thành nhất thời đó với đạo Phật mà Phật tử không ai mà chẳng biết hay chẳng nghe nói đến ³.

Một hôm ông có dịp đi sang thành Vương Xá xứ Ma Kiệt Đà để thăm người thân vào lúc nơi đây đang rộn rịp chuẩn bị tiệc trai để cúng dường đức Phật.

Nhờ có duyên lành từ trước nên khi đến đây và nghe nhắc đến Phật thì ông cảm thấy xúc động và muốn gặp Phật.

Ước muốn này của ông được toại nguyện làm cho ông vui mừng đến nỗi thay vì phải đợi đến trưa ngày hôm sau gặp Phật ở tại trai đàn thì đang đêm ông lại tìm đến tịnh xá nơi Phật ở. Ông đến lúc Phật vừa xả thiền xong và đang đi kinh hành ở ngoài vườn.

Gặp ông, Phật gọi ngay tên ông làm cho ông quá bất ngờ và vô cùng cảm xúc. Tiếp theo đó, Phật mới diễn tả cho ông nghe sự hoan lạc của một người tu sống giữa núi rừng, với

3- Tự Điển Phật Học - Ban biên dịch Đạo Uyển - NXB Tôn giáo VN 2006, Trang 110.

tâm hoàn toàn thanh tịnh, không còn bị chi phối bởi tham sân si.

Sau khi nghe kể qua trạng thái an lạc và giải thoát mà Phật đã chứng ngộ, ông Cấp Cô Độc thẩm thấu, cảm ngộ, trực nhận và chứng quả Tu Đà Hoàn vào dòng Thánh ⁴

Chứng quả xong ông cung kính thỉnh Phật về thành Xá Vệ hoàng pháp. Phật nhận lời và bảo rằng từ thành Vương Xá đến thành Xá Vệ cách nhau khá xa và người tại Xá Vệ thì phần lớn theo đạo Bà La Môn. Như vậy, Phật rất cần một nơi chốn thanh tịnh, không gần mà cũng không xa thành Xá Vệ nhiều lắm để cho chư tăng có dịp vừa ở thiền định và cũng vừa có thể đi ra thành để khát thực. Ông Cấp Cô Độc nhận lời, và từ Vương Xá đến Xá Vệ cứ hai dặm đường ông sắp xếp cho đào một cái giếng và cất một cái nhà mát để thỉnh Phật và chư tăng đi về Xá Vệ.

Sau khi có sự đồng ý và sắp xếp của ông Cấp Cô Độc, đức Phật bèn cho một đại đệ tử là Ngài Xá Lợi Phất đi theo ông

4- Ib - Trang 703, 710, 20, 18: Tu Đà Hoàn là quả dự lưu, một trong 4 quả Thánh của Đạo Phật gồm có Tu đà Hoàn (trang 703), Tu Đà Hàm (trang 710, A Na Hàm (trang 20) và A La Hán (trang 18).

- Tu Đà Hoàn còn được gọi là Thất Lai, nghĩa là còn trở lại thế gian 7 lần nữa để tiếp tục sau đó sẽ đạt đạo và giải thoát.

- Tu Đà Hàm còn được gọi là Nhất Lai tức còn trở lại trần gian một lần nữa thôi để tu đắc các quả kế tiếp và giải thoát.

- Riêng A Na Hàm là quả thứ ba, còn được gọi là Bất Hoàn, nghĩa là không còn trở lại trần gian nầy nữa, ở trên cõi Trời và tiếp tục tu để đắc quả A La Hán.

- Còn A La Hán là vị đã đạt được Niết Bàn, đoạn diệt sanh tử, tức không còn trở lại trần gian nữa. A La Hán là hiện thân của giác ngộ và giải thoát.

về Xá Vệ trước để chuẩn bị cho Phật và tăng đoàn di chuyển đến sau.

Trên đường đi, khi đến khu vườn của Thái Tử Kỳ Đà, một khu vườn tuyệt đẹp có cây cao bóng mát, suối nước thiên nhiên với những hòn giả sơn xinh xắn, ông Xá Lợi Phất cảm thấy rằng nơi này rất thích hợp cho chư tăng, do đó ông Cấp Cô Độc mới tìm đến Thái Tử Kỳ Đà để thương lượng mua.

Thái tử nghe ông Cấp Cô Độc muốn mua nên nói đùa rằng nếu ông có vàng thì cứ đem trái trên khu vườn và trái đến đâu thì Thái tử sẽ bán đến đó. Ông Cấp Cô Độc nghe vậy về nhà lấy xe trâu chở vàng đến nhằm trái ra đất để mua. Thái tử cho biết ông chỉ nói đùa thôi chứ thật sự không có ý bán nhưng cuối cùng Thái tử lại bán để ông Cấp Cô Độc lo cho Phật.

Sau khi mua đất và cất tịnh xá xong, Phật dời tăng đoàn từ Vương Xá qua Xá Vệ và đặt cứ điểm tại tịnh xá Kỳ Hòa. Đây là đạo sự đầu tiên rất tốn kém mà ông Cấp Cô Độc đã làm để giúp Phật hoàng pháp.

Để hoàng pháp, ông Cấp Cô Độc cứ tiếp tục giúp Phật và tăng đoàn bằng cách đem hết tài sản của ông ra để lo, do đó mà vào thời ấy cũng như bây giờ, khi nói đến tên Cấp Cô Độc thì Phật tử ai ai cũng đều biết và biết rõ ông chỉ là một cư sĩ, còn ở tại tư gia chứ không phải là người đã thoát tục, xuất thế.

Thời gian trôi qua. Đến độ nọ ông già yếu bệnh hoạn và sắp lâm chung. Phật nghe tin liền sai tôn giả Xá Lợi Phất và Ngài A Nan đến thăm.

Tôn giả Xá Lợi Phất khi đến nơi có chuyển lại cho ông

những lời Phật dạy đồng thời giúp cho ông xem qua “Thiên Nhân” để biết những nơi mà sau khi lâm chung ông có thể chứng quả về đó. Ông thấy có sáu tầng Trời mà mỗi tầng đều có cung điện riêng dành cho ông.⁵

Tôn giả Xá Lợi Phất lúc ấy hỏi vậy chớ ông muốn thoát sinh về tầng Trời nào?

Ông hỏi sáu tầng Trời ấy hơn kém ra sao?

Tôn giả Xá Lợi Phất nói ở sáu tầng trời đều có hạnh phúc, an lạc, tiện nghi đầy đủ nhưng chỉ có cung trời Đâu Suất là nơi có Đức Di Lạc đang ở thì có Phật pháp, còn tại năm tầng trời kia thì không (không có dạy đạo)

Nghe nói như thế, ý ông muốn sau khi lâm chung được về cung Trời Đâu Xuất, và ngay vừa khi ông có niệm đó thì năm cung điện ở năm tầng Trời kia biến mất, riêng cung Trời Đâu Xuất thì rực rỡ lên và đó là nơi mà cư sĩ Cấp Cô Độc sẽ về sau khi rời trần thế.

* * *

Ngoài việc giúp cho ông Cấp Cô Độc được biết tầng Trời mà ông sẽ đến sau khi lâm chung, tôn giả Xá Lợi Phất còn chuyển đến ông những lời mà Phật muốn nói với ông.

Đức Phật dạy ông rằng: “Nếu không chấp thủ thân và trần

5- Chữ “Thiên Nhân” dùng trong bối cảnh này được hiểu theo Đạo Phật chứ không phải theo Đạo Cao Đài. Theo Đạo Cao Đài thì Thiên Nhân trên hết. Còn theo Đạo Phật thì Nhân gồm có: Nhục Nhân, Thiên Nhân, Huệ Nhân, Pháp Nhân và Phật Nhân. Mặc dù trong Đạo Phật có phân chia như vậy nhưng khi cần để nhìn ra ngoài, nhìn xa thì Phật cũng sử dụng Thiên Nhân, chớ không thấy nói Phật Nhân.

cảnh bên ngoài thì sau khi lâm chung rồi sẽ không có một cái thức nào gá vào để tái sinh nữa được.” Nghe đến đây, ông tâm chứng và ngộ nhập quả Thánh cao hơn là quả Tu Đà Hoàn. Ông mới hỏi tại sao suốt thời gian trước đây ông không nghe Phật dạy lời pháp nào hay như vậy.

Tôn giả Xá Lợi Phất nói pháp này chỉ dành cho chư tăng mà thôi. Ông Cấp Cô Độc liền lúc đó yêu cầu tôn giả Xá Lợi Phất xin Phật dạy luôn pháp ấy cho hàng cư sĩ, vì những vị tu tại gia cũng đều có thể tu, cũng đều có thể đắc quả, tri kiến ngộ nhập được để dứt luân hồi sanh tử, chớ việc giải thoát dứt luân hồi sanh tử không phải chỉ có những vị xuất gia vào chùa, những tăng ni thì mới chứng được thôi đâu.

Cũng không thể bảo rằng cư sĩ hay những vị tu tại gia, còn ở tại thế là những người chỉ có thể tu để hưởng phước báu nhân thiên mà thôi, vì con người ai ai cũng đều có Phật tánh, và vì tất cả đều có thì tất cả cũng đều có thể đắc quả đạt Đạo được cả.

Sau khi tôn giả Xá Lợi Phất cùng Ngài A Nan làm xong Phật Sự và cáo từ ra về thì cư sĩ Cấp Cô Độc mệnh chung được vãng sanh lên cõi Trời Đâu Xuất. Ban đêm ông có xuống thăm đức Phật Thích Ca, có đọc bài kệ tán thán Phật và Ngài Xá Lợi Phất. Phật và Ngài Xá Lợi Phất tán đồng bài kệ này của ông Cấp Cô Độc và sau bài kệ này được ghi vào Trung Bộ Kinh của Phật giáo.

Kết luận:

Trường hợp ông Cấp Cô Độc đắc quả về cung trời Đâu Xuất cho thấy trong việc chứng đắc không hề có sự phân biệt, giữa xuất gia và tại gia. Dù còn tại gia hay đã thoát tục,

phàm là chúng sinh thì ai ai cũng đều có Phật tánh và ai ai cũng đều có thể thành Phật.

Việc đạt Đạo này được Kinh Pháp Hoa xác nhận, cũng như một thiền sư Nhật bản bảo rằng nếu có ai nói cư sĩ tại gia tu không thành Phật được thì người đó là kẻ giết tất cả Phật trong tương lai ⁶.

Như vậy, nói tóm lại, việc ở tại gia và tu tại thế thì vẫn chứng đắc được như thường mà trường hợp sau đây của những người trong gia đình ông Cấp Cô độc là những chứng minh kế tiếp.

B- GIA ĐÌNH ÔNG CẤP CÔ ĐỘC:

Trong gia đình ông Cấp Cô Độc không có ai xuất gia vào chùa. Tất cả đều ở lại nhà và tất cả cũng đều được chứng quả.

Cũng trong gia đình này lại có người thoát tiên không tin Phật pháp, chống đối Phật quyết liệt, ngay cả lớn lời tố cáo Phật và các đại đệ tử của Phật.

Lại cũng có người chẳng chịu tu, chỉ biết chạy theo quyền tước và rất ham tiền, thế mà tất cả đều cũng chứng đắc được, kể cả kẻ ăn người ở cũng có người đắc quả Niết Bàn, hiện thân là một đấng giác ngộ gần như Phật trong thời Phật giáo Nguyên Thủy, xin được kể lại vắn tắt như sau:

1)- Bà Cấp Cô Độc:

Bà Cấp Cô Độc thoát tiên không tin Phật pháp, nhất là bà công khai chống đối Phật khi chồng bà là ông Cấp Cô Độc đem tất cả tài sản ra để lo cho việc hoằng khai đạo pháp. Bà

6- Viết theo tài liệu và có đoạn trích từ Pháp Thoại Cấp Cô Độc MP3 của Ni Sư Huệ Hạnh thuyết giảng tại Hoa Kỳ.

chống đối đến độ ông không chịu nổi nên đến xin đức Phật giúp cho hóa độ vợ ông cũng như con ông.

Đức Phật có đến tìm bà ba lần nhưng bà không tiếp. Lần thứ tư Phật dùng thần thông hiện trước mặt bà, bà quay ra sau lưng, đức Phật hiện ra sau lưng, rồi bên trái, bên phải, cuối cùng bà la toán lên rằng Phật cố ý dọa bà.

Đức Phật biết không có duyên độ bà nên đi về và sai các đại đệ tử đến để cảm hóa bà nhưng tất cả cũng đều thất bại, kể cả Ngài Mục Kiền Liên, vị thần thông đệ nhất, đã khai triển pháp biến hóa để mong qui phục bà thế mà bà vẫn chống lại, không chịu qui y mà còn tố cáo là Ngài Mục Kiền Liên đã dùng huyền thuật để hãm hại bà.

Tóm lại, để chuyển hóa và hóa độ bà Cấp Cô Độc, Đức Phật cũng như nhiều đại đệ tử, tất cả đều đã thất bại. Ấy thế mà một tăng sĩ tuổi đời còn rất non trẻ lại có thể làm được việc này, đó là La Hầu La, người con trai ruột của Phật.

Cũng như bao nhiêu Tỳ Kheo khác, La Hầu La một hôm đi khát thực ngang qua nhà bà Cấp Cô Độc vào một buổi trưa hè trời nắng chang chang.

Bà Cấp Cô Độc ngồi trong nhà bếp nhìn ra thấy một cậu bé bụ bẫm, đầu trọc bóng láng, mồ hôi nhuê nhai, bước đi chập chạp, có lẽ đã mệt lả vì đói lại vừa khát. Bà động lòng thương nên cho gia nhân gọi vào nhà.

La Hầu La vào bếp nhà bà, ngồi cạnh bà và được bà hỏi về gia cảnh, gốc gác gia đình. Bà được biết cậu bé đang mệt lả đói khát kia lại vốn là một hoàng tử thuộc dòng vương giả, thế mà giờ đây lại rời bỏ cung vàng điện ngọc, xả thân cầu đạo, đi tu để mong tìm đường giải thoát. Bà vô cùng cảm

động lấy cơm nước ra cho La Hầu La ăn và dặn rằng khi nào “con đi khát thực mà không có thì cứ đến nhà bà, bà luôn luôn sẵn sàng có cơm nước bánh trái cho con.”

Qua nhiều lần đi, đến và có dịp đối diện nhau, bà hỏi La Hầu La về giáo lý, về cách tu và Phật pháp, v.v. cứ hễ bà hỏi đến đâu thì La Hầu La trả lời tới đó.

Bà cứ hỏi và nghe, thế rồi nghe mãi bỗng một hôm bà hoát nhiên ngộ nhập và đắc quả Thánh Dự Lưu Tu Đà Hoàn. La Hầu La sau đó đưa bà đến Tịnh Xá nơi có đức Phật và các đại đệ tử ở, tất cả đều bất ngờ, kinh ngạc vì thấy rằng Phật và nhiều đại đệ tử còn không cảm hóa được bà thế mà giờ đây La Hầu La tuổi như chú điệu lại làm được. Âu cũng là tiền duyên và ngay ngày hôm ấy bà qui y vào cửa Phật.

*** Kết luận:**

Câu chuyện trên đây của bà Cấp Cô Độc đã nói lên được những gì, và chỉ rõ ra được gì cho nhơn sanh nói chung, tín đồ Cao Đài nói riêng là những vị còn ở tại gia, tu tại thế, để được siêu thăng giải thoát.

Bà Cấp Cô Độc chứng quả trước khi qui y nghĩa là còn ở tại gia chớ chưa khi nào có vào chùa cả. Bà đắc quả ngay tại bếp nhà bà, nơi bà thường hỏi Phật pháp và được La Hầu La nói cho bà nghe.

Nói cách khác, bà đắc quả trong khi còn sinh hoạt ở tại gia đình, sống tại thế gian, như vậy có nghĩa là sống tại thế, tu tại gia vẫn có thể chứng đắc được như thường.

Nói rõ hơn, theo giáo lý đạo Phật cũng như của đạo Cao Đài thì *chứng đắc được chẳng là do mình chuyển tâm được*

không, chớ nào phải chỉ nhờ chuyển cảnh. Không phải cứ vào chùa thì mới tu được, mà ở đâu cũng có thể tu và cũng có thể đắc quả.

Phật ở ngay tại thế gian này chớ chẳng ở đâu xa, bằng có là Kinh Phật có nói rõ nước Phật là thế giới ta bà này và “khi không vọng tưởng thì một tâm là một nước Phật. Phật ở trong tâm như trầm hương ở trong cây. Phật theo tâm ra, vỏ mục hết thì hương cũng theo cây ra. Mới biết, ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật. Nếu ngoài cây có hương thì đó là hương của cây khác, và ngoài tâm có Phật thì đó cũng là Phật ở ngoài chớ chẳng phải Phật tự tâm mình.

Tóm lại, lìa tâm không Phật. Lìa Phật không tâm, tức Phật từ tâm mà ra. Tâm có thể sanh ra Phật, nên nói Phật theo tâm mà sanh”⁷ nghĩa là Phật hiển lộ hay không, tức đạt được Đạo hay không, siêu thăng giải thoát được hay không là do ở tâm chớ việc cư trần hay thoát tục, tại gia hay xuất gia, đó chỉ là trần cảnh, hoàn cảnh hay điều kiện hỗ trợ cho việc tu tập mà thôi.

Đã đành rằng trần cảnh, mà nói rõ hơn là sáu trần, cũng có ảnh hưởng rất sâu rộng đến việc tu tập, mặc dù vậy, tất cả đều chẳng qua tâm, đều do ở nơi tâm.

Tâm tạo thiên đàng, tâm tạo địa ngục. Khi mê thì ở bờ bên này. Khi ngộ thì đến bờ bên kia. Ta bà uế trược cũng do tâm mà cõi Phật thanh tịnh cũng ở tự tâm. Phiền não là chúng sanh, tỉnh ngộ tức bỏ đề. Nước đục tức nước trong, phàm phu tức Phật. Phật độ chúng sanh, chúng sanh độ Phật, nói

7- Sáu cửa vào Động Thiếu Thất - GHPGVN - Trúc Hiền dịch, NXB Tôn Giáo VN 2000, trang 113,115,117.

rõ hơn Phật và chúng sanh nào có khác chi nhau. Tất cả đều do tâm, đều ở tại tâm.

Vậy thì tu tâm tức nhiên đắc quả, đạt Đạo, nhưng phải tu tâm như thế nào? Xin được nói rõ là cách tu tâm của đạo Cao Đài có khác tu tâm của Tam Giáo nhất là Phật giáo, sẽ được trình bày ở phần sau khi nói về tu tâm theo lời dạy của Đức Hộ Pháp, cho thấy rõ Cao Đài là Tam Giáo quy nguyên, mà nếu nói đúng hơn là một Tân Tôn Giáo hướng dẫn nhơn sanh về cách tu tâm với lý sự viên dung, qua từng Tướng nhập Tánh.

2)- Con trai Ông Cấp Cô Độc:

Người con trai duy nhất của Ông Cấp Cô Độc làm quan lớn trong triều đình của vua Ba Tư Nặc, lại là một người rất ham tiền. Đối với ông tiền là trên hết, chỉ có tiền thôi. Chính vì lý do này mà khi ông Cấp Cô Độc đem tài sản ra để cúng dường, người con trai này chống đối quyết liệt, có khi còn phỉ báng cả tăng đoàn, đến độ ông Cấp Cô Độc phải nhờ đức Phật giúp đỡ chuyển hóa nó.

Qua sự yêu cầu của ông Cấp Cô Độc, Phật mới hỏi vậy chớ nó thích hay ham cái gì? Ông Cấp Cô Độc đáp: “Nó chỉ ham tiền thôi.” Phật dạy: “Nó ham cái gì thì cứ dùng cái đó mà dẫn dắt và chuyển hóa nó. Như vậy, nếu nó ham tiền thì cứ dùng tiền mà tập cho nó quen với Phật pháp.”

Vâng lời Phật, lần thứ nhất ông Cấp Cô Độc nói với con trai ông rằng lúc này ông bận rộn quá nên không thể đi đến tịnh xá thọ bát quan trai để kính Phật được, vậy con tìm dùm ba một người đi thay và ba sẽ trả cho một trăm đồng tiền vàng mỗi ngày.

Nghe cha nói, người con động lòng tham tiền vì thấy rằng mình làm quan lớn trong triều mà lương mỗi ngày chỉ có 5 đồng, vậy với 100 đồng vàng thì thật là một số tiền khá lớn. Người con trai bèn đi thọ bát quan trai thay cha và lấy tiền ⁸

Lần thứ hai, ông Cấp Cô Độc nói với con rằng lúc này ông hay bận rộn nên không đi nghe pháp được. Vậy: “con làm sao tìm giúp ba một người thay ba đi dự rồi về kể lại cho ba nghe một bài kệ thôi thì ba sẽ thưởng cho mỗi lần một ngàn đồng tiền vàng”. Dĩ nhiên là người con nhận ra đi, đến tịnh xá cố nghe để nhớ nhưng vẫn quên hoài nên rón rón ở lại nghe đến chừng nào thuộc chắc một bài kệ mới về kể lại cho cha nghe để lãnh tiền. Người con trai ra đi như vậy nhiều lần, cố nghe Phật giảng, nghe Phật pháp, nghe các bài kệ, thế rồi nghe mãi cho đến một ngày nọ không ngờ người con lại chứng quả Tu Đà Hoàn vào dòng Thánh.

Sau khi chứng quả người con mới mời Phật đến nhà mình để thọ trai, và bữa trưa hôm nọ khi người con dẫn Phật và chư tăng về nhà với vẻ cung kính, ông Cấp Cô Độc trông thấy lòng mừng rỡ vô cùng. Ngay lúc đó ông bèn đem nhiều vàng bạc ra để thưởng con. Ông đưa đến ba lần nhưng người con vẫn không chịu nhận. Ông rất ngạc nhiên thì vừa lúc ấy Phật cho ông biết rằng con trai ông nghe pháp nhiều lần nên đã chứng quả Thánh dự lưu Tu Đà Hoàn rồi, do đó nên không

8- Bát Quan Trai: Là giáo pháp tu tập mà ngày nay Phật giáo thường áp dụng để tu. Đó là cách tu tám giới thay vì năm (5) giới như Cư sĩ. Người thọ bát quan trai đến chùa, ở lại đó qua đêm và tu tám giới gồm có năm giới của cư sĩ là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói láo, không uống rượu, cộng thêm ba giới nữa là không trang điểm, không dự những cuộc vui đờn ca xướng hát, không nằm giường cao niệm ẩm và ăn phi thời.

còn ham tiền và không muốn nhận tiền.

Nói rõ hơn là sau khi vào dòng Thánh, tâm của con ông đã trở thành thanh tịnh, chỉ biết vị tha chứ không còn vị kỷ, có một niềm tin và hạnh phúc mà không một vị vua cõi đất, chúa cõi trời nào có thể so sánh hay bì được.

Như vậy, trong gia đình ông Cấp Cô Độc, hai người chồng đối mạnh mẽ nhất việc cúng dường hoằng pháp của ông, hai người không tin Phật pháp mà có khi còn công khai chỉ trích Phật, hai người vẫn ở tại gia, trụ tại thế này, vậy mà nay cả hai người đó đã nhập lưu vào quả Thánh, chứng quả Tu Đà Hoàn, đó là do đâu, đặc biệt với người con trai.

Thứ nhất, người con trai của ông Cấp Cô Độc, mặc dù là một quan viên, chưa hề xuất gia, vẫn sống tại thế cũng như mọi người, cùng chen chân giữa chốn trần hoàn, vậy mà cũng vẫn chứng quả được sau khi đã chuyển tâm do nghe pháp. Đây là trường hợp cho thấy việc chứng quả hay đắc đạo hoàn toàn do tâm chuyển chứ không tùy thuộc vào việc xuất gia hay tại gia, không nhất thiết phải vào việc xuất gia hay tại gia, không nhất thiết phải là tu sĩ đã vào chùa hay cư sĩ vẫn còn ở tại nhà.

Cư sĩ và tu sĩ, cả hai tuy hai mà một. Cư sĩ chỉ cần chuyển tâm là vào ngay đất Phật, và một khi Phật tâm hiển lộ, Phật tánh tròn đầy thì cư sĩ nào có khác chi tu sĩ về việc chứng đắc, dù rằng thân này vẫn ở tại trần, nhưng cư trần mà chẳng nhiễm trần thì đó là cư sĩ vậy (Cư trần bất nhiễm trần thị danh cư sĩ).

Thứ hai, sở dĩ con trai cũng như vợ ông Cấp Cô Độc đắc quả được là do có để tâm nghe pháp. Vợ ông thì nghe La

Hầu La nói, còn con ông thì đắc pháp qua những lần thọ bát quan trai và đi nghe giảng đạo. Điều này cho thấy muốn đắc pháp, đắc Phật, đắc duyên, đắc vị, đắc A Nậu Đa La Tam Diệu Tam Bồ Đề thì việc tìm hiểu pháp, học tập giáo lý, đi nghe thuyết pháp, có phải chăng đây là những hạnh nguyên cần thiết cho những người kiến đạo, muốn tu nhờ học pháp, nghe pháp, hiểu pháp để có văn huệ, tư huệ và tu huệ là những bước giúp người tu tinh tấn trên con đường giải thoát. Nhưng tiếc thay, kể từ ngày Đức Hộ Pháp qui thiên thì trong đạo Cao Đài hầu như không có giảng đạo hay thuyết pháp thường xuyên nữa.

Có phải chăng đây là một trong những nguyên nhân đã khiến cho con đường tu của tín đồ nhiều lúc phải chông chênh, một số đông tín đồ không có dịp tiếp cận với đạo tràng Văn Huệ, Tư Huệ và Tu Huệ nên một phần nào chỉ chấp tướng mà không tòng tánh, và một số vị có phận sự, chẳng phải toàn thể nhưng cũng không ít, chẳng phải tất cả nhưng vẫn còn tại vài nơi, cũng vì không quan tâm đến Văn Huệ để có được chánh kiến, chánh tư duy, nhất là chánh ngữ và chánh niệm nên chỉ chú trọng vào tướng hơn là tâm, vào đạo quyền trần thế hơn là đạo pháp vô vi.

Xin chư vị Chưc Sắc, chư Tôn Đức, chư Thiện Hữu Đạo Tâm, chư vị Hiền Tài hằng tâm vì Đạo để ý lại vấn đề này.

Kết luận

Về trường hợp con trai của ông Cấp Cô Độc:

Việc con trai của ông Cấp Cô Độc chứng quả đắc Thánh Dự Lưu đưa đến hai kết luận.

Kết luận thứ nhất có tính cách cục bộ hay đoản kỳ với ý

nghĩa chỉ để soi sáng đề tài được nêu ra trong bài viết này. Kết luận thứ hai có tính cách tổng quát hay trường kỳ liên quan đến tạng Luận và Thuyết Pháp mà mục đích là làm sáng tỏ Kinh, Cơ, Ngũ lục, hay nói rõ hơn là làm cho Kinh, Cơ, Ngũ lục của đạo Cao Đài phổ quang, tuệ chiếu để sáng soi con đường tu cho tín đồ mà mãi đến ngày nay việc tu trì hầu như vẫn chỉ có trông cậy vào Tứ Thời Nhật Tụng, còn giáo lý diệu huyền vô thượng thậm thâm thì một số lớn tín đồ hầu như chưa biết và người ngoài đạo cũng chưa thấy rõ được để có thể phát tâm, nhập môn cầu đạo hầu có thể tìm sự giải thoát cho mình và gia đình mình.

Kết luận I:

Như đã nói ở trên, kết luận I nhằm để nói rõ hay soi sáng cách “tu tại thế” của đạo Cao Đài, xem coi cách tu này có kết quả không, có diệu dụng không.

Căn cứ vào việc chứng đắc của con trai ông Cấp Cô Độc thì rõ ràng là ở tại gia, tu tại thế vẫn đắc quả, đạt đạo.

Thật vậy, con ông Cấp Cô Độc thoát tiên là một người rất tham danh háms lợi, đam mê quyền lực và say đắm tiền tài, mà nói theo danh từ đạo là vẫn còn chạy theo ngũ dục lục trần, trong khi trần là chi, chỉ là ảo ảnh, căn là chi, chỉ là lừa dối và thức là chi, là chi mê lầm.

Ấy thế mà con ông Cấp Cô Độc lại tỉnh thức chẳng còn mê lầm nữa. Ông tỉnh thức vì nhờ thọ bát quan trai và thường đi nghe giảng đạo. Như vậy thì việc gần đạo, sống với đạo, nghe nói đạo, nghe giảng đạo có thể thức tỉnh được con người dù là người ấy căn cơ vốn mê lầm như con ông Cấp Cô Độc.

Nói rõ hơn là con người, dù bất cứ ai, dù tệ hại đến mức nào, dù quá khứ có tội tệ đến đâu, dù thoát tiên có thể là hiện thân của tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến, nhưng nếu biết hồi đầu thị ngạn như nói theo đạo Phật, hay Hồi quang Phản Chiếu như nói theo đạo Cao Đài thì vẫn có thể đạt đạo, chứng đắc được như thường.

Trường hợp con ông Cấp Cô Độc là một bằng chứng và bằng chứng này muốn nói lên cho bất cứ ai chưa có đạo, ít nghe nói đạo, nghe giảng đạo thì nên đến với đạo hoặc trở về với đạo; như thế tham, sân, si có thể được tiêu trừ và an lạc tự do, hạnh phúc có thể trở về ngay.

Còn gì hạnh phúc hơn là một kẻ tham tiền như con ông Cấp Cô Độc mà giờ đây không còn hám tài, ái dục, không còn lệ thuộc vào tiền, chỉ biết có an lạc, tự do, sống hoàn toàn hạnh phúc, an nhàn tự tại do không còn đeo đẳng theo ngũ dục, lục trần.

Tóm lại, hình ảnh con trai ông Cấp Cô Độc cho thấy là con người, bất cứ ai, nếu chịu đến với đạo thì an lạc và hạnh phúc sẽ có được ngay, một thứ an lạc hạnh phúc vượt ngoài dục lạc thế gian.

Nói rộng hơn, bất cứ ai nếu chịu tiếp cận với đạo, nếu chịu tu, dù rằng tu tại gia, ở tại thế thì cũng vẫn chứng đắc được như mọi người, không phân biệt giàu nghèo, quý tiện, nữ nam, tu sĩ hay cư sĩ. Như vậy nếu có ai còn bảo tín đồ Cao Đài vì còn ở tại thế, tu tại gia không đắc quả được thì đây là một ý kiến mà con trai ông Cấp Cô Độc nếu đến ngày nay vẫn còn sống thì sẽ không khi nào đồng ý.

Đến đây là hết phần kết luận I. Riêng về kết luận II không

nhằm vào việc chứng minh “tu tại thế” vẫn được chứng đắc, mà liên quan đến Tạng Luận, Thuyết Pháp và đường lối tu nói chung, đặc biệt là tu huệ của đạo Cao Đài sẽ được trình bày sau.

3)- Ba người con gái:

Ngoài người con trai, ông Cấp Cô Độc còn có (03) ba người con gái. Cả ba người con gái của ông dù vẫn ở tại gia, tu tại thế nhưng tất cả cũng đều chứng đắc.

Ngoài hai người đắc quả Thánh nhập lưu Tu Đà Hoàn như mẹ và anh, còn có cô Út lại phát tâm tu sớm hơn. Cô tu từ khi cha cô đem tài sản ra cúng dường cho đức Phật Thích Ca, do đó mà Cô chứng được tới quả A Na Hàm là quả Bất Hoàn tức không còn đầu kiếp trở lại trần gian này nữa. Quả A Na Hàm trên Tu Đà Hoàn hai bậc và chỉ còn tu để chờ thành A La Hán đắc quả Bất Sinh hay Vô Sinh đạt được Niết Bàn.

Kết Luận:

Ngay từ thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế đã có hơn sanh nữ phái si tình thất tình, đam mê sắc dục, tham đắm ái ân, thế mà khi tỉnh ngộ thì cũng vẫn chứng đắc đạo được. Đó là trường hợp của Cô Ma Đăng Đà, người thiếu nữ quá đam mê A Nan, thế mà Ma Đăng Đà, kẻ si tình và tham đắm ái ân ấy khi thức tỉnh lại đắc quả đạt Niết Bàn trước A Nan, lúc ấy lại là một thị giả của Phật.

Cũng ngay từ thời Đức Phật Thích Ca còn tại thế, đã có những cư sĩ dù tu tại gia, ở tại thế, nhưng vẫn chứng quả, đạt Niết Bàn, không bắt buộc phải xuất gia. Nói khác hơn, dù tu xuất gia hay tại gia, việc chứng ngộ, giải thoát, đạt Niết Bàn

thì cũng như nhau không có gì khác nhau cả.

Tu sĩ xuất thế hay cư sĩ tại gia, ai ai cũng đều có Chơn Tâm, Phật tánh, Chơn Linh, và bất cứ ai cũng có thể giải thoát. Như vậy, nếu nói tu theo đạo Cao Đài, ở tại gia, tu tại thế thì chẳng cao siêu, không diệu dụng, chẳng chứng đắc hay giải thoát được, thì đó là cách nói phát nguồn từ sự thấy biết hoàn toàn đi ngược lại với những sự chứng quả hay đạt đạo đã được thấy rõ, ngay cả vào thời đức Phật chưa nhập diệt. Đây là cách thấy do chưa hiểu rõ tôn chỉ, mục đích cũng như cách dụng công tu tập của đạo Cao Đài là một Tân Tôn Giáo có cách tu tâm không giống đạo Phật nhưng lại vô cùng diệu dụng và rất dễ tu.

4)- Dasaka và Puna:

Dasaka là tên của người tứ trai và Puna là tên của cô tứ gái. Ông Cấp Cô Độc có tại nhà đến cả 500 tứ trai và gái. Một số trong những vị này theo gương của chủ và lo tu nên cũng được đắc quả - đặc biệt đáng kể là người tứ trai tên Dasaka và cô tứ gái tên Puna.

a- Dasaka: Dasaka vốn là con của một người nô lệ và có nhiệm vụ gác cổng Tịnh xá Kỳ Viên.

Dasaka là người có tật hay ngủ nhưng có tâm tu hành để mong chứng quả và đã chứng được A La Hán, một quả mà vào thời Phật giáo nguyên thủy được xem gần như là Phật vì người đắc quả này cũng đã giác ngộ và được giải thoát.

b- Puna: Puna là người tứ gái trong gia đình ông Cấp Cô Độc.

Có lẽ do tiền duyên nên chỉ một lần nghe Đức Phật giảng

một bài trong Trung Bộ Kinh mà cô đã đắc quả Tu Đà Hoàn. Sau đó cô được ông Cấp Cô Độc cho thoát khỏi kiếp nô tì và cô cố gắng tu tập nên đắc quả A La Hán, làm đến chức Trưởng Lão Ni, một giáo phẩm rất quan trọng vào thời Phật giáo Nguyên Thủy có nhiệm vụ dẫn dắt chúng sinh trên con đường tu để giải thoát.

Cô đã tiến dẫn một tín đồ Bà La Môn vào đạo Phật và nhờ sự hướng dẫn của cô mà vị này cũng đã đắc quả A La Hán.

Kết Luận:

Trường hợp hai người tở trên đây của ông Cấp Cô Độc cho thấy việc chứng quả hay không chẳng nhất thiết phải là chủ hay tở, nam hay nữ, giàu hay nghèo, xuất gia hay tại gia. Người xuất gia mà tâm vẫn tại thế thì có khác nào như kẻ đang trôi lăn giữa lục đạo luân hồi; còn người tại gia mà tâm đã thoát tục thì phải chăng:

“Chân tuy ở cõi ta bà,
Mà lòng đã gởi bên tòa hoa sen”

Xuất gia hay không xuất gia một phần là do căn cơ, một phần là do đạo sự, cũng có một phần là do hoàn cảnh hay tình thế nhất thời. Vậy thì xin đừng phân biệt tu tại gia hay tu xuất gia vì đây chỉ là hai cách dụng công như nhau; nhưng nếu xét về phương diện không gian thì có khác nhau, chẳng qua là chỗ nơi tu tập mà thôi.

Pháp môn Bất Nhị của đạo Phật cũng như bí pháp ẩn tàng trong Thiên Nhân của đạo Cao Đài với lý “Nhất Bản tán Vạn Thù, Vạn Thù qui Nhất Bản” dạy người tu chớ nên chẻ chia, luận bàn phân biệt vì chẻ chia, luận bàn phân biệt chỉ có hại cho cái tâm tu, cái tâm đạo mà thôi.

Người tu theo đạo Cao Đài với tuổi còn trẻ thì cứ từ từ tu vì còn phải lo cho cuộc sống. Mà “lo cho cuộc sống thì đó cũng là tu” như lời Đức Hộ Pháp đã dạy và người viết sẽ giải rõ ở bài kế tiếp, là mình phải làm sao đừng đi ra ngoài ranh giới của lòng hiếu thảo, của đạo nhơn luân và phép nhơn thường, cũng có nghĩa là mình đang hành bề giáo pháp nhơn đạo đại đồng Nho tông chuyển thể thì đó là tu.

Còn đối với người đã có tuổi hay lớn tuổi, thì việc bình tâm “Hồi Quang Phản Chiếu” để định tâm thấy Tánh như lời Đức Hộ Pháp đã dặn dò là một hạnh nguyện cần phải thực hành, một đạo pháp không thể bỏ qua, vì đạo pháp này sẽ giúp cho người có tuổi hay lớn tuổi thấy rõ được mình là ai, biết rõ được mình, biết mình đang làm gì, có tu và tu đúng không, có đi đúng con đường đạo và con đường tu không, có thực hành đúng hạnh nguyện như kinh cơ và ngữ lục của Đức Hộ Pháp và Đức Quyền Giáo Tông đã dạy không?

Nếu đúng thì trong cuộc đời tu của mình, nhất là khi tuổi đã về chiều, mình sẽ thấy rõ thân này dù vẫn tại gia mà tâm thì đã xuất gia lâu rồi. Phải xuất cho khỏi phiền não gia, và hoàn toàn thoát ra ngoài vô minh gia thì bước đường siêu thăng giải thoát chắc chắn đã mở rộng chực chờ mình sẵn đó.

Vậy thì thôi đừng bận tâm chi tới việc tu xuất thể hay tu tại thể vì tu tại gia, ở tại thể vẫn chứng quả và đắc đạo được, như trường hợp của ông Cấp Cô Độc và gia đình, đã kể như trên và trường hợp thân phụ Đức Phật Thích Ca là vua Tịnh Phạn sẽ được kể tiếp sau đây.

C- VUA TỊNH PHẠN:

Hai năm sau khi thành đạo, đức Phật trở về thành Ca-Tỳ-La-Vệ để thăm vua cha. Được tin đức Phật về, vua Tịnh Phạn ban lệnh tổ chức yến tiệc linh đình để thiết đãi Phật cùng tăng đoàn. Vua nghĩ rằng con mình khi về chắc sẽ đến thẳng hoàng cung chớ chẳng đi đâu khác. Vua nào có ngờ đức Phật lại đi khất thực trước lúc vào hoàng cung.

Nghe nói đức Phật đi xin ăn ngoài dân dã, nhận thức ăn từ những giai cấp thấp hèn, vua Tịnh Phạn giật mình, kinh ngạc và cho đây là một sỉ nhục đối với Ngài. Ngài bèn xuất thành đi tìm gặp Phật ở giữa đường.

Ngài vừa bàng hoàng, vừa có phần bức tức nên trách móc rằng: “Con ơi, sao con lại đi chân không, đầu trần không đội nón, và tại sao con lại đi xin ăn từ những giai cấp cùng đinh, tại sao con lại làm nhục cha như vậy? Con có biết rằng giai cấp xã hội chúng ta chẳng cho phép con được làm như vậy không? Tại sao con lại giao thiệp và xin xỏ từ những người trong giai cấp nô lệ, trong khi con xuất thân là một hoàng tử và cha hiện tại là vua?”

Để đáp lại bao nhiêu buồn phiền trách móc của vua cha, đức Phật ôn tồn giải thích rằng Ngài làm như vậy là noi theo cung cách của chư Phật, chớ Ngài hiện giờ không còn sống với truyền thống và lối sống của giòng họ vương giả trong xã hội phân biệt giai cấp thời bấy giờ như tại Ấn Độ.

Sau đó, kế tiếp theo, đức Phật thuyết đạo cho cha nghe và bài pháp ngài thuyết đã làm cho vua Tịnh Phạn rung động, tâm chứng và đắc quả Dự Lưu Tu Đà Hoàn ngay bên vệ đường nơi Ngài cùng đức Phật đang đối diện. Ngài đánh lễ đức Phật ngay tại đó.

Ba năm sau, đến mùa hạ thứ năm, tức sau khi đức Phật đắc đạo được 5 năm, vua Tịnh Phạn đau nặng. Đức Phật hay tin trở về hoàng cung thăm cha. Phật ngồi bên giường bệnh an ủi cha và thuyết pháp cho cha nghe. Sau mấy ngày nghe Phật thuyết pháp, vua Tịnh Phạn đắc quả A La Hán rồi băng hà trong khi Ngài vẫn vận triều phục của một vị quốc vương và đang ở tại hoàng cung trong hoàng thành.

Như vậy vua Tịnh Phạn đã đoạn diệt sinh tử và việc đắc quả Bất Sinh của Ngài đã chỉ dạy cho người sau được những gì?

Ngài đắc quả Thánh Tu Đà Hoàn bên vệ đường khi gặp Phật. Ngài lại đạt được Niết Bàn khi đắc quả A La Hán, một quả vào thời Phật giáo Nguyên Thủy là hiện thân của sự giác ngộ, mà giác ngộ là thành Phật. Nói rõ hơn là Ngài đã chứng quả Bất Sinh nghĩa là đoạn diệt sinh tử, tức giải thoát.

Ngài chứng quả ngay bên vệ đường khi nghe Phật thuyết chớ không phải ở tịnh xá hay ở trong chùa. Ngài chứng Ngộ trong lúc Ngài chưa xuất gia, không phải là một tăng sĩ mà chỉ là cư sĩ, một cư sĩ đắc đạo ngay tại hoàng cung, trong lúc đang vận triều phục.

Nói tóm lại, kết quả chứng đắc của vua Tịnh Phạn cho thấy chứng ngộ không nhất thiết phải là tăng sĩ hay cư sĩ, không nhất thiết phải là xuất gia hay tại gia. Người tu tại gia, ở tại thế, vẫn có thể chứng đắc được như thường, miễn làm sao tu đúng đường, đúng cách, hể giác ngộ được là thành Phật vì Phật, theo định nghĩa, là một Đấng Giác Ngộ.

KẾT LUẬN

A-Thứ nhứt: Việc gia đình một cư sĩ gồm có ông bà Cấp Cô Độc, các con và một số tớ trai gái, tất cả đều được chứng quả

từ nhập lưu vào dòng Thánh đến đoạn lìa sanh tử, chứng đắc Niết Bàn cho thấy vấn đề đạt đạo không hề có phân biệt chủ tớ, giàu nghèo, nam nữ, tu sĩ hay cư sĩ, tu tại gia hay xuất gia, đã xuất thế hay vẫn còn tại thế.

Cư sĩ là những người còn ở tại gia, tu tại thế vẫn chứng đắc và giải thoát như tu sĩ là những vị xuất gia.

Bà Cấp Cô Độc, một người không tin Phật pháp mà lại còn công khai chống đối đức Phật và các đại đệ tử của Phật, thế mà bà vẫn đắc quả là do TÌNH THƯƠNG của bà đối với chú tiểu bụ bẫm, kháu khỉnh La Hầu La. Như vậy, nói một cách nôm na là tình thương, còn nói theo Khổng giáo hay Lão giáo là lòng Nhân ái, và nói theo Phật giáo là tâm từ bi, lòng nhân ái, lòng bác ái hay tình thương vị tha, đức tính thứ nhất của một vị Phật đã sống dậy nơi bà rồi giúp cho bà chứng quả.

Việc chứng quả của bà Cấp Cô Độc cho thấy con người, bất cứ ai, dù thoát tiên không tin ở Đạo, nơi pháp nhưng một khi tình thương vị tha tức tâm từ bi, lòng nhân ái hay lòng bác ái đối với nhơn sanh tròn đầy, không hề thôi chuyển khiến cho chẳng còn có thể nghĩ ác, nói ác, làm ác, mà chỉ có thể nghĩ thiện, nói thiện, làm thiện, thì con người ấy, từ lúc đó, có thể đắc đạo chứng quả rất dễ dàng.

Nói rõ hơn là tâm từ bi, lòng nhân ái hay tình thương vị tha là nguyên ủy, là nguồn gốc của mọi thiện lành, là cái chìa khóa để mở cửa Niết Bàn giải thoát mà đạo Cao Đài viết ra bằng chữ “AMOUR” tại Tịnh Tâm Đài Tòa Thánh Tây Ninh, cũng như tại tiền đình của tất cả Thánh Thất.

Còn trường hợp con trai của ông bà Cấp Cô Độc, một người

chỉ biết chạy theo uy quyền danh vọng, tham của mê tiền, ấy vậy mà cũng vẫn chứng quả được. Đó là nhờ tâm tỉnh thức, thấy rõ đời là vô thường, tiền bạc vốn không, tất cả đến rồi đi, có rồi không, còn rồi mất nên đã giác ngộ. Nhờ trí tuệ giác ngộ qua những lần thọ bát quan trai và đi nghe pháp nên thâm thấu và tâm chứng, do đó mà không còn đam mê tiền bạc, danh vọng nữa, vì thế cũng đắc được quả Thánh.

Đây là kết quả của tâm giác ngộ, của trí tuệ thấy rõ tánh không của ngã và pháp được đạo Phật gọi là Trí Bát Nhã, đạo Cao Đài gọi là Trí Vô Đối, một đức tính thứ hai cũng của tất cả các vị Phật mà đạo Cao Đài viết ra bằng chữ “JUSTICE” đặt tại Tịnh Tâm Đài Tòa Thánh Tây Ninh cũng như tại tiền đình của tất cả các Thánh Thất.

Tóm lại, ông bà Cấp Cô Độc cùng các con và gia nhân trai gái chứng quả trong khi vẫn còn là người tại thế, tu tại gia. Chạm chí bà Cấp Cô Độc đã đắc quả trước khi qui y, và ông Cấp Cô Độc cũng đắc quả ngay lần đầu gặp Phật. Vậy thì việc đắc pháp hay đạt đạo không nhất thiết là do tu xuất gia hay tại gia, xuất thế hay tại thế, tu sĩ hay cư sĩ.

Bất cứ ai mà nếu chuyển được tâm là có thể tu đắc quả, dù là ở bất cứ nơi đâu. Vấn đề tu đắc đạo hay không là nhờ chuyển tâm chứ không do chuyển cảnh.

Kinh Phật đã chỉ rõ việc này và cách tu của Đạo Cao Đài là một minh chứng.

B- Thứ hai: Đây là trường hợp của vua Tịnh Phạn, phụ thân của đức Phật Thích Ca.

Vua Tịnh Phạn sau khi nghe đức Phật Thích Ca, thuyết đạo đã chứng quả A La Hán, tức đạt được Hữu Dư Niết Bàn tại

thể trong lúc đức Vua vẫn còn ở tại Hoàng Cung, vận triều phục hoàng đế. Như vậy thì việc đắc quả rõ ràng không bắt buộc phải là đầu tròn áo vuông, cũng không bắt buộc phải là xuất gia thoát tục.

Kết luận về trường hợp của vua Tịnh Phạn và gia đình ông Cấp Cô Độc, cả hai xác nhận rằng trong việc chứng quả hay đạt đạo không hề có sự phân biệt giữa cư sĩ và tu sĩ, giữa xuất gia và tại gia, giữa tại thế hay thoát tục mà Thiều Thất Lục Môn đã có nói rất rõ.

1)-THIẾU THẤT LỤC MÔN:

Thiếu Thất Lục Môn của đạo Phật hay Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất của đức Bồ Đề Đạt Ma, đặc biệt là tại ***Cửa Thứ Năm Ngộ Tánh Luận và Cửa Thứ Sáu Huyết Mạch Luận*** có nói như sau: “Phật ở trong tâm như trầm hương ở trong cây. Mới biết ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật. Lìa tâm không Phật. Lìa Phật không tâm. Khi mê thì Phật độ chúng sanh. Khi tỉnh thì chúng sanh độ Phật...”

Nếu thấy tâm mình là Phật thì không cần cắt tóc cạo râu. choàng áo trắng vẫn là Phật. Nếu không thấy Tánh thì cắt tóc cạo râu vẫn là ngoại đạo.”⁹

Những điều mà Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất vừa nói trên đây cũng đã được xác nhận bởi Pháp Bảo Đàn Kinh của Lục Tổ Huệ Năng và Kinh Duy Ma Cật của Phật Giáo Đại Thừa.

2)- KINH DUY MA CẬT:

Kinh Duy Ma Cật của Phật Giáo Đại Thừa chủ trương tu tại thế và tu nhập thế, đặc biệt là tán thán những ai tu tại gia, vì

9- Sáu cửa vào động Thiếu Thất - Như số 7 - Trang 157.

giới tu tại gia có nhiều ràng buộc, lắm chướng duyên hơn xuất gia, thế mà vẫn tu được thì đó mới là đáng quý, đó mới là cao cả.

Kinh này khuyến khích tích cực vào đời để cứu độ chúng sinh và nói rõ rằng không phải vào ở trong chùa mới tu có kết quả, mà trái lại bất cứ ai ở bất cứ nơi nào cũng tu được.

Vấn đề là ***chuyển tâm chứ không chuyển cảnh***, nghĩa là ở nhà tu cũng được, lên núi tu cũng được chứ không nhất thiết phải vào chùa mới tu được, chứng ngộ được. Chứng ngộ chẳng là do ở Tâm. Tâm bình thì thiên hạ bình. Tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh.

Nói rõ hơn là với tâm thì không có phân biệt nơi chốn rừng, núi, nhà, chùa, cũng không hề có phân biệt nam nữ, nghèo giàu, sang hèn, già trẻ v.v. ***Bất cứ ai nếu được tâm thanh tịnh thì sẽ có đạo tràng thanh tịnh.***

Nói khác hơn, thanh tịnh hay không là do bởi nơi tâm, vì thế nếu tâm đã thanh tịnh rồi, và khi được giác ngộ giải thoát rồi thì ai ai cũng đều giống như nhau, tất cả đều có Thánh Tâm Phật Tánh, giống nhau chứ chẳng khác chi nhau, là một chứ chẳng hai, mà Thiên Nhân đạo Cao Đài dạy rõ chỉ có “Một” chứ chẳng phải hai.

Đó cũng chính là ***lý Bất Nhị của Phật Giáo***, một trong những giáo lý cao siêu nhất, căn bản nhất, là nền tảng của Phật Pháp vẫn dạy chẳng có hai, cũng như Khổng Giáo với lời nói của đức Khổng Phu Tử “Ngô đạo nhất dĩ quán chi,” và đức Lão Tử với Chương 2 của Đạo Đức Kinh giải rõ lý Bất Nhị, hay cái lý ẩn tàng trong Thiên Nhân của đạo Cao Đài là “Vô - hữu tương sanh, nan dị tương thành, trường

đoản tương hình, cao hạ tương khuynh, âm thanh tương hòa, tiền hậu tương tùy”, tức Có và Không sinh lẫn nhau, dễ và khó tạo nên nhau, ngắn và dài làm rõ cho nhau, cao và thấp lại dựa vào nhau, âm và thanh lại hòa lẫn nhau, trước và sau lại cùng theo nhau, nghĩa là tất cả không hai,

Vậy thì thôi nói hai làm gì, phân biệt làm chi người xuất gia kẻ tại thế mà chỉ nên nhớ rằng ai cũng có tâm, mà tâm tức Phật. Phật tức tâm, cũng có nghĩa là Phật ở tại tâm, chớ chẳng do có tóc râu hay không râu tóc mà trường hợp Lục Tổ Huệ Năng là một điển hình.

3)- LỤC TỔ:

Lục Tổ Huệ Năng được trao y bát để làm tổ Thiền Tông thứ sáu trong khi Ngài vẫn còn để tóc râu, lam lũ cặm cùi lo giã gạo ở dưới nhà bếp chớ nào được vô chánh điện, càng không thể vào dự lớp giảng giáo lý của Thượng Tọa Thần Tú¹⁰ vị giáo phẩm mà tất cả đồ chúng trong chùa cũng như

10- **Thần Tú (605-706):** *Còn được gọi là Ngọc Tuyên Thần Tú, là môn đệ của Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn. Theo truyền thuyết, Thần Tú thua cuộc trong việc chọn người nối pháp của Hoàng Nhẫn và Huệ Năng được truyền Y Bát. Mặc dù vậy sư vẫn tự xem mình là người nối pháp Thiền và sáng lập ra Bắc Tông Thiền, một dòng Thiền vẫn còn mang nặng sắc thái Ấn Độ với bộ Kinh Nhập Lăng Già làm căn bản.*

Sư thuở nhỏ học nho giáo nhưng không hài lòng. Sau đó năm 46 tuổi đến núi Hoàng Mai thọ giáo với Thiền Sư Hoàng Nhẫn. Sau khi Hoàng Nhẫn viên tịch Sư rời Hoàng Mai. Dòng Thiền của Sư tàn lụi sau vài đời, có lẽ vì liên hệ chính trị nhiều với Vương triều (theo Tự Điển Phật Học - Ban Biên Dịch Đạo Uyển. NXB Tôn Giáo 2006 – Trang 598).

quan Biệt Giá bên ngoài, ai ai cũng vẫn cứ tưởng là người duy nhất xứng đáng để kế thừa ngôi vị Tổ, thế mà lại không.

Ở đây, vấn đề chẳng phải chức tước, phẩm trật, mà chủ yếu là tâm đã chuyển đến đâu, Tánh đã thấy hay chưa, chớ nào phải tóc râu đã cạo, hớt rồi hay chưa cạo, chưa hớt.

Mặc dù tóc râu chưa cạo, với dáng dấp rõ ràng của một người chạy nạn khi đang bị một đám đông thuộc phe Thần Tú ráo riết rượt theo để mong giành lại bát y, thế mà khi đến làng Tào Hầu thuộc Thiệu Châu gặp được nho gia Lưu Chí Lược lấy lễ mà đãi nên Ngài vào ở nhà của Chí Lược và tiếp xúc với bà cô của gia chủ là Ni Sư Vô Tận Tạng.

Lục Tổ đã gây kinh ngạc khi Ngài giảng kinh Niết Bàn cho Tỳ Kheo Ni này nghe và bà vô cùng khâm phục truyền rao cho đại chúng mau đến để cúng dường. Ở đây, Lục Tổ chứng minh cho thấy việc thấu tỏ vô thượng thậm thâm vi diệu pháp, mà nói rõ hơn là việc đạt được đạo hay không chẳng liên quan gì đến đầu tóc hay tóc râu, tu sĩ hay cư sĩ.

Tu sĩ như Pháp Sư Ấn Tông, vị Tỳ Kheo trụ trì chùa Pháp Tánh ở Quảng Châu, thế mà khi gặp Tổ Huệ Năng sau câu chuyện Phong Phan ¹¹ cũng đã hoàn toàn bái phục vị cư sĩ

11- Phong Phan: Là câu chuyện trong Pháp Bảo Đàn Kinh. Chuyện xảy ra trước sân chùa Pháp Tánh, Quảng Châu. Có hai vị tăng đứng trước sân chùa nhìn lá phướn treo trên cột phướn bay phát phơ trước gió. Một sư nói gió động. Sư khác nói phướn động. Hai sư cãi nhau và không ai chịu thua. Lục Tổ Huệ Năng vừa đi đến, nghe và nói với hai vị Tăng rằng “Không phải gió động, cũng không phải phướn động, mà tâm của hai ông động.” Phong Phan là câu chuyện của gió và phướn.

vẫn còn chừa tóc, để râu. Chính Pháp Sư đã tự tay xuống tóc cho cư sĩ trở thành tu sĩ, và tôn Ngài làm thầy rồi tập hợp tăng chúng cũng như đại chúng đến với Ngài để mong học đạo. Như vậy, thêm một lần nữa, có thể nói rằng tất cả chúng sanh dù xuất gia hay tại gia thì chẳng có gì là khác nhau cả, nếu kể về Phật Tánh Thánh Tâm.

Dù là xuất gia hay vẫn tại gia cả hai đều có liên quan mật thiết với nhau. Xuất gia lo tu, tại gia lo cúng dường; hoặc xuất gia tu giúp tại gia tu; hay xuất gia tu, tại gia cũng tu; cả hai đều cùng tu được cả. Cả hai cùng đều có Phật Tánh và cả hai đều có thể thành Phật như nhau, nếu có thể nói mà chẳng sợ sai, đó là cả hai cũng như tất cả đều giống nhau và có liên quan mật thiết cùng nhau.

Với sự liên quan mật thiết cùng nhau giữa tất cả mọi người, giữa mọi giai tầng trong xã hội, vậy thì vấn đề ở đây là phải làm sao đem được Đòi vào Đạo hay đem Đạo đến với Đòi mà tôn giáo Cao Đài ngày nay với đường lối tu tại thế, cũng không ngoài mục đích tối thượng là tìm sự chứng ngộ và giải thoát ngay giữa thế gian này, ngay tại cuộc đời này, để tự lợi rồi lợi tha, tự giác rồi lại giác tha vì chúng sanh vẫn còn có mê lầm, vẫn còn đau khổ thì một tôn Tôn Giáo cũng như bất cứ tôn giáo nào thực hành Bồ Tát Đạo cứu độ quần sanh cũng đều phải vào đời, cũng phải tìm đến chúng sanh để mà thương yêu, để mà cứu độ, để mà giác ngộ.

Đây mới đúng là tìm giác ngộ tại thế gian và cứu độ cũng ngay tại thế gian, một giáo pháp nào khác xa Phật pháp vì theo giáo lý nhà Phật thì “Phật pháp bất ly thế gian pháp” và cõi nước của đức Phật Thích Ca chính là thế giới ta bà này.

Vậy thì ngày nay tín đồ Cao Đài ở ngay tại thế giới ta bà

này, ở ngay tại cõi trần này, ở giữa dòng đời, giữa thế gian, giữa lòng dân tộc, lòng nhân loại để mà tu với cách tu tại thế nhưng không thiếu phần nhập thế và xuất thế, tùy thời, tùy lúc, tùy cơ để tự độ mình và kế tiếp theo đó là độ đời nâng đạo.

Có phải chăng đây là cách tu của một Tân Tôn Giáo, cách tu của những người vẫn còn có gia đình, vẫn có vợ con, vẫn còn râu tóc, một cách tu mà trước đây một Thánh Đức Thái Tử Nhật Bản đã chọn ba quyển Kinh để cho đồ chúng Nhật tu,

Đó là kinh Duy Ma Cật, Kinh Thắng Man và Kinh Diệu Pháp Liên Hoa và một phần yếu chỉ cũng như giáo lý dạy trong các Kinh này nào có cách xa chi với giáo lý cũng như cách tu của đạo Cao Đài mà ngày nay Phật Giáo Đại Thừa Nhật Bản cũng đang nhờ đó để mà tu.¹²

Đến đây, trước khi viết lời kết luận về đề tài “Tu tại thế” với nhiệm vụ là Hướng Dẫn Viên Chương Trình Giáo Lý 2008, người viết lại thấy có một vấn đề mới cần được đặt ra.

Vấn đề này có thể liên quan phần nào đến con đường tu, mà đặc biệt quan trọng nhất là việc hoằng khai Đạo pháp của Tân Tôn Giáo Cao Đài ra quốc ngoại trong tương lai, do đó

12- **-Thánh Đức Thái Tử:** *Con trai thứ của Hoàng đế Yo-mei Nhật Bản. Thái tử học đạo với một vị tăng Cao Ly đến Nhật Bản để truyền bá Phật pháp. Thái tử là người có trách nhiệm rất lớn trong việc truyền bá kiến thức Phật học đầu tiên ở Nhật. Ông viết các luận giải về kinh Thắng Man, kinh Pháp Hoa, kinh Duy Ma Cật. Ông có gọi nhiều đoàn sứ giả sang Trung Hoa để thu thập kinh điển Phật giáo (Tự Điển Phật Học. Đạo Uyển. NXB Tôn Giáo 2006, trang 586).*

mà người viết xin nêu lên với thể hệ kế thừa, đặc biệt là với Hiền Tài Dự phong và Thanh Niên Đại Đạo nói riêng và với đồng Đạo nói chung.

Tâm tư này của người viết không ngoài mục đích là cố mong đền đáp được phần nào ơn đức quá thâm sâu của Đạo mà người viết vẫn nặng mang cho đến ngày giờ này.

Chư vị, đặc biệt là thể hệ kế thừa Hiền Tài Dự Phong cũng như Thanh Niên Đại Đạo nghĩ thế nào về sự gần nhau trên phương diện giáo lý và cách tu hay sự tìm đến với nhau trong tinh thần hòa ái tương liên của người Phật, tôn giáo Phật. Có phải là một sự ngẫu nhiên, hay do Thiên cơ định sẵn, hoặc vì một lý do nào đó mà kể từ trước năm 1975 đến nay đã có nhiều biến chuyển khả dĩ có thể giúp cho đạo Cao Đài hoàng khai ra quốc ngoại, nhưng hình như mãi đến ngày nay vẫn chưa có sự xem xét kỹ vấn đề này.

Có cần tìm hiểu tường tận tại sao mà trước năm 1975, đạo Cao Đài được mời sang Nhật Bản, và sau năm 1975 lại có nhiều phái đoàn, nhiều Giáo phẩm người Nhật đến Hoa Kỳ và Úc Châu để tìm hiểu đạo Cao Đài. Với Omoto giáo của Nhật, chư vị Chức sắc cũng như toàn thể tín đồ Cao Đài, nhất là Hiền Tài dự phong và Thanh Niên Đại Đạo Thanh Niên hiểu như thế nào?

Cơ bút và giáo lý của Omoto giáo như thế nào? Có sự gần gũi nào không? v.v. Tại sao lại có sự tìm đến và biểu lộ tình thân thiện với mục đích thấy rõ là hoàn toàn vì Đạo pháp và tương liên hành thiện.

Ngoài ra, còn có cách tu của Phật giáo Đại Thừa Nhật Bản, một cách tu có phần nào gần gũi với cách tu của đạo Cao

Đài mà nếu chẳng có gì cao siêu thì tại sao lại có sự hiện diện của Thiền Sư Daisetzteitaro Suzuki, một vị Thiền sư danh tiếng lẫy lừng tại Nhật Bản và vang danh trên thế giới, đã viết ra bộ Thiền Luận gồm ba quyển dài 1320 trang, được dịch sang ngoại ngữ.

Thiền Sư Suzuki vừa là Thiền Sư mà cũng vừa là Tân Tăng của Đại Thừa Phật Giáo Nhật. Với phận sự là một Thiền Sư và là một Tân Tăng khi ra hóa độ hoằng pháp lợi sinh, Ngài Suzuki cũng lập gia đình có vợ con như bao nhiêu người thế tục.

Như vậy về Đại Thừa Phật Giáo Nhật, chúng ta nói chung và Hiền Tài Dự Phong cũng như Thanh Niên Đại Đạo nói riêng đã có biết như thế nào?

Cách “Tu tại thế” của hai tôn giáo Cao Đài và Đại Thừa Nhật có điểm nào giống nhau không?

Cách tu của Phật Giáo Đại Thừa Nhật có thể nào giúp cho việc Phổ Độ của đạo Cao Đài dễ mở rộng ra năm châu bốn biển không? Đạo Cao Đài đã có ai cho người Nhật biết “RỒ - ĐẦY ĐỦ VÀ ĐÚNG” Mục đích, Tôn chỉ, Giáo lý cũng như cách tu của Tân Tôn Giáo Cao Đài chưa, mà đó cũng là để biểu lộ phần nào tấm lòng ưu ái phải chăng do chẳng thấy khác xa nhau.

Với đạo sự này, kính xin chư Chúc Sắc, chư Tôn Đức, chư Thiện Tri Thức đạo tâm, mà đặc biệt nhất là thế hệ kế thừa, nói rõ hơn là Hiền Tài Dự Phong và Thanh Niên Đại Đạo xem coi có nên lưu tâm không?

Với Hiền Tài Dự Phong và Thanh Niên Đại Đạo người viết xin được xưng danh bằng cách ghi lại đây lời dạy của Đức

Hộ Pháp qua hai lần thuyết đạo tại Đền Thánh đêm 28-6 Mậu Tý (3-8-1948) với đề tài Hội Thánh là gì, và ngày 12.7 Mậu Tý (1948) trong Huân từ mãn khóa Hạnh Đường.

Trong hai lần ấy Đức Ngài có nói rõ như sau: ***“Trong đám anh em chúng ta ngồi đây cùng sắp em nhỏ kia, trong đó cũng có vị Phật, Tiên giáng thế... Chư Thần, Thánh, Tiên Phật đến ngày giờ định họ sẽ đến... Qua không biết em nào, song qua biết rằng đã có”***¹³ Đức Ngài đã nói rõ quá! Để lo cho Đạo, Đức Ngài kỳ vọng nơi chư vị đạo tâm mà đặc biệt nhất là thế hệ kế thừa, thế hệ của “sắp em nhỏ kia, trong đó cũng có vị Phật Tiên giáng thế.”

Mong thay chư vị đạo tâm, thế hệ kế thừa, quan trọng nhất là Hiền Tài Dự Phong và Thanh Niên Đại Đạo thương Đạo cứu Đời.

Để kết luận, một lần nữa xin được minh định rằng khi viết bài này, người viết không hề có ý vọng động nói cao thấp, dở hay, hoặc so sánh cách tu này với cách tu khác, hay tôn giáo này với tôn giáo khác, nhất là với đạo Phật mà người viết vẫn luôn luôn kính trọng. Người viết chỉ có một ước vọng duy nhất là dựa vào những điển tịch, những nhân vật, những sự việc đã xảy ra để làm hiển lộ tinh túy Giáo lý của Đạo Cao Đài ẩn tàng trong Thiên Nhân qua Pháp Môn Bất Nhị¹⁴, một trong những Pháp môn quan trọng, căn bản và

13- *Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp năm Mậu Tý - 1948 Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh NXB, Đường Sáng- San Jose, California USA 1996, trang 147-172.*

14- *Pháp Môn Bất Nhị: hay Lý Bất Nhị tức Pháp Môn không hai - Kinh Duy Ma Cật - Định Sĩ Trang - Năm 2002 - National Library of Australia Cataloguing in Publication Data ISBN 09585294 3 4, chương 9, trang 250.*

cao siêu nhất của đạo Phật

Nói rõ hơn, Thiên Nhân của đạo Cao Đài cũng như Lý Bất Nhị của đạo Phật, ngoài những bí pháp ẩn tàng khác, còn dạy người tu chớ nên phân biệt. Xuất gia và tại gia nào có khác chi nhau, vì tu tại thế hay tu thoát tục đều cũng nhằm cho sáng cái Tâm, thấy cái Tánh, thấy rõ “Thiên Mạng Chi Tánh” của mình, đó là Tánh Trời, Tánh Phật mà hễ bất cứ ai dù xuất thế hay tại gia, nếu thấy được Tánh là có thể tu đạt Đạo.

Với bài này, người viết có hai mục đích:

1- Mục đích thứ nhất, với nhiệm vụ là Hướng Dẫn Viên trong Chương trình Giáo Lý 2008, muốn trình bày với chư liệt vị Tham Dự Viên và toàn Đạo rằng “tu tại thế như đạo Cao Đài đang tu vẫn chứng quả nghĩa là vẫn siêu thăng và giải thoát”.

2. Mục đích thứ hai, cũng không kém phần quan trọng là nhân bài viết này để có đôi lời tâm huyết với thế hệ kế thừa là làm sao cố gắng tiếp tay vào việc hoằng khai Đại Đạo.

Bài viết này chắc không tránh khỏi sơ sót, nhất là không thể viết hết được trong khuôn khổ một Chương Trình Giáo Lý mà vẫn đã vượt qua. Vậy người viết xin cáo lỗi và kính xin Chư Chức Sắc, Chư Tôn Đức, Chư Thiện Tri Thức, Chư vị Tham Dự Viên và toàn thể Đồng Đạo, Nhon sanh niệm tình chỉ giáo./.

(QS. Lê văn Thêm)

Chữ Tâm
trong truyện Kiều hiểu theo tinh thần
Tam Giáo Đạo Cao Đài
Tiến Sĩ Lê Tấn Tài (Úc Châu)

Chữ Tâm **trong truyện Kiều hiểu theo tinh thần** **Tam Giáo Đạo Cao Đài**

Tiến sĩ Lê Tấn Tài (Úc Châu)

“Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.”

Tố Như tiên sanh tự hỏi, không biết 300 năm sau, có ai là kẻ tri âm, khóc với nỗi niềm tâm sự tiên sanh gởi gắm trong truyện “Đoạn trường tân thanh” (còn gọi là truyện Kiều) hay không? Sau khi truyện ra đời, nhiều độc giả đã say mê thưởng thức, khen ngợi, nhưng cũng có một số nghiêm khắc phê bình. Tuy nhiên, giá trị của truyện Kiều vẫn không bị suy giảm vì những lời phê bình gay gắt của ông Ngô Đức Kế: “ai dâm sâu oán, đạo đục tăng bì”, hoặc ông Huỳnh Thúc Kháng: “Truyện Kiều là phong tình hồi dâm không đáng làm sách dạy, gieo cái nọc gió trăng, hoa liễu trong não thiếu niên nam nữ ta”

“Thật vậy, năm 1919, ông Phạm Quỳnh trong tạp chí Nam Phong đã nêu lên vấn đề khảo cứu truyện Kiều, phân tích văn chương truyện Kiều theo lối tây phương, trình bày cái hay, cái đẹp của truyện Kiều, và trong suốt năm năm, ông luôn luôn ca ngợi truyện Kiều về đủ mọi phương diện, chủ trương đem truyện Kiều làm sách giáo khoa. Và ông đã đi đến kết luận trong câu nói tóm tắt, đầy nhiệt tình: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn...”. Nam Phong, số 30, năm 1919 có đoạn bàn về truyện Kiều:

“có cái đức nghiêm của người liệt nữ mà lại có vẻ tình của khách phong lưu, đức hạnh đủ khiến kính, tài tình đủ khiến yêu, giá trị đủ khiến quý, thân thể đủ khiến thương, vì cảnh ngộ mà nặng kiếp đào hoa, trong tình ý vẫn ra người tiết nghĩa, ở nơi ô trọc mà vẫn giữ được tiết thanh cao, gặp cảnh gian nan mà không hề đắm đuối, Kiều nương thật là gồm được bấy nhiêu tư cách, nên ai đọc cũng phải kính, phải thương, phải yêu, phải trọng”¹.

Bàn về tư tưởng của Tố Như tiên sanh gởi gắm trong truyện Kiều, Hồ Đình Chử viết: “Nguyễn Du đã đề cập đến thuyết thiên mệnh, lẽ vô thường gây ra đau khổ, luật thừa trừ “bỉ sắc tư phong” vì trời xanh luôn luôn ghen ghét cái hoàn hảo “tạo vật đố toàn”, để đặt vấn đề tài mệnh tương đố, hồng nhan bạc mệnh.”²

Hà Như Chi cho rằng chữ mệnh của đạo Nho ở đây có ý nghĩa và tác dụng tương tự với chữ nghiệp của nhà Phật. Hồ Đình Chử còn thêm: “Ngoài mệnh và nghiệp dung hòa, Nguyễn Du đã đề ra chữ Tâm:

“Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài”.

Chữ “Tâm” hơn một lần xuất hiện trong lời của đạo cô Tam Hợp:

“Bán mình đã động hiếu tâm đến trời” ,

Và lời nói của hồn ma Đạm Tiên:

1- Việt Nam Thi Văn Giảng Luận, quyển 2, Hà Như Chi, nhà xuất bản Tân Việt, năm 1956, các trang 141, 142, 144)

2- Trích giảng truyện Kiều, Hồ Đình Chử, Sydney, Úc Châu, 1996, trang 288)

“Tâm thành đã thấu đến trời”

“đã động hiếu tâm đến trời” và “tâm thành đã thấu đến trời” như đã trình bày được rõ ràng cái đại ngã của trời và tiểu ngã của người cộng thông trong triết lý Nho học và Đạo học rồi.

Nếu trời là cái muôn sự, cái tất cả, cái không và tâm thành là cái một, cái cá thể, cái sắc, thì “tâm thành đã thấu đến trời” và “bán mình đã động hiếu tâm đến trời” có nghĩa là “nhất cử tề thiên” trong kinh Hoa Nghiêm của Phật giáo nữa. Như vậy, Nho Phật Lão vẫn hội ngộ trong lối giải quyết của Nguyễn Du”³.

Thật vậy, chữ Tâm được Nguyễn Du đề cập trong truyện Kiều rất quan trọng trong tinh thần Tam Giáo Nho Phật Lão của Đạo Cao Đài. Ý nghĩa chữ Tâm sẽ được trình bày theo giáo lý Đạo Cao Đài qua Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Thánh Ngôn Hiệp Tuyển...

Sau đây, xin trích ý nghĩa chữ Tâm trong vài quyển tự điển:

Thiền Chử định nghĩa chữ Tâm: (Tim):

“Đời xưa cho tim là vật để nghĩ ngợi, cho nên cái gì thuộc về tư tưởng, đều gọi là tâm. Phật học cho muôn sự, muôn lẽ đều do tâm người tạo ra, gọi là phái duy tâm. Nhà Phật chia tâm ra nhiều thứ, nhưng rút lại có hai thứ tâm trọng yếu nhất:

- Vọng tâm: cái tâm nghĩ ngợi lan man, xằng bậy.
- Chân tâm: Cái tâm nguyên lai vẫn sáng láng tinh

3- Trích giảng truyện Kiều, Hồ Đình Chử, Sydney, Úc Châu, 1996, trang 288, 289

thông, đầy đủ mẫu nhiệm, không cần phải nghĩ mới biết, cũng như tấm gương trong suốt, vật gì qua nó là soi tỏ ngay, khác hẳn với cái tâm phải suy nghĩ mới biết, phải học hỏi mới hay. Nếu người ta biết rõ cái chân tâm mình như thế mà xếp bỏ sạch hết cái tâm nghĩ ngợi lan man xằng bậy thì tức thì thành đạo ngay.

Nghĩa thứ hai: Tâm là giữa, phàm nói về phần giữa đều gọi là tâm”.⁴ Nghĩa này không nằm trong nội dung đề cập ở đây.

Đoàn Trung Còn định nghĩa chữ Tâm:

Chữ Tâm có những nghĩa về vật chất và về tinh thần.

* Về vật chất, tâm là trái tim, là chỗ chính giữa.

* Về tinh thần, tâm thường dịch nôm là lòng, nghĩa là:

- Lòng dạ, nỗi niềm cảm động, như an tâm, loạn tâm.
- Nội (bề trong), đối với ngoại (bề ngoài), như tâm nhãn.
- Chí, lòng cương quyết; Ý; Thức; Trí.
- Cái linh giác chung của chúng sanh, vạn vật, vũ trụ, tức là tâm linh, thần hồn
- Căn bản, chỗ phát sanh, chỗ trụ cốt.
- Tánh, tức tâm tánh
- Chỗ bí mật.⁵ Chữ Tâm trong bài này căn cứ vào nghĩa về tinh thần.

Hòa Thượng Thích Thiện Hoa cho rằng: “Tâm trong duy

4- Tự Điển Hán Việt, Thiều Chửu, nhà XB Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, Việt Nam, năm 2002, trang 178.

5- Phật Học Từ Điển, quyển 3, Đoàn Trung Còn, không ghi năm và nhà xuất bản, trang 867.

thức học, gọi là “tám thức”, tức 8 cái tâm, gồm nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức, ý căn và tàng thức”.⁶

Đức Nguyên trong Cao Đài Từ Điển giải thích chữ Tâm, xin trích như sau:

“Tâm: lòng dạ. Tánh: tánh tình, tánh nết.

Tâm tánh là lòng dạ và tánh nết.

Tâm tánh tương thông: sự cảm thông lẫn nhau giữa tâm tánh của người này với người khác.

Mỗi người đều có một cái Tâm ẩn khuất bên trong, vô hình vô ảnh, nhưng rất mầu nhiệm thiêng liêng. Người chỉ biết được Tâm chứ không thể thấy Tâm.

Khi Tâm thể hiện ra ngoài bằng cử chỉ, hành động, lời nói thì gọi là Tánh. Thánh Nho nói: Tánh tự Tâm sanh, nghĩa là cái Tánh do từ cái Tâm sanh ra. Do đó, Tâm và Tánh liên hệ chặt chẽ mật thiết với nhau, làm cho đôi khi người ta nghĩ rằng: Tâm cũng là Tánh, mà Tánh cũng là Tâm.

Khi Tâm rung động trước những sự vật biến đổi bên ngoài và Tâm phát tiết ra thì gọi là Tình. Tình ấy do Tâm cảm động mà ra, nên gọi là Tình cảm.

So sánh với chơn linh và chơn thần của con người thì:

- Tâm là chơn linh (Thần).
- Tánh là chơn thần (Khí).

Chữ TÂM, viết theo Hán tự, 心 tượng trưng hình trái tim: ở trên có 3 cái dấu tượng trưng 3 cái cuống (ống dẫn máu),

6- Tu Tâm, Tám quyển sách quý, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, Việt Nam, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, năm 2000, trang 23

ở dưới là cái túi chứa máu.

Ông Trần Đoàn, hiệu là Hi Di, mô tả chữ Tâm 心 và nói ý nghĩa của nó trong 4 câu thơ Hán văn sau đây:

Tam điểm như tinh tượng,	三點如星象
Hoành câu tự nguyệt tà.	橫鉤似月斜
Phi mao từng thử đắc,	披毛從此得
Tổ Phật dã do tha.	做佛也由他

GIẢI NGHĨA:

Ba điểm như hình ngôi sao,
Nét cong nằm ngang như mảnh trăng xế.
Mang lông theo đó mà được,
Nên Phật do đó vậy.

Cái Tâm của con người được ví với trăng sao trên bầu trời, nên nó rất mầu nhiệm cao cả.

Thành Tiên tác Phật cũng do nơi Tâm, mà trở lại làm loài cầm thú mang lông, đội sừng cũng do Tâm.

Nếu người giữ được cái Tâm luôn luôn lương thiện, bác ái và công bằng, thì sẽ trở thành Tiên, Phật.

Nếu người để cho cái Tâm buông lung trở nên vạy tà, gian ác, thì sẽ gây ra biết bao ác nghiệp, nên phải bị đọa đày thành loài quỷ ma, hoặc luân hồi trở lại cõi trần mà làm thú cầm đên bồi tội lỗi.

Ngày xưa, người ta nghĩ rằng, trái tim là chỗ nghĩ ngợi, lo lắng, cũng là nơi phát xuất tình cảm, bởi vì có nhận xét là khi ta vui thì tim ta như nở lớn ra, khi buồn phiền thì trái tim như co thắt lại, khi giận dữ thì tim đập liên hồi. Lần

lần người ta mới khám phá ra là sở dĩ tìm nở lớn hay tìm co thắt là do các dây thần kinh đem mệnh lệnh từ khối óc truyền xuống. Nhưng ai đã ra các mệnh lệnh ấy? Ra các mệnh lệnh ấy chính là một chủ nhân vô hình, ngự tại một nơi kín đáo trong cơ thể con người. Vị chủ nhưn đó được nhiều tôn giáo, nhiều phái triết học, gọi bằng nhiều danh từ khác nhau, nhưng tựu trung thì chỉ có một:

- Người đời thường gọi là: Lương tâm, Linh hồn.
- Nho giáo gọi là: Chơn tâm, Linh giác, Thần minh.
- Lão giáo gọi là: Thiên lương, Huyền quang nhưt khiếu.
- Phật giáo gọi là: Chơn như, Phật tánh, Chơn tâm, Bản lai diện mục.
- Đạo Cao Đài gọi là: Chơn linh, Tiểu linh quang, Tiểu Thượng Đế.

Tâm hay chơn linh, sở dĩ được gọi là Tiểu Thượng Đế là vì nó chính là một điểm Linh quang, được Thượng Đế chiết ra từ khối Đại Linh quang của Ngài để ban cho mỗi người, nên nó có đầy đủ bản chất của Thượng Đế là trọn lành, trọn tốt, linh diệu vô cùng, hướng dẫn con người làm điều hay, sự phải, thuận tùng Thiên lý, để tiến hóa và tiến hóa mãi cho đến khi trở về nguồn cội sanh ra nó là Thượng Đế mới thôi.

Tâm là cái bốn nguyên của Trời phú cho mỗi người để làm cái Thần minh chủ tể trong con người. Cái Tâm này luôn luôn có khuynh hướng thuận tùng Thiên lý, nên gọi là Chánh tâm. Nhờ có Chánh tâm, con người mới có lương tri, lương năng để hiểu biết điều nhưn nghĩa, lẽ phải trái. Người ta sở dĩ không làm được điều nhưn nghĩa như bực

Thánh Hiền, là vì người ta để cho vật dục che lấp cái Tâm.

Cái Tâm của con người sáng suốt, quán cổ, tri kim, hay khiến con người làm điều hay, sự phải, giục con người mến đạo đức, chuộng tinh thần, biết thuận theo Thiên lý. Nhưng người phải nhớ lấy, đừng cho lòng dục dấy lên, thì tội tình gây ra mãi. Cái Tâm là thiện, là sáng suốt, nhưng bị vật dục bên ngoài đưa đẩy vào, làm cho choáng hết cái thanh quang, sanh lòng quấy quá.

Người quân tử bao giờ cũng giữ cái Tâm cho thanh bạch, tịnh an, không cho phóng túng, chạy bậy ra ngoài. Biết cách gìn giữ cho định cái Tâm, rồi thì trăm mạch lưu thông khí huyết, nhưn dục tịnh tận, Thiên lý lưu hành.

Tâm Tánh không không, chẳng một vật chi dính vào. Ấy là: Vạn pháp qui tông, Ngũ hành hiệp nhất. Chớ con người để cho cái Tâm buông lung, thì sự chết một bên chơn, quỷ vô thường chức rước. Vậy người phải suy cặn, nghĩ cùng.

Con người nên làm chủ cái Tâm, gìn cái ý, mà bảo tồn lấy Tam bửu, Ngũ hành. Tam bửu là báu nhất của con người: thành Phật Tiên cũng do đó, mà làm ma quỷ cũng tại đó.

“Tiên phạm cũng bởi tại Tâm ra,

Tâm vậy thì làm những quỷ ma.

Tâm chánh còn nuôi thành Thánh đức,

Tiểu nhân vì bởi mất đi mà.” (Đại Thừa Chơn Giáo)

Đạo Cao Đài gọi Tâm là Tiểu linh quang, hay điểm linh quang, vì nó được chiết ra từ khối Đại linh quang của Thượng Đế, nên nó có đầy đủ bản chất của Thượng Đế. Đức Chí Tôn Thượng Đế có dạy rằng:

“Bạch Ngọc từ xưa đã ngự rồi,

Cần gì hạ giới vọng cao ngôi.
Sang hèn trời kệ, Tâm là quý,
Tâm ấy tòa sen của Lão ngôi.”

Đức Chí Tôn cũng có nói rằng:

“Nơi lòng Thầy ngự, động Thầy hay” .

Thánh Nho cũng có nói:

“Nhơn tâm sanh nhứt niệm, Thiên Địa tất giai tri.”

Nghĩa là: “Cái Tâm của con người sanh ra một niệm thì Trời Đất ắt hẳn đều biết rõ”. Thầy đã nói rằng, nơi thân phàm các con mỗi đứa, Thầy đều cho một chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sinh tồn. Thầy tưởng cũng chẳng cần nói, các con cũng hiểu rõ rằng: Đấng chơn linh ấy vốn vô tư, mà lại đặng phép giao thông cùng cả chư Thần, Thánh, Tiên, Phật và các Đấng trọn lành nơi Ngọc Hư Cung, nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa Phán xét. Bởi vậy, một mảy không qua, dữ lành đều có trả, lại nữa, các chơn linh ấy, tánh Thánh nơi mình, đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi, mà còn dạy dỗ các con, thường nghe đời gọi lộn lương tâm là đó. Bởi vậy, chư Hiền và chư Thánh Nho nói rằng: “Khi nhơn tức khi Tâm, hoạch tội ư Thiên vô sở đảo dã”. Như các con nói dối, trước chưa dối với người, thì các con đã nói dối với lương tâm, tức là chơn linh. (Thánh Ngôn Hợp Tuyển)

Đức Phật Mẫu giảng cơ tại Báo Ân Từ ngày 15-8, năm Đinh Hợi (1947) dạy về chữ Tâm như sau: “Đời hay Đạo cũng vậy, muốn lập nền tảng cho sự thái bình, phải cần lập Tâm cho chơn chánh, đĩnh đạc, để gieo sự hòa nhã yêu đương, rồi mới mong tề gia trị quốc. Bạo tàn áp bức, oai võ

chế kềm, chẳng qua là tạo cảnh khổ về sau, không trường tồn được.

Vậy cần trau dồi chữ Tâm cho lắm! Cái thất bại của Đạo và Đời vừa qua là nơi kẻ cầm quyền không trọn tâm đức và nếu được hòa hiệp thành một khối chặt chẽ rồi, thì các con mới dịu dặt như sanh khỏi lo lắng.

Mỗi người đều có một cái Tâm, đó là chơn linh hay điểm linh quang do Đức Chí Tôn ban cho mỗi người để làm một vị Thần minh chủ tế con người.

“Gắng sức trau dồi một chữ Tâm,
Đạo đời muôn việc khỏi sai lầm.
Tâm thành ắt đạt đường tu vững.
Tâm chánh mới mong mối Đạo cầm.
Tâm ái như sanh an bốn biển.
Tâm hòa thiên hạ trị muôn năm.
Đường Tâm, cửa Thánh dầu chưa vẹn,
Có buổi hoài công bước Đạo tầm.”

Do đó, bản chất của Tâm là:

- Lương thiện, chơn chánh, nên gọi nó là Lương tâm, ưa đạo đức, chuộng tình thần, thuận tòng Thiên lý.
- Sáng suốt, phân biệt thiện ác, chánh tà, tốt xấu, tức là có được lương tri, lương năng.
- Dao động luôn luôn theo sự biến đổi của cảnh vật bên ngoài, nên gọi là “Tâm viên, ý mã” (Tâm như con khỉ, ý như ngựa).

Thất tình lục dục luôn luôn chực chờ, lấy sự thỏa mãn vật dục làm miếng mồi ngon nử cái Tâm đi theo đường tà của chúng. Cho nên, chỗ tối yếu của huyền năng chánh pháp

là Tịnh Tâm, để điều khiển lục dục thất tình, hướng chúng vào đường cao thượng. Nhơn dục được lắng yên thì mới vệt được vô minh, Tâm mới tỏ.

Tâm và Tánh rất quan trọng và liên quan mật thiết với nhau như thế, nên trong các phép luyện đạo của Tam Giáo đều chú trọng luyện Tâm và Tánh. Tâm và Tánh của con người cũng đồng như một, song Tâm là chủ tể, Tánh là chủ động, nghĩa là còn ở trong thì là Tâm, khi đã phát ra ngoài là Tánh.

Cái Tánh của con người thì bốn thiện, sở dĩ con người làm ác là vì cái Tánh bị nhiễm trước trần và cái Tâm bị lục dục thất tình che lấp.

Nho giáo dạy: Tồn Tâm Dưỡng Tánh, tức là giữ cái Tâm cho còn cái bản nguyên, chí thiện chí mỹ của nó, mà nuôi dưỡng cái Tánh cho luôn luôn được chơn chánh thiện lương.

Phật giáo dạy: Minh Tâm Kiến Tánh, tức là phép Đốn ngộ, trực chỉ vào Tâm, kiến Tánh thành Phật.

Tiên giáo dạy: Tu Tâm Luyện Tánh, tức là luyện Tam bửu (Tinh, Khí, Thần) hiệp nhất.

Tâm và Tánh được các Đấng Giáo Chủ Tam Giáo giảng dạy mỗi vị một cách khác nhau, dùng những từ ngữ khác nhau, nên làm cho kẻ hậu học rất khó khăn trong việc tìm hiểu cho đúng đắn. Ngày nay, thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Chí Tôn Thượng Đế dùng huyền diệu cơ bút dạy Đạo cho nhơn sanh, đã chỉ rõ Tâm và Tánh là cái gì, nguồn gốc của nó từ đâu, để nhơn sanh thấy rằng, tuy Tâm và Tánh được gọi bằng nhiều danh từ, nhiều cách, nhưng chỉ còn một chơn lý mà thôi.

TÂM chính là điểm Linh quang của Đức Chí Tôn chiết ra từ khối Đại Linh quang của Ngài để ban cho mỗi người làm chơn linh hay linh hồn.

TÁNH chính là chơn thần, do Đức Phật Mẫu ban cho để làm xác thân thiêng liêng bao bọc linh hồn. Nhờ có chơn thần mà con người đầu kiếp xuống cõi trần để có thêm một xác thân phàm.

Do đó, con người nơi cõi trần đều có đủ Tâm và Tánh. Đức Chí Tôn cho con người đầu kiếp xuống cõi trần là để học hỏi và tiến hóa, tiến hóa mãi đến mức Tâm và Tánh tận thiện, tận mỹ, chí diệu chí linh, để hiệp nhứt vào Chơn lý hằng hữu bất biến.”⁷

Trương Hoành Cừ, Nho Giáo, còn phân biệt Tính (tánh) làm “Thiên địa chi tính và khí chất chi tính”, tính thiện là tính của trời đất phú cho, tính ác là tính của khí chất sinh ra.⁸

Trình Y Xuyên cũng nói: “Ở trời làm mệnh, ở người làm tính (tánh), luận cái sở chủ thì làm tâm. Tính là cái lý của tâm vậy, tình là sự động của tính, tâm là cái chủ của tính tình”⁹

Xét qua ý nghĩa của Tâm, cùng quan sát hành động của các nhân vật trong truyện Kiều, thì hành động là thể hiện

7- Cao Đài Từ Điển, Đức Nguyên, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, năm 1997, các trang 178-189

8- (Nho Giáo, Trần Trọng Kim, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, năm 1991, trang 482

9- Nho Giáo, Trần Trọng Kim, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, năm 1991, trang 505

cái tâm của từng nhân vật để định giá trị tốt xấu, thiện ác.

Hà Như Chi chia nhân vật truyện Kiều làm hai loại: “Loại làm hại Kiều, tàn ác, bất lương, chẳng khác nào những tay sai của thần bạc mệnh, làm cho Kiều phải đau khổ và loại có thiện cảm với Kiều, bênh vực và che chở nàng. Loại thứ nhất gồm có Ứng, Khuyển, Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Hoạn Thư, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến. Loại thứ hai là những kẻ có bụng tốt đối với Kiều, hoặc vì tình ái, hoặc vì nhân đạo mà ra sức để nâng đỡ Kiều, như Thúy Vân, Vương Quan, Thúc Sinh, Từ Hải, Kim Trọng...

Nhóm người có tâm ác, bị lòng tham dục làm lu mờ lương tri, nhân cách, Nguyễn Du vẽ ra những nhân vật xấu xa, độc ác:

Tú bà:

“Thoát trông nhờn nhợt màu da,
Ăn gì cao lớn đẩy đà làm sao”.

Mã Giám Sinh:

“Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao
Trước thầy sau tớ xôn xao...”

Sở Khanh, kẻ chuyên môn dụ dỗ, tán tỉnh đàn bà, con gái:

“Một chàng vừa trạc thanh xuân,
Hình dung chải chuốt, áo khăn dụi dàng.”

Hoạn Thư, người đàn bà ghen sâu độc, đã làm cho nàng Kiều phải một phen chua cay, điêu đứng nhất trên bước đường gian truân của nàng:

“Ở ăn thì nết cũng hay,
Nói điều ràng buộc thì tay cũng già”.

Hà Tôn Hiến là một ông quan có tài, nhưng hành vi đê tiện. Không thể dùng võ lực dẹp Từ Hải, Hồ Tôn Hiến phải bày ra kế dụ hàng, rồi sau không giữ lời hứa, lừa giết Từ Hải.

Hồ thành công phần lớn cũng nhờ Kiều, thế mà sau khi Từ Hải chết, Hồ không cho Kiều trở về quê hương, lại còn bắt Kiều hầu rượu, đánh đàn, vui đùa lơ lã. Đáng ghét hơn hết là cái hành vi “giữ thể diện” của Hồ, vì sợ “quan trên nhắm xuống, người ta trông vào”, nên đem gả ép Kiều cho thổ quan, làm cho nàng Kiều cay đắng phải nhảy xuống sông Tiền Đường để kết thúc cuộc đời bạc mệnh.

Những nhân vật có tâm nhân ái, lương tri sáng suốt, như Thúy Vân thùy mị, đoan trang, hồn nhiên, vô tình, sống cái cuộc đời không sóng gió của một người vợ hiền. Vương Quan có tư cách đứng đắn, nghiêm trang, hòa nhã. Từ Hải, người anh hùng đất Việt Đông, là một hình ảnh xuất sắc của truyện Kiều. Với một nét bút mạnh dạn, rắn rỏi, Nguyễn Du đã vẽ nên một Từ Hải oai dũng, hiên ngang khác thường, hình dung lẫm liệt đi đôi với một chí khí hào hùng. Kim Trọng, chàng là người tình nhân lý tưởng của đời Kiều. Chàng là cái mộng của biết bao thiếu nữ thuộc về thời văn minh Nho học. Chàng trẻ, đẹp, một cái đẹp hơi mềm yếu, phục sức ưa những màu thanh, nhu, lời lẽ dịu dàng, đi đứng êm nhẹ:

“Đề huề lưng túi gió trăng
Sau chân theo một vài thằng con con.
Tuyết in sắc ngựa câu dòn
Cỏ pha màu áo nhuộm non da trời.
Nẻo xa mới tỏ mặt người,

Khách đà xuống ngựa, tới nơi tự tình
Hài vãn lần bước dặm xanh
Một vùng như thể cây quỳnh cành giao...”.¹⁰

Dựa vào ý nghĩa chữ Tâm để xét đoán những nhân vật xung quanh nàng Kiều, có thể phân chia làm hai hạng như trên. Sau đây, xin phân tích thái độ, tư tưởng và tâm lý của nhân vật chánh, nàng Kiều, dựa vào sự phân biệt của “thiên địa chi tánh và khí chất chi tánh” được Trương Hoành Cừ đề cập. Hà Như Chi nhận xét: “Thúy Kiều là một người con gái tài sắc tuyệt trần mà phải sống một cuộc đời vô cùng đau khổ. Sự đau khổ của Kiều có thể quy vào 2 nguyên nhân:

* Nàng Kiều là nạn nhân của hoàn cảnh xã hội. Cái xã hội truyện Kiều là một xã hội phong kiến, mục nát, nền tảng đã bị lung lay đến tận gốc:

Quan lại tham nhũng:

“Một ngày là thói sai nha,
Làm cho khốc hại chẳng qua vì tiền”.

* Nỗi khổ của Kiều lại càng tăng thêm, vì nàng bẩm tính đa sầu, đa cảm. Sư Tam Hợp nói về Kiều:

“Thúy Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vậy nên những chốn thông dong,
Ở không yên ổn, ngồi không vững vàng”.

10- Việt Nam Thi Văn Giảng Luận, Hà Như Chi, quyển 2, nhà xuất bản Tân Việt, năm 1956, các trang 103-111

Kiều có tài sắc, lại thêm có nhiều tình cảm, đáng lẽ phải gặp được người xứng đáng, trọn nghĩa trăm năm, vẹn toàn hạnh phúc, thì trái lại, duyên may không gặp, lạc bước phong trần, suốt mười lăm năm mang một mối tình vô vọng...

Đời Kiều tuy rồi ren, nhưng sự phân chia trong bản ngã của nàng rất dễ nhận thấy, nhất là trong đoạn nàng than thở cho thân thế sa đọa sau những cuộc truy hoan:

“Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,
Giật mình, mình lại thương mình xót xa.
Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường...”

Nàng Kiều thương xót cho nàng Kiều, như thế, nghĩa là bên cạnh những gì bị đời làm hoen ố, nàng còn giữ được một phần bản ngã thanh cao. Sự hối tiếc của nàng chứng tỏ rằng lương tâm của nàng còn một phần chưa vẩn đục. Trong chỗ sâu xa thâm kín của tâm hồn, nàng Kiều vẫn còn là nàng Kiều đầy vẻ duyên dáng, xinh tươi, trong trắng như đóa hoa xuân nụ.”¹¹

Cuộc đời nàng Kiều, dù trải qua 15 năm lưu lạc, nhưng lúc nào cũng giữ vững được tâm thành, lòng nhân ái và là người con hiếu thảo:

“Tâm thành đã thấu đến Trời.
Bán mình đã động hiếu tâm đến Trời.

Kinh Cao Đài tụng trong lúc cúng Tứ Thời (Thời Tý, Thời

11- Việt Nam Thi Văn Giảng Luận, Hà Như Chi, quyển 2, nhà xuất bản Tân Việt, năm 1956, các trang 112-128)

Ngo, Thời Mèo, Thời Dậu) đều nhấn mạnh đến chữ TÂM (lòng), cũng như nhắc nhở người tín đồ tấm lòng Trung, Hiếu.

Kinh “Niệm Hương” mở đầu thời cúng, lặp đi lặp lại 4 lần chữ “lòng” (Tâm):

“Đạo gốc bởi lòng thành, tín hiệp,
Lòng nường nhang khói tiếp truyền ra,
Mùi hương lư ngọc bay xa,
Kính thành cầu nguyện Tiên Gia chứng lòng.
Xin Thần Thánh rủi dong cỡi hạc,
Xuống phàm trần vội gác xe Tiên,
Ngày nay đệ tử khẩn nguyện,
Chín tầng Trời Đất thông truyền chứng tri.
Lòng sở vọng gắng ghi đảo cáo,
Nhờ ơn trên bổ báo phước lành.”¹²

Bài “Khai Kinh” tụng tiếp theo bài “Niệm Hương” cũng nhắc lại 4 lần chữ lòng (Tâm):

“Biển trần khổ với trời nước,
Ánh Thái Dương gội trước phương Đông,
Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông,
Ra tay dẫn độ dày công giúp đời.
Trong Tam Giáo có lời khuyến dạy,
Gốc bởi lòng làm phải, làm lành,
Trung Dung: Khổng Thánh chỉ rành,
Từ Bi Phật dạy: Lòng thành, lòng nhơn,
Phép Tiên Đạo: tu chơn dưỡng tánh,

12- Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, năm 1992, trang 23

Một cội sanh ba nhánh in nhau,
Làm người rõ thấu lý sâu,
Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh.”¹³

“Kinh Nho Giáo” xác quyết: Cái căn bản của nhơn tâm là lòng hiếu thảo với cha mẹ và tận trung với chúa:

“Khai nhơn tâm tất bổn, ư đốc thân chi hiếu,
Thọ quốc mạch tất tiên, ư trí chúa chi trung.”¹⁴

Nàng Kiều cũng vì hai chữ “hiếu, trung” mà khuyên Từ Hải ra hàng Hồ Tôn Hiến:

“Trên vì nước, dưới vì nhà,
Một là đắc hiếu, hai là đắc trung.”

Chữ Tâm trong đạo Cao Đài rất được coi trọng. Chữ Tâm quan trọng như vậy, nhưng vẫn có người để cho tâm vọng động, xúi giục làm chuyện sai quấy. Tâm của hạng người ấy là vọng tâm, không an trụ được. Hạng người đó là những người đã làm cho cuộc đời Kiều phải trải qua 15 năm trong chốn lầu xanh đầy ưu phiền, đau khổ. Đó là bọn Ưng, Khuyển, Tú Bà, Mã Giám Sinh, Bạc Bà, Bạc Hạnh, Hoạn Thư, Sở Khanh, Hồ Tôn Hiến...

Để răn dạy tín đồ tu tâm, sửa tánh, tránh phạm vào ngũ giới cấm, tránh làm điều tàn ác, bất lương, Đạo Cao Đài có bài “Giới Tâm Kinh”, trích như sau:

“Để gì lộn kiếp đặng làm người,

13- Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, năm 1992, trang 24

14- Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, năm 1992, trang 30)

May đăng làm người chớ dễ duôi.
Lành, dữ, hai đường vừa ý chọn,
Lành như tòng, dữ tợ hoa tươi.

Hoa tươi, tòng bá khác nhau xa,
Tòng bá xơ rơ kém sắc hoa.
Gặp tiết đông thiên, sương tuyết bủa,
Chỉ còn tòng bá, chẳng còn hoa.

Còn hoa mà lại ích chi đâu,
Đẹp dáng, tươi màu, đăng mấy lâu.
Thử sánh bóng đèn cùng ánh nguyệt,
Gió dai đèn tắt, nguyệt lâu lâu.

Lầu lầu một tấm tợ đài gương,
Trung hiếu, tiết trinh vẹn mọi đường...”¹⁵

Nàng Kiều đã làm tròn đạo hiếu, nàng còn vì lòng trung với vua, đã khuyên Từ Hải ra hàng Hồ Tôn Hiến, khiến Từ Hải bị hại, nhưng lại cứu được muôn người tránh khỏi vòng binh lửa, khổ đau vì chiến nạn:

“Hại một người, cứu muôn người,
Biết đường khinh trọng, biết lời phải chẳng.
Thuở công đức ấy ai bằng,
Túc khiên đã rửa láng láng sạch rồi!
Khi nên Trời cũng chiều người.”

Quả thật, nàng Kiều có cái căn bản thiện lành và tâm thành:

15- Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, năm 1992, trang 88

“Thiện căn ở tại lòng ta,
Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Hà Như Chi tiếp: “Nói tóm lại, càng đi sâu vào “Đoạn trường tân thanh”, hình ảnh của Kiều càng dễ nhận thấy và càng linh hoạt hơn trước, Nàng có một vẻ đẹp buồn, hình dung mảnh khảnh, đáng điệu ử rữ nhưng dịu dàng, cử chỉ khoan thai, nói năng điềm đạm, từ tốn, và trong bước đường phong trần, bao giờ cũng giữ được cái vẻ thanh nhã, không quên được cái gốc gác nền nếp gia phong. Vẻ đẹp của Kiều có tính cách tinh thần nhiều hơn vật chất.”¹⁶

Khi Tố Như tiên sanh viết: “Bất tri tam bách dư niên hậu, Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như” có lẽ không thể tiên đoán được, vào ngày rằm tháng mười (âm lịch) năm Bính Dần (1926), một tôn giáo mới được khai mở tại chùa Gò Kén, xã Long Thành, quận Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam, với giáo lý lấy tinh thần Tam Giáo: Nho, Phật, Lão làm căn bản. Người tín đồ Cao Đài khi đã hiểu rõ ý nghĩa chữ Tâm trong Tam Giáo, sẽ thích thú thưởng lãm truyện Kiều và chia xẻ tâm sự của Tố Như tiên sanh gửi gắm trong truyện, qua nhân vật chánh là nàng Kiều, dù trải qua 15 năm lưu lạc, phong trần, nhưng vẫn giữ vững Tâm Thành, và Lòng Nhơn Ái.

Tác phẩm truyện Kiều quả thật xứng đáng với sự ngưỡng mộ của ông Phạm Quỳnh: “Truyện Kiều còn, tiếng ta còn, tiếng ta còn, nước ta còn...”. Ngày nay, người Việt Nam sống tại hải ngoại không hổ thẹn với tiền nhân, vì đã ra sức bảo tồn và duy trì văn hóa truyền thống cao đẹp của

16- Việt Nam Thi Văn Giảng Luận, quyển 2, Hà Như Chi, nhà xuất bản Tân Việt, năm 1956, trang 133

dân tộc. Đó cũng là tâm nguyện của Nhóm Nghiên Cứu Văn Hóa Đồng Nai & Cửu Long vậy.

Thành Phố Sydney, Úc Châu.

Ngày 15 tháng 11 năm 2009

Tiến sĩ Lê Tấn Tài (Úc Châu)

Tài Liệu Tham Khảo:

- (1) Việt Nam Thi Văn Giảng Luận, quyển 2, Hà Như Chi, nhà xuất bản Tân Việt, năm 1956.
- (2) Trích giảng truyện Kiều, Hồ Đình Chử, Sydney, Úc Châu, 1996.
- (3) Tự Điển Hán Việt, Thiều Chửu, nhà XB Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội, Việt Nam, năm 2002.
- (4) Phật Học Từ Điển, quyển 3, Đoàn Trung Còn, không ghi năm và nhà xuất bản.
- (5) Tu Tâm, Tám quyển sách quý, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, Việt Nam, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, năm 2000.
- (6) Cao Đài Từ Điển, quyển 3, Đức Nguyên, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, năm 1997.
- (7) Nho Giáo, Trần Trọng Kim, nhà xuất bản TP Hồ Chí Minh, năm 1991.
- (8) Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tòa Thánh Tây Ninh, năm 1992.

HẾT

DLT

COMPLETE AUTO BODY & REPAIR

60 Stockton, San Jose, CA 95126

Tel: (408)288-8856 FaX# (408)288-8855



ĐẶC BIỆT

Có giá thương lượng
cho thân chủ
không có bảo hiểm

*- Có nhận làm Đèn bị
vàng và scratch làm ra
như mới.

GIỜ MỞ CỬA

Thứ Hai - Thứ Bảy:
9.00 AM - 6.00 PM

- *- Chuyên làm đồng, kéo sườn
& sơn tất cả các loại xe.
- *- Có phòng sơn hấp đặc biệt &
Giàn kéo sườn tối tân.
- *- Sơn đúng màu, đẹp, láng như mới.
- *- Chủ và thợ đều có bằng tại Mỹ, có
nhiều năm kinh nghiệm trong nghề.
- *- Free estimate, deductible, towing.
- *- Nhận tất cả các loại bảo hiểm và có
nhân viên lo mọi thủ tục trực tiếp với
hãng bảo hiểm.

TẤT CẢ CÁC CÔNG VIỆC ĐƯỢC CHỦ BẢO ĐẢM

NHẬN SỬA CÁC LOẠI XE MỸ & NGOẠI QUỐC GIẢI QUYẾT MỌI TRỞ NGẠI VỀ MÁY & HỘP SỐ

- *- Engine tune-up.
- *- Thay nhớt máy,
hộp số. Thay thắng
tiện đĩa.
- *- Thay timing belt.
- *- Complete clutch job.*- Scanner set up Check engine light.
- *- Thay Máy, Hộp Số.
- *- Thay Axle, Saft.
- *- Thay Catalytic.
- *- Sửa tất cả điện xe.
- *- Computer Diagnostic.

**REBUILT MÁY, HỘP SỐ, BẢO ĐẢM 6 THÁNG HAY 1 NĂM
CHO MỌI VIỆC LÀM NHANH CHÓNG & THÀNH THẬT**

FINANCIAL SERVICES

6947 Linda Vista Road, Suite C, San Diego, CA 92111

(Trong khu chợ Thuận Phát, sau lưng Mc Donald)

Telephone: (858)467-0833 (858)277-3999

GIỮ SỔ SÁCH VÀ KHAI THUẾ (BOOKKEEPING & TAX SERVICES)

*- Giữ Sổ Sách Kế Toán
(Bookkeeping Services)

*- Làm Lương Bổng
(Payroll Services)

*- Khai Thuế
(Tax Services for
individual, Partnership,
LLC, Corporation, etc).



*- Giúp thành lập Công Ty và các Dịch Vụ Thương Mại
(Form Partnership, Corporation & Businesses).

*- Giúp sang Tiệm Nail, Tóc, Shop sửa xe, Nhà Hàng và các
Cơ Sở Thương Mại.

*- Làm các Hợp Đồng Mua Bán Tiệm, Mướn Mặt Bằng,
Thương lượng với chủ đất, Trung Tâm Thương Mại để
hoàn tất thủ tục sang nhượng hoặc mướn tiệm.

*- Thị Thực chữ ký (Notary Public) và phiên dịch các
loại đơn từ.

VĂN PHÒNG THUẾ CHUYÊN NGHIỆP HOẠT ĐỘNG QUANH NĂM

Thành Thật - Tận Tâm - Uy Tín - Lệ Phí phải chăng

Để biết thêm xin Liên Lạc:

NHỰT TƯỜNG & THÙY TRANG



LISA'S FLORIST

2424 Quimby Rd
San Jose, CA 95148

ĐT: (408)528-7675 Cell: (408)828-5833

Đảm trách mọi dịch vụ về:

- *- Hoa Tươi,
- *- Hoa Đám cưới,
- *- Đám hỏi,
- *- Đám hỏi,
- *- Sinh Nhật,
- *- Thăm viếng,
- *- Ra Trường
- *- Đeo Cổ
- *- Đeo Tay
- *- Chúc Thọ
- *- Tân Gia
- v. . v. .
- *- Free Delivery



- *- Hoa Đám
- *- Hoa phủ
trên Quan tài
- *- Hoa Phúng
Điếu
- *- Trang hoàng
Thánh Đường
- *- Bàn Thờ
Gia Tiên
- *- Đặc biệt
Có nhận may
tang phục
miễn phí.

ĐẶC BIỆT

***- Vòng hoa Phúng Điếu \$89.00**

Nhận ORDER 24/24

***- Bớt 15% cho các gia đình H.O
& các Hội Đoàn**



NORTH JACKSON DENTAL GROUP

NGUYỄN HỮU TUÔNG, DDS & TÔ MỸ HUỆ, DDS

125 N Jackson Ave, Ste 104, San Jose, CA 95116, Tel: 408-923-8272
(Cạnh Alexian Brothers Hospital, giữa Alum Rock Ave và McKee Ave)



**VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA BÁC SĨ NHÀ KHOA
HUỲNH KIM UYÊN, DDS**

Giờ làm việc

Thứ hai - Thứ bảy: 9AM- 5PM

Nghỉ Thứ Tư & Chủ Nhật

- *. Tốt nghiệp Bác sĩ Nhà Khoa tại University of the Pacific, San Francisco.
- *. Tốt nghiệp ưu hạng và được tuyển vào Hội Danh Dự Nhà Khoa Hoa Kỳ.
- *. Tốt nghiệp về Implant tại California Implant Institute.
- *. Được giải thưởng xuất sắc về các loại răng giả.
- *. Được giải thưởng về "Need, Character and Scholarship".

- *. Trồng răng Implant thẳng vào xương hàm thật nhẹ nhàng.
- *. Làm thẳng răng bằng INVISALIGN, chất liệu trong suốt, không cần niềng braces.
- *. Làm hàm giả loại niềm (Flexible denture), nhẹ và không thấy móc bằng kim loại.
- *. tẩy trắng răng tại chỗ (In Office Bleaching), hiệu quả nhanh chóng.
- *. Có máy CEREC, dùng computer để tạo răng sứ (all porcelain, không dùng kim loại), trong vài giờ là quý vị có bọc răng (crown) mới.
- *. Có máy LASER, chữa bệnh nướu răng (gum disease) không cần giải phẫu.
- *. Có máy DIGITAL X-RAY, dùng computer, giảm tia quang tuyến.
- *. Có máy INTRA-ORAL CAMERA, chụp hình màu trong miệng, giúp quý vị thấy tình trạng răng và nướu, biết những việc cần được chữa trị.



SANDY DENTAL P.C

served the North West since 1987

1672 Mc Kee Rd, San Jose, CA 95116

(góc đường McKee & McDonald Ave, giữa 101 & đường King

Điện Thoại: (408) 272-3999)

SANDY DENTAL P.C

Hệ thống nha khoa Việt Nam hoạt động tại nhiều tiểu bang và được sự tín nhiệm của đông đảo đồng bào từ năm 1987, do nhiều Bác Sĩ Nha Khoa Việt Nam trên 10 năm kinh nghiệm điều hành.

Đặc Biệt

- *-Game station cho trẻ em và cable TV
- *- Tẩy trắng răng thật đẹp chỉ \$100, khám và làm sạch chỉ có \$40.
- *- Giá cả nhẹ nhàng, uy tín, kỹ thuật cao cùng với tinh thần nghệ thuật và tình cảm.
- *- Tiếp đãi ân cần, khung cảnh trang nhã, có vườn cây, suối nước, cá vàng và nhạc êm dịu..

Nếu đã trên 6 tháng mà quý vị chưa đi làm sạch răng, hãy đến với Sandy Dental P.C để có một hàm răng trắng đẹp và một nụ cười duyên dáng.

**Trung Tâm Nha Khoa
Dentista**

**SANDY DENTAL P.C
(408)272- 3999**

Giờ mở cửa

Thứ hai - Thứ bảy 9.00 AM - 6.00 PM

**Nhận các loại bảo hiểm,
Denti Cal, Healthy Family,
Santa Clara Healthy Kids.**



SANDY DENTAL P.C

1672 McKee Rd, San Jose, CA 95116
(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mi Lacay giữa 101 & đường King
(408)272-3999

COUPON

Tẩy trắng răng (Tooth Whitening):

\$100

Giá bình thường **\$250**

SANDY DENTAL P.C

1672 McKee Rd, San Jose, CA 95116
(Góc đường McKee & McDonald, đối diện mi Lacay giữa 101 & đường King
(408)272-3999

COUPON

Khám tổng quát *- X Ray *- Làm sạch răng:

\$ 40

Giá bình thường **\$150**

TUYỂN TẬP SỐ 01
CÁC BÀI VIẾT VỀ ĐẠO

Trình bày: Nguyễn Ngọc Dũ
Sửa bản in: Nguyễn Đăng Khích
Phát hành: Nguyễn Đăng Điền

Nhận kinh sách

Xin liên lạc: Nguyễn đăng Khích
ĐT: (408)926-9186 Email: tnndk4@gmail.com

Bài vở gửi đăng

Xin email về dutani@comcast.net

Yểm trợ

Check/money order xin gửi về:

Ban Thế Đạo Hải Ngoại
3076 Oakbridge Dr, San Jose, CA 95121-1716

Trả cho: Ban Thế Đạo Hải Ngoại

SÁCH KINH BIỂU
KHÔNG BÁN



Đức Hộ Pháp ban phép lành

KÍNH BIỂU



BAN THỂ ĐẠO HẢI NGOẠI
3076 Oakbridge Dr
San Jose, CA 95121-1716
Điện thoại: (408) 238-6547